

Diễn đàn

Số 74 / 1.5.1998

ISSN 1164-2378

F O R U M



LÊ PHỔ, *Buồn / Mélançolle*, tranh lụa 1938

mục lục

2 Bạn đọc và *Diễn Đàn*

Thời sự & những vấn đề

- 1 Tỷ giá hối đoái... Vũ Quang Việt
- 5 Tin tức
- 9 Đọc báo trong nước : Giáo dục

Hồ sơ đặc biệt

- 13 Thư gửi lãnh đạo ĐCS Trần Độ

Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- 16 Thần thơ Võ Phiến Đặng Tiến
- 21 Ai giết Lê Lai ? Nguyễn Dư
- 23 Trao đổi ý kiến với N.D. Nguyễn Thắng
- 25 Xem triển lãm hội hoạ Văn Ngọc
- 26 Thơ Bùi Minh Quốc
- 27 Nàng ! (truyện ngắn) Thiên Nam

Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại tệ

Vũ Quang Việt

Tỷ giá hối đoái là giá nhằm quân bình cung cầu ngoại tệ trong một nước. Trong nền kinh tế, cung bao gồm các nguồn ngoại tệ sau : xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ, đầu tư trực tiếp của nước ngoài, vay dài hạn, đầu tư vào thị trường tài chính của nước ngoài (cổ phiếu, trái phiếu, vay ngắn hạn), chuyển nhượng khác (kiểu dân gửi về, viện trợ không hoàn lại). Cầu bao gồm nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ, trả nợ nước ngoài, rút vốn khỏi thị trường tài chính của nước ngoài, tích giữ đầu cơ, chuyển nhượng khác (không đáng kể).

Phải chăng tự do hoá hoàn toàn thị trường tài chính là giải pháp kinh tế hiệu quả nhất ?

Trước đây, các nhà kinh tế, đi đầu là Milton Friedman cho rằng thị trường tự do về ngoại tệ sẽ quyết định hữu hiệu nhất giá trị đồng bạc, hối suất sẽ ổn định nếu như các chính sách vĩ mô về kinh tế lành mạnh. Các nghiên cứu từ năm 1980 đến nay cho thấy bất ổn lớn về hối suất không phải chỉ là do các chính sách vĩ mô không lành mạnh mà còn do ảnh hưởng mạnh của dòng chảy đầu tư vào thị trường tài chính (có tính chất ngắn hạn) và tích giữ đầu cơ. Như ở Mỹ, thời gian 80-84, hối suất tăng 88 % trong khi cán cân thanh toán thiếu hụt. Đó là do số cầu đồng USD tăng cao so với số cung. Điều này không chỉ xảy ra với Mỹ.

Các nước phát triển cao còn có khả năng chịu đựng nhưng điều này sẽ đưa đến khủng hoảng trầm trọng cho các nước đang phát triển.

Tại sao hối suất lại quá bất ổn trên thị trường tự do như vậy ? Lý do chính là tính chất ngắn hạn và phản ứng tâm lý theo đuôi số đồng của người đầu tư vào thị trường tài chính và tích giữ đầu cơ. Khi nền kinh tế được đánh giá là tốt người đầu tư ÷ ạt đổ xô vào, khi bị coi là xấu, họ ÷ ạt rút ra. Nhưng tâm lý số đồng thường được khởi động do tài sản tài chính và phi tài chính lên giá quá đáng hoặc sự khác biệt lãi suất giữa các nước. Khi lãi suất nội tệ cao hơn lãi suất nước ngoài cộng thêm với khả năng mất giá nội tệ, tư bản ngắn hạn sẽ tuôn vào. Ngoại tệ tuôn vào làm tăng lượng cung tiền nội tệ, nếu không được ngân hàng trung ương triệt tiêu

(xem tiếp trang 11)

**Giáo hội Phật giáo Việt Nam
Hội Phật tử Việt Nam tại Pháp**

LỄ PHẬT ĐẢN VESAK 2542

tại Trúc Lâm Thiền Viện

9 rue de Neuchâtel, 91140 Villebon-sur-Yvette
Gare de Lozère (RER B), Tél : 01 60 14 58 15

chủ nhật 10-5-1998

10g : Lễ quy y

11g : Cúng ngõ

15g : Lễ mừng Phật Đản 2542

16g : Thuyết pháp

17g30 : Trà đạo

triển lãm

TRANH DÂN GIAN

từ chủ nhật 10.5 đến chủ nhật 17.5.1998

Học tiếng Việt tại nhà

Phụ huynh học sinh nào ở vùng Paris muốn có người khai tâm cho con em hay học thêm tiếng Việt (học nói và học viết) có thể liên lạc với

Nguyễn Thị Kim Loan, tốt nghiệp đại học,
phân khoa ngôn ngữ học (Hà Nội), tél : 01 46 71 21 78

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30

ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30

le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00

Métro : Réaumur-Sébastopol

Programme de mai 1998

ARTS PLASTIQUES

Exposition de peintures et manifestations artistiques
(films et lectures de poèmes de huit artistes thailandais)

du 8 au 31 mai

vernissage : le 7 mai à 18 h

THÉÂTRE

par la troupe de 20 artistes du Théâtre National
des Marionnettes du Vietnam

Samedi 9 mai à 16 h et à 20 h

Salle de Cinéma, Palais de l'UNESCO,

place de Fontenoy, Paris 7^e

Chèo : Thị Mầu lên chùa, Thầy bói đi chợ...

Chants polulaires, Ca trù, Berceuses, Quan họ

Danses aux masques, Marionnettes

PAF : 80 F ; Réservations : M.A.E.A.

Bạn đọc và Diễn Đàn

Giá văn bằng được thả nổi...

Diễn Đàn số tháng 3.98 (tr.6) có đăng lại bài của Lao Động ngày 5.1.98 Khánh Hoà : bằng tốt nghiệp giá 7 triệu đồng. Tôi vừa đọc báo Lao Động ngày 16.2.98 (tr.5), ký giả Lý Sinh Sự cho biết : " ở đại học KTQD họ có tới 42 con đầu giá của các trường đại học, mà bằng đóm nó bán đến 2,5 triệu đồng".

Như thế là bằng đại học đã được hạ giá tới 2/3. Phải chăng đây là nằm trong chính sách " đổi mới " để mua chuộc bọn bán bằng và mua bằng ? Nếu không thì tại sao lại bao che cho những tên tội phạm và kỷ luật những người tổ giặc ?

Trong các loại hàng giả thì thuốc chữa bệnh và văn bằng giả là hai món làm hại nhất cho xã hội. Bằng giả chỉ có lợi cho hai hạng người : 1) Bọn mua và bán bằng cấp (khác với bằng cấp) biết rõ nhờ đâu mà họ được che chở nên họ sẽ trung thành... 2) Người ta có thể tuyên truyền : Ra khỏi ngõ là gặp người có bằng đại học.

N.H.T. (Paris, Pháp)

Việc làng việc nước...

Anh bạn Vũ Hoàng Nam ở Lyon viết thơ (ĐĐ số 73, 4.98, tr. 3-4) phản bác ý kiến của Vũ Quang Việt về dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất trong bài *Làm gì để kinh tế Việt Nam không khủng hoảng trong bối cảnh kinh tế Đông Nam Á* (ĐĐ số 70, 1.98, tr. 13).

Một trao đổi ý kiến giữa công dân với công dân. Về một dự án phát triển kinh tế và xã hội. Suy đi ngẫm lại loại nói chuyện này không gây bàn tán ồn ào, nhưng mà dự án đi vào thực hiện sẽ đưa lại những hậu quả trọng hệ, trước mắt và dài lâu, chẳng cho riêng một miền Trung mà cho cả đất nước.

Nghĩ quanh nghĩ quẩn lảm rảm thế mà dường như đi tìm hiểu loại vấn đề này xem ra có phần bổ ích hơn là xôn xao bàn tán về chuyện cụ này lên, cụ kia về nghỉ. Vì cụ lên hay cụ xuống thì chẳng phải lời bàn, ý kiến của bọn phó thường dân như chúng mình mà làm được cái gì. Mà rồi, một cụ như NVL chẳng hạn, lên một thời mới gần đây thôi, làm mất bao

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27

Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Quỹ báo lụt LINDA : xây trường ở Bến Tre

Như chúng tôi đã thông báo, số tiền 8 000 FF do bạn đọc *Diễn Đàn* quyên góp trợ giúp nạn nhân trận bão Linda đã được chuyển về báo *Tuổi Trẻ* (Thành phố Hồ Chí Minh). Trong số báo ra ngày 31.3.98, *Tuổi Trẻ* cho biết đã đưa số tiền này (chuyển ra tiền Việt Nam thành 16 824 000 đồng) vào quỹ xây dựng 4 phòng học ở xã An Thuận, Thạnh Phú (Bến Tre). Công trình (trị giá tổng cộng 200 triệu đồng) sẽ khởi động ngày 1.4 và dự định hoàn thành sau 75 ngày.

nhieu là nước bọt là giấy mực để mọi người rùm beng bàn tán ; nhưng hôm nay hồi nhỏ, bản thân cụ đã làm được những cái chi chi, có ai còn nhớ chút gì không nào ?

Trái lại những cái mà thời thế bắt buộc không thể không làm về kinh tế về xã hội thì ôi chao sao mà chúng biến chuyển sâu đậm đời sống bà con trong nước đến thế ! Mà rồi, ngay đến các cụ dù ưng hay không cũng phải nương theo. Có ai lại dại đến mức mà đi cưỡng lại cái không thể cưỡng được !

Nói cho ngay, công dân có bàn với nhau về vấn đề kinh tế xã hội thì cũng rứa mà thôi. Nhưng bạn ạ, ít ra còn được chút an ủi, có cảm tưởng tí ti hiểu được mình sẽ bị ăn tươi với loại sốt nào ; ấy là tôi nôm na nói theo các bạn người Pháp : savoir à quelle sauce on va être mangé !

Thú vị thì chẳng lấy gì làm thú vị gì cho lắm đâu, nhưng có còn hơn không, có còn hơn không... phải không bạn Đ.Kh.?

Vì vậy tôi xin được chõ miệng nói leo một chút xíu vào cuộc trao đổi ý kiến của bạn Vũ Hoàng Nam với Vũ Quang Việt. Cho chuyện thêm xôm trò vậy mà !

Ý kiến nào trong một cuộc thảo luận dân chủ cũng đáng trân trọng. Đây lại là loại thảo luận hiếm thấy trên mặt báo chí Việt Nam dù là trong hay là ngoài nước : cần nhắc nên hay không về một hướng đầu tư trọng điểm có ý nghĩa chiến lược cho phát triển kinh tế và xã hội.

Nhìn với con mắt công dân của tôi thì đây chính là thảo luận chính trị trong ý nghĩa cao đẹp của nó, chọn lựa hướng

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đồ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc.

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180 F, 1/4 trang : 300 F, 1/2 trang : 550 F, 1 trang : 1000 F (*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM-TOM) : 250 FF

châu Âu ngoài Pháp : 280 FF

các nước ngoài châu Âu : 330 F)

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** : xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

đi cho tập thể, một cách có ý thức sau khi cân nhắc tính toán cẩn k.

Ý thức, cân nhắc... nói thì dễ, nhưng khi đng vào thực tiễn, vào vấn đề cụ thể, ở đất nước, ngay bây giờ, với những cái gì ta có được trong tay, giữa tình huống bấp bênh của khu vực, của thế giới. Người công dân – chúng ta có được cái tiếng là công dân chứ phải vừa đâu – biết được những gì cụ thể về đk kiện ở đất nước, có những kiến thức gì để đề cập các vấn đề phức tạp về kinh tế về xã hội đang đặt ra ?

Vì thế mà tôi vô cùng quý trọng Vũ Quang Việt với cái thao thức của anh : kịp thời đưa ra cái nhìn về những khía cạnh nóng bỏng của nền kinh tế Việt Nam, đề nghị những bước đi trong tình huống cụ thể đang xảy ra. Với những đk kiện, những số liệu mà anh nói rõ nguồn gốc hoặc phương thức tính toán. Với cách viết cho người không phải là nhà kinh tế học có thể nắm bắt được. Cứ thực thà thấy sao nói vậy, cho người bỏ bao công khó nhọc mất ruột một chút. Dĩ nhiên là chẳng lý thú như tiểu thuyết hay, nhưng kể “ ngoại đạo ” như Hai Gà Đá này cố gắng thì cũng hiểu được phần nào ý nghĩ anh muốn chia sẻ, luận bàn về những vấn đề kinh tế, tức là những vấn đề sống còn hàng đầu đang đặt ra cho dân tộc, cho đất nước.

Trong bài nói trên anh chủ yếu bàn vấn đề kinh tế Việt Nam trong con khủng hoảng tiền tệ trầm trọng ở Đông Á hiện nay, và anh có nói qua, phủ nhận tính cách hợp thời của dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất trong tình huống cụ thể ấy.

Anh Vũ Hoàng Nam có khác. Anh nghĩ rằng công nghiệp lọc dầu giúp nhiều cho việc mở mang vùng anh ở, vùng Lyon. Suy ra thì chắc rằng cũng có lợi cho Việt Nam...

Hầu như anh Nam bay bổng ra đứng ngoài thời gian và không gian.

Trừ cụm từ “ nhà máy lọc dầu ” ra, hai vùng Lyon và Dung Quất cách biệt nhau đến thế nào, đọc anh chẳng biết anh có tính tới hay không.

Trong tình hình khủng hoảng tiền tệ của cả vùng Đông Á, phải dự trù yếu tố đầu tư ngoại tệ sẽ còn sút kém về lượng, nặng thêm về lãi suất, dự án Dung Quất ảnh hưởng thế nào vào sức đầu tư và phát triển chung cho miền Trung, cho cả đất nước ? Triển vọng kinh tế và xã hội của nó đặt trong tình thế mới này như thế nào ?

Những câu hỏi cụ thể thiết thân cho dự án, không thấy anh suy tính.

Nhưng thôi, cho là anh không có đk kiện để cân nhắc lợi hại trong những vấn đề này. Ngay cả vấn đề dễ biết hơn, như công nghiệp lọc dầu trong những nền kinh tế trình độ phát triển thấp hơn Pháp, ở Mexique chẳng hạn, có đủ sức cạnh tranh với thị trường thế giới chẳng, hay là lỗ lỗ đến thành con vịt què làm gánh nặng cho nền công nghiệp dầu khí của cả nước ? Không thấy anh bàn tới.

truyện ngắn VŨ HỒI NGUYỄN trên mạng internet

Bạn đọc Diễn Đàn có thể tìm đọc sáng tác của Vũ Hồi Nguyễn tại địa chỉ <http://www.mygale.org/02/vuvan>

PRINTEMPS VIETNAMEIEN

présenté par la Mairie de Paris, avec le concours de l'AFAA et du Ministère des Affaires Etrangères

PEINTURE

PARIS - HANOI - SAIGON l'aventure de l'art moderne au Vietnam

jusqu'au 17 mai au Pavillon des Arts

101, rue Rambuteau (Terrasse Lautréamont), Paris 1er
(tous les jours, sauf lundi et jours fériés, de 11h30 à 18h30)

**Nguyễn Minh Thành, Nguyễn Văn Cường,
Nguyễn Quang Huy, Christine Jean** : Galerie Area, 10 rue de Picardie, Paris 3è (du 23 avril au 7 juin)
Les Vietnamiens de Paris : La Réserve d'Area, 50 rue d'Hauteville, Paris 10 (du 14 au 31 mai)

PHOTO

A la découverte de la photographie vietnamienne exposition de 28 artistes de Hanoi et de HCM-ville et de Rémy Gastambide

Espace photographique de Paris (Forum des Halles, place Carrée), tous les jours (sauf lundi et mardi) de 13h à 18h
du 20 mars au 28 juin

“ Un double regard ”

Xavier Lambours / Võ An Ninh
jusqu'au 30 mai, Galerie Photo de la FNAC Forum des Halles

Jean-Baptiste HUYNH : IMTIME INFINI
jusqu'au 30 mai à l'Hôtel d'Albret, 31 rue des Francs-Bourgeois, Paris 4è (du lundi au vendredi, de 10 à 18h)

SPECTACLES

Création : **TRAGEDY AT THE OPERA**
de **P.Q. PHAN** par le **Quatuor Kronos**
mardi 19 mai (20h30) au Théâtre de la Ville

Lật đi lật lại ý kiến của anh, tìm không ra nó đem lại yếu tố gì để giải đáp cho câu hỏi cụ thể mà anh có ý định nêu lên thảo luận : dự án Dung Quất có thích hợp cho Việt Nam hay chẳng, trong tình hình khủng hoảng kinh tế tài chính vùng Đông Á hiện nay ?

Mở ra cho mọi công dân một không gian tự do thảo luận các vấn đề nóng bỏng đang đặt ra cho đất nước, lẽ ra phải là chuyện bình thường, chẳng có gì đáng nói. Nhưng Việt Nam, đã từ lâu rồi, là một ngoại lệ. Và quá hiếm khi được thấy thảo luận thật sự trên mặt báo chí, dù là ở trong hay ở ngoài nước, những chọn lựa hệ trọng về dài lâu cho dân tộc.

Vì vậy mà nói tới nói lui tôi vẫn cứ trân trọng bức thư của anh Vũ Hoàng Nam. Và tiện đây cảm ơn Diễn Đàn, tờ báo tiếng Việt thường đăng những bài có trình độ làm cơ sở để thảo luận đúng đắn.

Nhưng mà này, các ông Diễn Đàn ơi, con đường ai đi thành thang tám bước ở đâu không biết, chớ con đường diễn đàn dân chủ cho công dân sao mà dằng dặc ! Đi, đi mãi, đi mãi đã bao năm rồi, mà nhìn lại sao chẳng khác gì dẫm chân tại chỗ ?

Hai Gà Đá (Antony, Pháp)

Tin tức Tin tức

Quốc hội : vẫn tà tà

Kỳ họp mùa xuân 1998 của quốc hội khoá 10, khai mạc ngày 21.4 và kéo dài khoảng một tháng, chỉ sẽ thảo luận và thông qua 2 đạo luật mới, và sửa đổi, bổ sung 5 luật đã ban hành :

- Luật Khiếu nại và tố cáo ;
- Luật Tài nguyên nước ;
- Sửa đổi và bổ sung một số điều khoản trong luật Thuế xuất nhập khẩu ;
- Sửa đổi và bổ sung một số điều khoản trong luật Ngân sách nhà nước ;
- Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, sửa đổi ;
- Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, sửa đổi ;
- Luật Quốc tịch, sửa đổi.

Quốc hội cũng sẽ góp ý kiến về các dự thảo sửa đổi và bổ sung một số điều khoản trong luật Hôn nhân và Gia đình, luật Hình sự, để thông qua trong một kỳ họp tới.

Ngoài ra, quốc hội cũng sẽ thảo luận về báo cáo của chính phủ về tình hình kinh tế - chính trị, chỉ định thống đốc ngân hàng quốc gia (thay ông Cao Sỹ Kiêm, được thủ tướng Phan Văn Khải đề nghị trong kỳ họp trước nhưng không được thông qua - xem ĐĐ số 67)..

Thay mặt chính phủ, phó thủ tướng thứ nhất Nguyễn Tấn Dũng đã đọc báo cáo nhấn mạnh những khó khăn trước mắt, và kêu gọi nỗ lực thực hiện những cải tổ cơ cấu của nền kinh tế. Theo ông Dũng, những khó khăn nói trên “ *không phải từ trên trời rơi xuống mà bắt nguồn sâu xa từ những yếu kém cơ bản của nền kinh tế*”. Cán bộ thiếu hiểu biết chẳng hạn. Không những thế, còn có những người “ *cố tình vi phạm pháp luật trong khi thi hành phận sự*” ! Phó thủ tướng cũng nhấn mạnh là quá nhiều xí nghiệp quốc doanh làm ăn lỗ lã, nhưng theo ông chỉ có thể cải tổ từng bước khu vực này vì nếu làm nhanh sẽ phải sa thải hàng loạt nhân công trong khi nạn thất nghiệp đã rất lớn. Tuy nhiên, ông không đưa ra con số nào về vấn đề này.

Theo ông, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tại các nước trong vùng đã trở thành trầm trọng hơn do yếu kém và tiêu cực trong quản lý kinh tế. Trong hai tháng đầu năm nay, xuất khẩu của Việt Nam sang các nước bạn ASEAN giảm 48 % so với cùng thời kỳ năm ngoái, xuất sang Trung Quốc giảm 20 % và sang Hàn Quốc giảm 60 %. Ngoài ra, đầu tư nước ngoài vào VN cũng giảm rõ rệt (xem thêm tin dưới đây). (VNA, Reuters 21.4, Financial Times 22.4.1998)

Tình hình kinh tế quý 1 : Đà đi xuống

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà giảm tốc, tăng trưởng đã chững lại không chỉ vì những lý do ngoại sinh hay nhất thời - con bão tiền tệ và tài chính châu Á, hạn hán El Niño - mà còn do những nguyên nhân nội tại và cơ bản là : thực

trạng của hệ thống tín dụng và ngân hàng, của khu vực doanh nghiệp nhà nước và nạn tham nhũng trong bộ máy chính quyền. Đó là nhận định tương đối thực tế toát ra từ báo cáo của chính phủ do phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trình bày trước quốc hội cuối tháng 4 vừa qua. Bản báo cáo báo động về những lĩnh vực đã suy giảm trong quý 1 năm 1998 : sản xuất công nghiệp, đầu tư cơ bản, đầu tư nước ngoài, xuất nhập khẩu, hàng không, du lịch.

Theo những số liệu chính thức đầu tiên được công bố, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt trong quý một 2,2 tỷ USD, tăng 12,8 % so với cùng thời kỳ năm ngoái (mức tăng thấp nhất từ năm 1992 trở lại đây), thay vì 24-25 % như mục tiêu chính phủ đưa ra và 32 % thực hiện trong quý 1 năm 1997 (riêng đối với các nước khu vực ASEAN, kim ngạch xuất khẩu đã giảm 48 % trong hai tháng đầu năm). Tổng kim ngạch nhập khẩu cũng chỉ đạt có 2,6 tỷ USD, so với cùng thời kỳ năm ngoái là giảm 1,8 % (trong đó giá trị máy móc thiết bị giảm hơn 9 %) cho nên nhập siêu (450 triệu USD) xuống ở mức rất thấp. Trong ngành du lịch, doanh thu chỉ tăng có 5,8 % so với quý 1 năm 1997 trong khi đó số lượng hành khách hàng không đã giảm 5,4 %. Tổng số dự án đầu tư nước ngoài (51 dự án với tổng số vốn đăng ký là 1 tỷ USD) được cấp giấy phép giảm 24 % so với cùng thời kỳ năm ngoái.

Cũng trong quý 1, sản xuất công nghiệp tăng 13 % thay vì 14 % năm ngoái. Trong khu vực doanh nghiệp có vốn nước ngoài, 28 000 người, tương đương 8 % tổng số lao động trong khu vực, đã mất việc làm (tỷ số này lên đến 30 % ở nhiều doanh nghiệp trong các khu chế xuất và khu công nghiệp). Đáng lo nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh - đầu tàu kinh tế của cả nước -, sản xuất công nghiệp chỉ tăng 10,3 % trong khi mục tiêu đưa ra là 14-15 % (so với cùng thời kỳ : năm 1997 là 11,7 %, năm 1996 là 17,2 %, năm 1995 là 17,1 %).

Mặc dù vậy, bản báo cáo của ông Nguyễn Tấn Dũng không đặt vấn đề xét lại các chỉ tiêu của chính phủ đề ra cho cả năm 1998 (trong đó có chỉ tiêu tăng trưởng 9 % tổng sản lượng quốc nội (GDP)). Hơn thế nữa, trước các đại biểu quốc hội, bộ trưởng tài chính Nguyễn Sinh Hùng cho rằng chỉ tiêu 9 % vẫn còn nằm trong tầm tay. Trong khi đó, trả lời câu hỏi của báo chí, bộ trưởng chủ nhiệm văn phòng chính phủ Lại Văn Cử không loại trừ khả năng điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng GDP. Trước đó một tuần, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) công bố một bản báo cáo về kinh tế Việt Nam với dự đoán rằng tăng trưởng GDP không vượt 5 % trong năm 1998.

Bản báo cáo IMF còn cảnh báo Hà Nội về khả năng khủng hoảng cán cân thanh toán và kinh tế mất ổn định vĩ mô, kéo theo những biến động trong xã hội. IMF khuyến cáo : “ *cải cách cơ cấu và quản lý kinh tế vĩ mô theo phương thức đi từng bước không còn thích hợp nữa*”. (Đầu Tư 26 và 30.3 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 2.4 ; AP 15 và 21.4 ; Reuters 20 và 21.4.98)

Hạn hán

Giữa tháng 4, đã có một vài trận mưa ở Tây Nguyên và Nam bộ, làm giảm cơn nóng và mang lại cho đồng ruộng một lượng nước đáng kể. Tuy nhiên, theo tổng cục khí tượng, mùa khô sẽ chưa chấm dứt trước tháng 5. Cuộc hạn hán lớn do

ảnh hưởng của hiện tượng khí tượng El Nino, kéo dài từ cuối tháng 8.97 tới nay, đặc biệt tác động lên sản xuất cà phê, một nguồn xuất khẩu lớn của VN. Riêng ở Daklak, tỉnh sản xuất 60 % cà phê VN, diện tích cà phê bị thiệt hại được ước tính lên đến hơn 25 % vào tuần đầu tháng 4, và có thể tăng lên nhiều nữa nếu không có mưa sớm. Theo ông Philip Riddell, một chuyên gia về nước đang làm việc tại Daklak trong một chương trình về nguồn nước do chính phủ Đan Mạch trợ giúp VN, tác hại của hạn hán tăng lên do môi trường bị huỷ hoại, diện tích rừng phủ mất nhiều làm cho sông ngòi bị khô rất mau. Theo chỉ tiêu ban đầu của chính phủ, VN sẽ xuất cảng từ 380 đến 400 ngàn tấn cà phê trong năm nay, nhưng nay chỉ tiêu đó được hạ xuống còn từ 320 tới 340 ngàn tấn.

Mặt khác, mực nước trong các ruộng lúa ở các tỉnh nam bộ cũng xuống thấp, hơn 300 000 ha ở nam bộ bị nguy cơ mất mùa. Đầu tháng 4, người ta được biết chính phủ đã ra chỉ thị hạn chế bớt mức xuất khẩu gạo để bảo đảm an ninh lương thực cho cả nước. Tuy nhiên, ngày 7.4, trong buổi gặp chủ tịch hội đồng Liên hiệp châu Âu Jacques Santer ở Brussels, thủ tướng Phan Văn Khải cho biết ông không ký chỉ thị đó vì đang ở nước ngoài (xem tin kèm theo), và không nghĩ rằng điều đó là cần thiết. (Saigon Times 6.4, Reuters 7 và 8.4.1998)

Hội nghị Á - Âu trong cơn bão tài chính Đông Á

Thủ tướng Phan Văn Khải đã đại diện Việt Nam sang Luân Đôn dự hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (Asia Europe Meeting - ASEM) lần thứ hai, trong hai ngày 3 và 4.4.1998. ASEM là một diễn đàn quy tụ 15 nước EU, 7 nước ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, ra đời do sáng kiến của tổng thống Pháp Chirac, đã họp lần đầu ở Bangkok năm 1996, và sẽ họp lần thứ 3 vào năm 2000 ở Seoul, Hàn Quốc. Con bão tài chính ở các nước Đông Á, kéo theo những khó khăn của Nhật dĩ nhiên đã là chủ đề nổi bật trong hội nghị. Khai mạc hội nghị, thủ tướng Anh Tony Blair đã khẳng định " *Chúng tôi không phải là những người bạn chỉ vỗ tay vào những khi vui vẻ, còn hoạn nạn thì rút ra*". Song, theo báo Nhật Nihon Keizai Shimbun, tổng thống Hàn Quốc Kim Dae-jung đã nói riêng với ông Tony Blair : " *Nếu châu Âu không giúp chúng tôi nhiều hơn nữa thì có lẽ ông là người cuối cùng chủ trì một hội nghị cấp cao Á - Âu !*". Thực ra, không thể nói rằng EU không tích cực góp phần mình hỗ trợ cho các nước Đông Á mau ra khỏi khủng hoảng. Theo nhật báo Pháp **Le Monde** ngày 4.4, trên tổng số 53,4 tỉ đôla mà các định chế tài chính quốc tế đã bỏ ra giúp các nước Thái Lan, Hàn Quốc, Indônêxia và Philipin trong mấy tháng qua, EU đã đóng góp 16 tỷ, so với Mỹ 9,6 tỷ. Nếu kể cả các hỗ trợ song phương, phần của châu Âu lên đến 22,2 tỷ trong khi của Mỹ là 17,5 tỷ. Tại Luân Đôn, hai Chương trình hành động, một về mậu dịch và một về đầu tư, được thông qua trong hội nghị ASEM cấp bộ trưởng hồi tháng 9.1997 ở Nhật, đã được khẳng định, chính thức hoá các cam kết của mỗi nước trên hai phương diện nói trên. Ngoài ra, một Quỹ hỗ trợ kỹ thuật đã hình thành, với vốn hoạt động 50 triệu đôla, nhằm đưa các chuyên gia sang giúp các nước đang bị khủng hoảng cải tổ

hệ thống tài chính... Tuyên bố chung của hội nghị đã khẳng định EU hết mình hỗ trợ những nỗ lực của IMF để giúp châu Á ra khỏi khủng hoảng. Vấn đề là, sự " *hỗ trợ hết mình* " đó tới mức nào, khi theo tổng thống Kim Dae-jung mỗi ngày nước ông có thêm 10 000 nhân công bị sa thải vì cuộc khủng hoảng...

Trước và sau hội nghị, thủ tướng VN đã đến thăm các nước Áo, Pháp, Bỉ và hội đồng Liên hiệp châu Âu (EU). Cùng đi với ông, ngoài ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, còn có bộ trưởng thương mại Trương Đình Tuyển, các thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Tam Chiến, tài chính Lê Thị Bằng Tâm. Tại Brussels, ông đã gặp chủ tịch hội đồng EU Jacques Santer và các phó chủ tịch Manuel Marin và Leon Brittan. Hai bên đã đồng ý đẩy mạnh việc thực hiện hiệp định hợp tác đã ký kết vào năm 1996. Cuộc họp sắp tới của Ủy ban hỗn hợp EU - VN sẽ được triệu tập vào tháng 10 năm nay tại Brussels. (VNA 4 và 8.4, Le Monde 4-6.4, Courier International 16.4.1998)

Sa thải nhân công

Theo VNA (Việt Nam thông tấn xã) ngày 11.4, tin từ bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cho biết gần đây, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng trong khu vực, nhiều xí nghiệp cả quốc doanh và liên doanh với nước ngoài đã sa thải hàng loạt nhân công. Tỷ lệ người lao động bị mất việc lên đến 8 % trong các xí nghiệp quốc doanh và 11 % ở những công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Tính theo khu vực kinh tế thì công nghiệp mất 16 % nhân công, nông nghiệp mất 12 % và xây dựng 8 %.

Một cuộc điều tra ở 1855 doanh nghiệp cho thấy đơn đặt hàng xuất khẩu giảm rõ rệt ở những xí nghiệp may mặc, giày dép. 747 xí nghiệp không có đủ việc làm cho nhân công của mình. Các chuyên gia về lao động ước tính số người bị mất việc trong đợt khủng hoảng này có thể lên tới 80 000 trong cả nước. Nhiều công ty tìm cách hạn chế số nhân công phải sa thải bằng cách giảm số giờ lao động, chuyển việc của một số người, giảm bớt chuyên gia nước ngoài..., nhưng đối với nhiều công ty quốc doanh lỗ lã vẫn kéo dài và việc đóng cửa nguyên cả xí nghiệp dĩ nhiên còn làm căng thẳng thêm tình hình thất nghiệp.

VN - WTO

Đơn xin gia nhập Tổ chức mậu dịch thế giới (WTO) của VN sẽ được chính thức xem xét vào tháng 6 tới tại Genève. Để chuẩn bị cho cuộc thương lượng, nhiều quan chức của các tổ chức quốc tế liên hệ đã tới làm việc với VN trong tháng 4 vừa qua.

Ông Rubens Ricuperro, tổng thư ký Hội nghị Liên hiệp quốc về mậu dịch và phát triển (UNCTAD) đã tới Hà Nội từ 6 đến 10.4, tham gia một cuộc họp ba ngày giữa các chuyên gia VN và quốc tế về mậu dịch, và gặp gỡ các ông Nguyễn Mạnh Cầm, phó thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao, Trương Đình Tuyển, bộ trưởng thương mại. Các ông Cầm và Tuyển cũng đồng thời là chủ nhiệm và phó chủ nhiệm uỷ ban quốc gia vì hợp tác kinh tế quốc tế. Ông Ricuperro cũng đã tiếp kiến tổng bí thư Lê Khả Phiêu.

Hơn 10 ngày sau, Hà Nội cũng đã cùng Liên hiệp châu Âu tổ chức một hội thảo về WTO, với sự có mặt của ông Karl Falkenberg, người phụ trách về WTO của hội đồng EU tại Brussels.

Cả hai ông Ricupero và Falkenberg đều đã hỗ trợ ý muốn gia nhập WTO của VN, đồng thời không quên cảnh báo với VN về cái giá phải trả để đổi lấy những lợi lộc của việc gia nhập này, cụ thể là những cam kết phải tôn trọng trong quan hệ với những nước trong tổ chức. Ông Falkenberg nói rõ những cam kết đó, về giá cả và quan thuế, về sự chuyển đổi tiền tệ, về những luật lệ trong suốt đời với việc xin môn bài, không phân biệt đối xử giữa doanh nhân trong và ngoài nước v.v... Theo ông, quá trình thực hiện những đòi hỏi chung của WTO đối với VN sẽ kéo dài ít ra là 2, 3 năm tới.

Khi VN góp đơn gia nhập WTO năm 1995, các chuyên gia của tổ chức đã đưa lại một bảng hơn 2 000 câu hỏi về thực tiễn kinh doanh ở VN, ngày nay bảng câu hỏi đó đã rút xuống còn khoảng hơn 600 câu mà UNCTAD đã hứa giúp VN giải đáp. (VNA 4, 8.4, AFP 22.4.1998)

Chống sốt rét

Việt Nam, Lào và Cam Bốt đã thoả thuận về một số biện pháp phối hợp chống sốt rét ở ba nước : đào tạo cán bộ, trao đổi thông tin và kiểm soát bệnh tật ở vùng biên giới. Thoả thuận đạt được trong một cuộc họp tại Hà Nội do bộ trưởng y tế ba nước chủ trì, và là một phần của Chương trình kiểm soát sốt rét trong vùng do EU hỗ trợ. Dự kiến, chương trình sẽ được thực hiện trong 4 năm, với sự hợp tác kỹ thuật của Tổ chức y tế thế giới (WHO), EU góp vào 30,8 triệu đôla trong đó 14 triệu dành cho Việt Nam.

Trước đó, trong 3 ngày 7-9.4, một hội nghị chống sốt rét đã quy tụ ở Huế hơn 30 chuyên viên y tế của WHO, của Chương trình kiểm soát sốt rét trong vùng, và của các chương trình chống sốt rét Việt Nam - EU, Việt Nam - Úc. Hội nghị đã xem xét kết quả của 5 năm hoạt động 1992-1997, và thảo luận về chiến lược chống sốt rét trong 3 năm tới đây. Từ 1992 tới 1997, các trường hợp chết vì sốt rét ở VN giảm 96,7 %, trường hợp nhiễm bệnh giảm 59,2 % và trường hợp có dịch sốt rét giảm 97,4 %. Năm 1997, 36 trên tổng số 61 tỉnh, thành ở VN không có người nào bị chết vì sốt rét. (VNA 11, 14.4.1998)

Doanh nghiệp : tháo gỡ những vướng mắc ?

Để đối phó với tình hình kinh tế trên đà đi xuống, phiên họp thường kỳ tháng 3 của chính phủ đã đề ra 8 nhiệm vụ sẽ tập trung thực hiện trong quý 2 gồm : tháo gỡ những vướng mắc của các doanh nghiệp ; thúc đẩy sản xuất nông nghiệp vượt qua hạn hán ; khuyến khích hoạt động xuất khẩu tìm kiếm thị trường ; huy động viện trợ phát triển và đầu tư trực tiếp nước ngoài ; tăng thu ngân sách ; xử lý kịp thời những biến động tiền tệ và tài chính ; đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước ; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính.

Riêng đối với các doanh nghiệp, tiếp theo ba cuộc gặp gỡ với doanh nhân ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, thủ tướng Phan Văn Khải đã ban hành chỉ thị giải quyết những kiến nghị và tạo thuận lợi cho hoạt động doanh

nh nghiệp trong đó có những biện pháp như sau :

- Thành lập doanh nghiệp : Nhà nước qui định những ngành nghề không được kinh doanh hay muốn kinh doanh phải xin phép. Ngoài phạm vi đó, người dân muốn kinh doanh chỉ cần đăng ký, không phải xin phép nhà nước như hiện nay nữa.

- Xuất nhập khẩu : Ngoại trừ một số ít mặt hàng cần duy trì sự kiểm soát của nhà nước, đối với những mặt hàng còn lại nhà nước bãi bỏ giấy phép xuất khẩu. Chuyển chế độ phân phối quota sang chế độ đấu thầu quota. Bãi bỏ thuế thu nhập bổ sung đối với doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu.

- Kiến nghị và khiếu nại : Các cơ quan nhà nước phải trả lời trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại của doanh nghiệp. Đối với các nhà đầu tư nước ngoài, bộ kế hoạch và đầu tư phải trả lời trong vòng một tuần. Các doanh nhân có thể gửi kiến nghị trực tiếp đến cho thủ tướng để xem xét giải quyết. Mỗi 6 tháng, thủ tướng gặp đại diện các hiệp hội và doanh nghiệp lớn ; mỗi 3 tháng, thủ tướng gặp các bộ và uỷ ban nhân dân để xem xét giải quyết riêng những vấn đề doanh nghiệp.

Theo những số liệu thống kê năm 1997, cả nước hiện có khoảng 30 450 doanh nghiệp tư nhân các loại, và trên tổng số đăng ký này chỉ có 21 360 đang hoạt động, trong đó 99 % là doanh nghiệp cỡ vừa và nhỏ (vốn dưới 5 tỉ đồng và nhân công dưới 200 người). Nếu năm 1993, có 6370 doanh nghiệp tư nhân mới thành lập, con số này giảm xuống 4319 năm 1994 và chỉ còn 2228 năm 1997. Chủ tịch uỷ ban doanh nghiệp vừa và nhỏ của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, ông Vũ Tiến Lộc, cho rằng nguyên nhân cốt lõi của sự sa sút này nằm ở chỗ " cơ chế và chính sách ". Để thành lập một doanh nghiệp, hiện nay, phải xin đến 20 loại giấy tờ khác nhau, tính ra bình quân phải mất thời gian 6 tháng và 10 triệu đồng chi phí. Một nguyên nhân khác là sự thay đổi bất thường cũng như sự không rõ ràng của môi trường pháp lý trong kinh doanh đã làm nhiều doanh nghiệp điêu đứng, thậm chí phá sản. Không có gì đáng ngạc nhiên khi trong giới kinh doanh đã lan truyền " phương châm ba không " : không làm lớn, không làm lâu dài và không làm công khai⁴.

Còn về thực trạng của khu vực quốc doanh, một báo cáo của bộ tài chính cho biết tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của 6000 doanh nghiệp nhà nước ngày càng giảm : 5,7 % năm 1995, 4 % năm 1996, 3 % năm 1997. Hiện nay, số doanh nghiệp làm ăn có lãi vào khoảng 25 %, số doanh nghiệp thua lỗ chiếm 28 %. Nếu dựa trên cách tính mới, buộc doanh nghiệp tính đủ chi phí, kể cả khoản dự phòng và tổn thất (công nợ khó đòi, hàng hóa mất phẩm chất, tài sản mất mát ...) thì tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước bị lỗ lên đến trên dưới 50 %. Cải cách doanh nghiệp trước hết là trả lời câu hỏi : Cần giải thể bao nhiêu doanh nghiệp nhà nước và duy trì bao nhiêu ? Duy trì ở ngành sản xuất nào và thời gian bao giờ là dứt điểm các doanh nghiệp thu lỗ ? Thái độ chần chừ " bỏ thì thương, vương thì tội " của nhà nước, không thể kéo dài bởi vì gánh nặng đó, ngân sách nhà nước và cuối cùng là người dân không thể chịu đựng được nữa khi mà tăng trưởng kinh tế đã chững lại. (Tuổi Trẻ 2.4 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 19.3 và 2.4.98)

Xử án Dệt Nam Định : những người lọt lưới ...

Cuối tháng 3 vừa qua, toà án sơ thẩm tỉnh Nam Định đã xét xử vụ tham ô tập thể của ban lãnh đạo công ty Dệt Nam Định và tuyên phạt 3 án tù chung thân đối với các ông Nguyễn Duy Kiềm (tổng giám đốc), Nguyễn Văn Tuyên (phó rồi tổng giám đốc), Trần Ngọc Vinh (kế toán trưởng) vì 4 tội : tham ô tài sản nhà nước, cố ý làm trái qui định của nhà nước, báo cáo sai trong quản lý kinh tế, thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Tòa cũng tuyên án tù giam từ 1 đến 20 năm đối với 10 bị cáo khác. Tòa còn buộc những bị cáo phạm tội tham ô bồi hoàn mỗi người hơn 1 tỷ đồng cho công ty Dệt Nam Định.

Theo bản cáo trạng, trong những năm từ 1990 đến 1995, ông Nguyễn Duy Khiêm – biệt danh là “ Ông vua không ngại ” – và ban giám đốc công ty đã rút từ công quỹ 14,6 tỷ đồng để chia nhau dưới dạng “ tiền thưởng ” và hối lộ quan chức của nhiều cơ quan và ngân hàng. Mặc dù công ty làm ăn thu lỗ đến 139,9 tỷ đồng trong các năm 1992-1994, ban giám đốc đã lập báo cáo lãi lớn để tiếp tục vay tiền ngân hàng, để lại cho công ty một món nợ không có khả năng thanh toán lên đến 293 tỷ đồng.

Theo tường thuật của báo Tuổi Trẻ, cả thành phố Nam Định như “ sôi ” lên trước phiên tòa, và hàng chục ngàn người dân đã kéo đến tụ tập chung quanh tòa án để theo dõi vụ án qua loa phóng thanh. Bà Nguyễn Thị Lý, một công nhân làm việc ở nhà máy dệt Nam Định từ năm 1945 và nay đã nghỉ hưu, nói với báo chí : “ *Thằng Pháp rồi thằng Mỹ nhiều lần phá hoại nhà máy. Hàng nghìn chị em chúng tôi vẫn đợi bom dệt vải. Thế mà, chỉ vài ông tham nhũng thôi cũng phá được nhà máy* ”.

Tuy nhiên, phiên tòa vừa qua chưa thuyết phục được người dân về sự phán xét nghiêm minh của pháp luật. Dư luận tiếp tục thắc mắc vì sao trên tổng số 27 người liên quan đến vụ án, có đến 17 người không ra hầu tòa, trong đó có 7 người cáo “ ốm ”. Cũng như trên 24 nhân chứng của vụ án, có đến 20 người vắng mặt, phân nửa với lý do “ đi công tác xa không về kịp ”. Và người ta không thể hiểu vì sao các quan chức ngân hàng đều không phải ra trước vành móng ngựa trong khi cơ quan công an điều tra đã có trong tay danh sách những người nhận tiền hối lộ từ công ty Dệt Nam Định. Riêng kế toán trưởng Trần Ngọc Vinh thừa nhận trực tiếp đã đi “ biểu ” quan chức các cơ quan và ngân hàng cho vay vốn một số tiền lên đến 5,4 tỷ đồng. Báo Đại Đoàn Kết đặt câu hỏi : “ *Chẳng lẽ không có cách nào để khẳng định sự thật trước thanh thiên bạch nhật, và cứ để cho những kẻ có tội lọt lưới hết vụ này đến vụ khác* ”. (Tuổi Trẻ 10, 29 và 31.3 ; Lao Động 16.3 ; Đầu Tư 23 và 26.3 ; Đại Đoàn Kết 28.3.98)

Cầu đổ

Cầu Bình Điền, trên quốc lộ 1A ngoại ô thành phố HCM, đã sụp đổ ngày 31.3, do bị một chiếc tàu 600 tấn đụng vào một trụ cầu trên sông. Hai chiếc xe vận tải, và hai mô tô bị rơi xuống sông, 4 người bị thương song không có ai bị thiệt mạng. Dài 124m, gồm 5 cột trụ, cầu Bình Điền có trọng tải 25 tấn, được xây vào những năm 1970.

Theo báo Phụ nữ thành phố, TP HCM có 236 chiếc cầu, trong đó chỉ có khoảng 15 % đáp ứng những tiêu chuẩn an toàn ! Chính phủ Nhật đã trợ cấp cho một chương trình hiện đại hoá cầu trên quốc lộ 1A từ nay đến năm 2001. Theo báo Lao Động ngày 6.4, bộ trưởng giao thông - vận tải Lê Ngọc Hoàn cho biết những cầu lớn trên cả nước được thanh tra thường xuyên. Trong trường hợp cầu Bình Điền, một viên chức phòng quản lý cầu đường 711 cho biết nó đã được thanh tra một tháng trước.

Công ty kỹ thuật giao thông số 6 đã được giao trách nhiệm xây một chiếc cầu tạm thay cầu Bình Điền. Trong khi chờ đợi, hai chiếc phà đã được chuyển tới để chuyên chở người và xe cộ sang sông. (Tin VNA 1, 6, 7.4.1998)

Tin Ngắn

- Quỹ LHQ vì trẻ em (UNICEF) trong một tuyên bố ngày 6.4 tại Hà Nội đã yêu cầu VN có những hành động thực tiễn thay vì chỉ là những lời nói suông để bảo vệ an toàn cho người mẹ khi sinh đẻ. Theo UNICEF, từ năm 1990 VN đã đưa ra kế hoạch hạ con số 160 tai nạn tử vong cho người mẹ trên 100 000 vụ sinh nở xuống còn 70 vào năm 2000, nhưng từ đó đến nay chỉ mới hạ được tỷ lệ này xuống còn 137/100 000.

- Theo thông tấn xã Đức DPA, cuối tháng này một phụ nữ 38 tuổi, bà Phạm Thị Thanh Dung, sẽ cho ra đời ở bệnh viện Từ Dũ đứa trẻ VN đầu tiên được bằng phương pháp thụ thai trong ống nghiệm (*in-vitro*) được phát minh từ 20 năm nay. 160 phụ nữ vô sinh khác cũng đã được Từ Dũ cấy thai *in-vitro*, chờ đến ngày sinh nở.

- Xí nghiệp đầu tiên sản xuất bao cao su ngừa thai đã ra đời tại TP HCM. Được nhà nước hỗ trợ, xí nghiệp có mục tiêu sản xuất và bán với giá rẻ 100 triệu bao cao su trong vòng 4 năm tới. Phương pháp ngừa thai này cho tới nay không được hỗ trợ vì những lý do đạo lý bảo thủ, khiến cho VN đã trở thành nước có tỷ lệ đàn bà phá thai cao nhất ở châu Á.

- Giám mục Bartholomy Nguyễn Sơn Lâm, dẫn đầu một đoàn đại biểu gồm 8 giám mục các địa phận Thanh Hoá, Đà Lạt, Cần Thơ, Long Xuyên, Nha Trang, Huế, Thái Bình, Hà Nội, và 3 linh mục đã lên được sang Roma dự hội đồng giám mục châu Á ở Vatican trong tháng 4. Tháng tới, tân tổng giám mục TP HCM Jean-Baptiste Phạm Minh Mẫn cũng sẽ đi Vatican thụ chức với giáo hoàng Jean-Paul II.

- Một người đàn ông 68 tuổi, ông Nguyễn Văn Kính, quê ở Hà Tây đã tuổi xế chiều lên mình và tự thiêu tại một công viên gần quảng trường Ba Đình, Hà Nội, ngày 16.4. Được chở vào bệnh viện quân đội 103 để cấp cứu, song ông Kính đã từ trần. Người ta chưa biết lý do của cuộc tự thiêu này là gì.

Nguyễn Văn Linh (1915-1998)

Nguyễn Cơ Thạch (1923-1998)

Khi số báo này lên khuôn, chúng tôi được tin ông Nguyễn Văn Linh, nguyên tổng bí thư ĐCS, đã từ trần ngày 27.4.98, thọ 84 tuổi.

Trước đó, ngày 10.4, nguyên ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch đã tạ thế, thọ 76 tuổi.

(xin xem bài số sau)

Khổ quá, thưa ngài bộ trưởng giáo dục !

LTS : Dưới đầu đề này, báo Tuổi Trẻ ngày 5.3.1998 đã đăng lá thư ngỏ của một phụ huynh học sinh ở Thành phố Hồ Chí Minh nói lên bệnh trạng của nền giáo dục tiểu học hiện nay đồng thời cũng là thực trạng của cả hệ thống giáo dục Việt Nam. Bức thư ngỏ đã gây nhiều tiếng vang, và báo Tuổi Trẻ các ngày 7, 10, 12, 14, 17, 19.3 đã đăng tiếp những chứng từ khác của phụ huynh học sinh, và bài hồi âm của bộ trưởng giáo dục. Chúng tôi giới thiệu dưới đây một phần các tài liệu nói trên.

Thưa bộ trưởng, tôi xin lỗi là giấu tên họ, địa chỉ vì danh dự và vì việc học của con trai tôi. Nhưng hôm nay tôi phải lên tiếng, vì tôi đã im lặng bốn năm rưỡi nay rồi. Không thể im lặng nữa vì sức khỏe của con trai tôi, cũng như hàng triệu đứa trẻ đi học khác.

Hiện con tôi đang học lớp 5 tại một trường ở quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu phải thức dậy lúc 4 - 5 giờ sáng và đi ngủ lúc 11g đêm. Cả ngày ngồi làm bài, học bài đến cong cột sống, đi học về cháu đấm lưng liên tục. Giờ đến lớp là 6g15 sáng, đến hơn 11g trưa về ăn cơm và 1g15 trưa đến lớp, đến 5g chiều về nghỉ khoảng một tiếng đồng hồ thì lại đến nhà cô học thêm từ 6g chiều đến 8g15 tối, về nhà tiếp tục làm bài đến 11g đêm. Những khi nhiều bài, cháu phải dậy từ 4g sáng để hoàn thành bài vở cô cho. (...)

Một tuần lễ được nghỉ hai ngày thứ năm và chủ nhật, nhưng hai ngày đó cũng là học thêm và làm bài thầy cô cho về nhà hàng loạt, thủ hồi thời gian đâu các em nhỏ ấy vui chơi, giải trí. Đáng lẽ trí óc non nớt của các em học sinh cấp 1 ấy phải được chơi đùa để tiếp xúc và quan sát thế giới bên ngoài, thì hằng ngày các em lại tự nhốt kín để miệt mài điểm cao, thi đua. Trường càng có tiếng bao nhiêu thi học sinh càng chết bấy nhiêu. Những bài văn cho vẽ, cô bắt tả cho hay, cho thật, thủ hồi các cháu bé đó có một chút thời gian nào và đi được đến đâu ? Thế giới ra sao, những người dân đứng cấy lúa trên đồng, hay gặt lúa ; nhà máy này, phân xưởng kia hiện đang hoạt động ra sao ? Bến Nhà Rồng có những gì ; các bác sĩ, y tá chăm sóc người bệnh ra sao ? Những việc tốt đã làm ở nơi công cộng, văn minh thế nào ? Buổi cắm trại vui chơi ra sao ? ... Tất cả đã có sách nói, sách in, nhìn vào thì học thuộc. Thuộc thì tả và thi thì ... đậu. Thế nhưng những thế giới đó đều là những điều mộng lung tưởng tượng do các cháu thêu dệt và mua văn mẫu tuyển chọn về học cho thuộc lòng.

Học như vậy thì có nên chăng, hóa ra xã hội hiện nay và chúng ta là những người lớn vô tình dạy cho trẻ sự bịa đặt hoang tưởng. Vì sự hiểu biết của trẻ chỉ đóng khung trong bốn bức tường, và về nhà thì cũng bốn bức tường và bố mẹ tất bật làm giùm cho trẻ, nào thủ công, thêu, vẽ, sưu tầm tranh ảnh, nếu không thì mai vào lớp ăn đòn, phạt làm bản cam kết. Điều đó là sự thật, là hiển nhiên mỗi ngày.

Thủ đi sâu vào trí óc nhỏ nhoi ngây thơ đó hằng ngày học trong lớp, học nhà cô, học cho thuộc các bài luận, mỗi bài phải làm 20 lần cho thuộc bài ; phải thuộc mà không cần đọc đề hay suy ngẫm, học như một cái máy, cứ thấy quen quen là làm

ngay mà không cần động não, suy nghĩ. Nếu trường hợp vô tình có một bài toán hơi lạ là cả lớp sẽ sai ngay, vì bài này chưa học, cô chưa giảng và chưa từng làm !

Nếu chương trình căng quá tại sao chúng ta không làm thêm một lớp nữa rồi mới thi chuyển cấp thì việc sẽ khoáng hơn, thông thả hơn ? Điều quan trọng là phải loại trừ hẳn chương trình trường chuyên lớp chọn rồi đi thi cấp quận, cấp thành ; để làm gì, ích lợi chẳng ? Nếu không tin tôi, các vị cứ đến lúc 10g35 - 11g trưa hoặc 4g30 - 5g chiều trước các cổng trường, các vị sẽ thấy và nghe được những lời ta thán, than thở tâm sự của các bậc phụ huynh. Các vị hãy làm một cuộc thăm dò và khảo sát đi, sẽ thấy. Và thật xót xa đau khổ cho riêng gia đình tôi, đứa con trai tôi đã bị lao phổi ! Tại sao ? Tại đây quá sớm, thức quá khuya, học căng như dây đàn.

Thưa ông bộ trưởng ! Tôi khẩn thiết van xin ông hãy giúp đỡ và can thiệp vào chuyện học hành ở cấp 1 hiện nay. Thật xót xa khi phải để con thức quá khuya học bài, thật nhức buốt khi kêu chúng dậy quá sớm. Tại sao phải học như vậy, chưa phải là đại học, tú tài, các em đổ bệnh mà không dám bệnh. Vào năm bệnh viện Nhi Đồng rồi phải năn nỉ xin về nhà chữa trị vì phải học, sắp thi. Nằm trên giường bệnh thì mỗi ngày phải làm bài do mẹ mang đến, làm xong mẹ phải mang nộp cô. Sợ mất bài, sợ quên, sợ thi rớt, sợ lọt sổ vào hệ B chứ không được hệ A. Sợ nhục chẳng ?

Như vừa rồi thi học kỳ 1, đề thi cho cậu bé 10 tuổi là thêu mũi xường cá kếp, và tác phẩm của con tôi được điểm 10 xuất sắc vì thêu đẹp, mũi thêu sắc sảo. Nhưng ai làm, ai thêu, nhà trường không cần tìm hiểu, chỉ biết đẹp và cho điểm 10, thế thôi. Đứa bé hí hửng về khoe : “ Mẹ thêu cho con hôm qua, cô chấm điểm 10 và khen con thêu đẹp, mai mốt mẹ vẽ và làm bài giùm con để con nộp lấy điểm 10, cô không biết đâu, mẹ đừng lo ! ”. Ngài bộ trưởng có muốn con trẻ của chúng ta nói láo không ?

Thưa bộ trưởng, thư dài quá, lời còn nhiều nhưng tay đã mỏi, vả lại đến giờ đón con về, 4g30 phút rồi. Hôm nay thứ năm chắc có lẽ về sớm, không nên để cháu chờ vì nó quá mệt, tội nghiệp thằng bé. Xin bộ trưởng thông cảm và xin ông cố tâm giúp đỡ cho các cháu bé hiện nay, để việc học không còn là gánh nặng mà là sự say mê tìm tòi, để các cháu ấy trở thành một con người thật.

Một phụ huynh ở Gò Vấp (TP Hồ Chí Minh)

Những bộ đề thi từ lớp mẫu giáo :

Tôi đọc nhiều lần bài “ Khổ quá, thưa ngài bộ trưởng giáo dục ”, vì đó cũng chính là nỗi khổ của gia đình tôi trước thực trạng học hành của các con. Con trai tôi học lớp 4 ở một trường thuộc quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, cháu được chọn đi thi giải Lê Quý Đôn của quận. Giả sử cháu có được giải nhất, tôi cũng không dám cho con tôi là giỏi vì tất cả đã có đề cương, chỉ cần học thuộc và học thuộc những kiến thức hoàn toàn không cần thiết cho một cháu bé 9 tuổi. Tất cả chỉ cần trí nhớ, một trí nhớ máy móc cũng đủ tôn vinh như một tài năng.

Chưa hết, con trai nhỏ của tôi mới 3 tuổi rưỡi, đang học lớp mầm non ở mẫu giáo. Ngay chiều hôm qua, cô giáo đã đưa cho tôi một “ bộ đề thi ” (có sẵn đáp án - tôi xin gửi kèm cho toà soạn) để luyện cho cháu đi thi “ Bé khỏe, bé ngoan ”.... Cách giáo dục, thi cử, như vậy đã bắt đầu từ năm đầu tiên của mẫu giáo.

N. B. Ái (quận 3 TPHCM)

Ai đưa ra sáng kiến thi đua này ?

Hai đứa cháu nội út của tôi, chỉ mới 3 tuổi, tên là Cún chỉ, Cún em, mặc dù đã được ông bà, cha mẹ “luyện thi” hết mình để thi “ Bé khỏe, bé ngoan ” cấp quận, cấp thành, nhưng trượt vẫn hoàn trượt. Thế là hai đứa Cún “ hồng thi ” dắt tay nhau ra khỏi trường, vì nhà trường cho biết, nếu muốn được tiếp tục học thì phải đóng góp thêm hàng triệu đồng cho việc xây dựng cơ sở vật chất. Thật là một kỳ thi quan trọng trong một nền giáo dục mà trẻ phải có tiền và phải được “luyện thi” từ lớp mẫu giáo cho đến đại học !

Ai đã đưa ra sáng kiến thi đua này ? Cũng như nhiều vấn đề giáo dục khác của nước ta gần đây, có lẽ khó mà tìm ra kẻ có trách nhiệm, nhưng có điều tôi ngờ rằng vị ấy không phải là một nhà sư phạm, vì một nhà sư phạm, dù xưa cổ đến đâu, cũng không thể chấp nhận được một việc làm “ trái sư phạm ” đến như vậy.

Dương Thiệu Tống (tiền sĩ giáo dục, TP HCM)

Thi học sinh giỏi ?

Khi Trung ương có nghị quyết bỏ các lớp chọn ở phổ thông, bỏ trường chuyên ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, tôi đã rất mừng. Nhưng khi thấy bộ vẫn qui định thi học sinh giỏi cấp toàn quốc thì... tôi lại không hiểu nổi, nhất là thi học sinh giỏi ở bậc tiểu học.

Thủ lĩnh riêng ở quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, năm học 1996 - 97 có 19 331 học sinh thì có tới 8 604 học sinh xếp loại giỏi, chiếm tỉ lệ 44,51 %. Học kỳ 1 năm học 1997-98, có 20 095 học sinh thì có 9 082 em xếp loại giỏi, chiếm tỉ lệ 45,2 %. Những học sinh giỏi này sẽ phải dự các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp trường đến quận... Thí dụ học sinh lớp 3, 4 phải thi giải Lê Quý Đôn quận. Học sinh lớp 5 thì trường phải tổ chức thi học sinh giỏi để chọn đội tuyển đi thi cấp quận. Quận phải tổ chức để chọn đội tuyển dự cấp thành phố, thành phố phải tổ chức thi để dự kỳ thi học sinh giỏi toàn quốc !

Chu Xuân Thành (nhà giáo ưu tú)

Tôi cũng không làm nổi !

Một chuyên viên của bộ giáo dục và đào tạo, sau khi dự 5 tiết liền ở một lớp học cấp 2, kể lại như sau :

Sau giờ toán, giáo viên cho 5 bài tập về nhà? Giờ lý, giáo viên cũng cho 4 bài tập về nhà. Giờ văn, để chuẩn bị cho bài Kiều, cô giáo kêu học sinh soạn trước một đoạn trong truyện Kiều. Sang giờ sử, học sinh được yêu cầu vẽ về bản đồ trận đánh Điện Biên Phủ. Và cuối cùng, giờ sinh vật, học phải đi đôi với hành nên cô giáo dẫn dò về tìm cho được 4 lá dương xỉ ... Lượng bài tập này mà giao cho tôi, tôi cũng không làm nổi !

Trịnh Khắc Ước (chuyên viên bộ giáo dục - đào tạo)

Học như con vẹt ?

Nhân một cuộc trao đổi giữa một số nhà giáo và ông Phạm Văn Đồng tại trường đại học sư phạm Hà Nội, chủ tịch Hội khuyến học Việt Nam cho biết :

Tôi đã báo cáo với bác Phạm Văn Đồng về bài báo “ *Khổ quá, thua ngài bộ trưởng giáo dục* ”, và trong cuộc họp, tôi cũng trao cho bác một bộ sách của cháu tôi mới học lớp 2 : 7 quyển sách toán và 7 quyển sách văn – tiếng Việt. Tôi muốn nhấn mạnh một ý : hiện giờ người ta đang cho trẻ em học một cách nhồi sọ. Chuyện bắt học sinh mua nhiều sách cũng tạo

cho dư luận xã hội một suy nghĩ : đó chẳng qua chỉ là một cách làm tiền ! Đó là chưa kể cứ một quyển bài tập thì có một quyển giải bài tập nên học sinh cứ gỡ sách ra mà chép, như thế thì càng vô lý hơn ! (...)

Hiện nay có nạn học như con vẹt mà hệ quả đau lòng : học sinh và cả sinh viên bây giờ quay cóp nhiều quá khi thi cử. Con tôi đi coi thi vào đại học đã mang về hàng mớ “ phao ” (tài liệu được sinh viên photocopy thu nhỏ giấu trong mình khi vào phòng thi).

Nguyễn Lâm (giáo sư, chủ tịch Hội khuyến học Việt Nam)

Sẽ xem lại ...

Hồi âm bức thư ngỏ “ *Khổ quá, thua ngài bộ trưởng giáo dục* ” ..., bộ trưởng Nguyễn Minh Hiền viết như sau :

Bức thư của một phụ huynh ở Gò Vấp đã đề cập đến một vấn đề lớn mang tính chất chung của ngành giáo dục và có nhiều chi tiết rất xác đáng. Đặc biệt, nội dung chương trình ở bậc tiểu học hiện nay đúng là quá tải và chưa hệ thống. (...)

Sắp tới, ngành sẽ có những sửa đổi, bổ sung về nội dung, chương trình và phương pháp của các bậc học, trong đó có bậc tiểu học.

Nguyễn Minh Hiền, bộ trưởng giáo dục và đào tạo

Tin Tức - Tin Tức - Tin Tức (tiếp theo trang 8)

• Đại công ty Nhật Nissho Iwai Corp. cho biết đã rút ra khỏi tổ hợp MJC Petroleum Co. (bao gồm Nissho, Japan Petroleum Exploration Co., Indonesia Petroleum Ltd và Mobil), được thành lập từ tháng 1.1994 nhằm khai thác dầu khí ở khu Thanh Long, ngoài khơi VN. Trong 3 năm qua, MJC không tìm được ở Thanh Long trữ lượng dầu đủ cho kinh doanh.

• Một cuộc hội thảo các nhà đầu tư nước ngoài, do TP HCM và bộ kế hoạch và đầu tư chủ trì, được dự kiến vào những ngày 15-18.4, đã phải bãi bỏ vì không nhận được đáp ứng của những doanh nhân nước ngoài có khả năng đầu tư vào VN. Những người chủ trì cho biết họ hy vọng sẽ thực hiện được hội thảo vào một thời điểm thuận lợi hơn ngay trong năm nay.

• Từ ngày 15.4.1998, Việt Nam đã trở thành hội viên thứ 82 của Inmarsat, tổ chức quốc tế về viễn thông vệ tinh. Được thành lập năm 1979 nhằm phát triển các phương tiện viễn thông lưu động để tăng cường an ninh cho tàu bè trên biển, Inmarsat đã mở rộng hoạt động của mình cho mọi ngành giao thông, hàng hải, hàng không hay trên đất liền.

• Ông James Murray, phó tổng giám đốc Visa International đã đến Hà Nội dự lễ ra mắt thẻ tín dụng Visa của Ngân hàng ngoại thương VN (Vietcombank). Mục tiêu của Vietcombank là phát hành khoảng 1 500 thẻ Visa trong năm nay, gấp đôi số thẻ do Asia Commercial Bank, ngân hàng VN đầu tiên phát hành thẻ này.

• Thủ tướng Phan Văn Khải đã cử ông Nguyễn Tiến Sâm, nguyên đại tá không quân, thay thế ông Nguyễn Hồng Nhị làm cục trưởng cục hàng không dân dụng VN (HKDD), và ông Đào Mạnh Nhung, cục phó HKDD làm tổng giám đốc công ty Vietnam Airlines.

Tỉ giá hối đoái...

(tiếp theo trang 1)

(*neutralize*) bằng cách bán ra trái phiếu có sẵn trong tay để thu hồi nội tệ. Và điều này sẽ dẫn đến tăng lạm phát, và đưa tôi tăng giá trị đồng nội tệ so với ngoại tệ, làm mất sức cạnh tranh của nền kinh tế, và đưa đến thiếu hụt cán cân thường xuyên.

Nói tóm lại, dòng tư bản phập phồng chảy vào quá nhiều, tức là không bị cột dài hạn vào tăng tích lũy, cũng là một tai họa cho các nước để tự do dòng chảy tư bản.

Ở Mêhicô, tư bản đầu tư ngắn hạn (bao gồm cổ phiếu, nợ ngắn hạn) lên từ - 1,0 % GDP năm 1990 tới 7,9 % GDP năm 1993 trước khi tư bản tháo chạy, gây khủng hoảng nghiêm trọng năm 1994.

Trái lại, ở Chilê, do lãi suất cao hơn nước khác, tư bản ngắn hạn đổ vào lên từ 1,4 % GDP năm 1989 tới 4,1 % năm 1990, nhà nước đã kịp thời có chính sách hạn chế dòng chảy vào bằng cách bắt để dự trữ 20 % ở ngân hàng trung ương trong 90 ngày không lãi. Sau khi thấy tư bản ngắn hạn vẫn ở mức cao trên 3 %, năm 1992 họ tăng tỷ lệ dự trữ lên 30 %, thời gian dự trữ lên 1 năm đồng thời đánh thêm thuế 1,2 % trên toàn bộ tư bản đưa vào bất kể ngắn hạn hay dài hạn. Như vậy, nếu tư bản chỉ ở 3 tháng, thuế suất trên vốn nhập vào tương đương 16,9 % số vốn, nếu là 1 năm thuế suất tương đương 3,9 %. Cùng với các biện pháp trên, Chilê cố gắng triệt tiêu một phần mức tăng đồng nội tệ do ngoại tệ chảy vào gây nên, nhằm giảm lạm phát (lạm phát đưa từ 18 % xuống 12 %/năm) và giảm mức lên giá thực của nội tệ. Họ tránh được khủng hoảng kiểu Mêhicô hay Á châu hiện nay. Thị trường ngoại tệ ở những nước này như thế nào sẽ bàn đến sau.

Bức tranh Chilê và Mêhicô cho phép ta đánh giá tình hình Việt Nam hiện nay và giải pháp cho nó. Ở ta, sau khi mở cửa, ngoài xuất khẩu, chuyển nhượng của Việt kiều, các nguồn ngoại tệ dài hạn như đầu tư trực tiếp của nước ngoài, vay nợ dài hạn đều tăng đáng kể, mới đây thêm vào là hiện tượng mua trả chậm, một loại tín dụng ngắn hạn năm 1996 lên tới trên 1,4 tỷ USD, bằng 6,6 % GDP, cao hơn tỷ lệ tổng vốn ngắn hạn nhập vào Chilê trước đây và gần bằng 7 % lúc khủng hoảng ở Mêhicô. Còn tỷ lệ ở 5 nước Á châu có vấn đề là 8,7 % năm 1996. Hiện nay, ở Việt Nam con số này ước lượng khoảng 700-800 triệu USD, trên 3 % GDP, có giảm do nhà nước có biện pháp ngăn chặn nhưng vẫn còn đáng kể. Hiện tượng tín dụng mua hàng trả chậm có thể bắt nguồn từ các nước có lãi suất thấp như Nhật và Nam Hàn, họ cho ta vay nhằm khuyến khích nhập hàng nước họ, đồng thời vẫn có lợi do khác biệt lãi suất.

Như đã phân tích ở trên, luồng tư bản nước ngoài đi vào có tác dụng tăng mức phát hành nội tệ (trong khi khả năng triệt tiêu của ngân hàng nhà nước giới hạn hoặc chưa có), làm lạm phát tăng so với giá cả các nước bạn hàng, đồng VN vì vậy thực chất lên giá đáng kể khi tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước đóng băng. Tình hình này lại khuyến khích thêm nhập khẩu, hạn chế xuất khẩu. Thiếu hụt cán cân thanh toán tăng mạnh. Tâm lý chờ đón phá giá hình thành và đạt cao

điểm khi khủng hoảng ở Á châu xuất hiện. Tích giữ đầu cơ của mọi thành phần kinh tế trở nên một yếu tố cầu quan trọng nhất gây căng thẳng trên thị trường. Trước đây ở ta, thị trường liên ngân hàng bán ra mua vào 8 triệu USD/ngày, mới đây chỉ còn 0,2 triệu/ngày. Biện pháp nào là thích hợp nhất hiện nay? Trước khi bàn đến biện pháp trước mắt, ta hãy bàn qua về thị trường ngoại tệ của các nước khác vì vấn đề không phải chỉ tìm giải pháp trước mắt mà là tìm giải pháp lâu dài cho quá trình cải cách và hội nhập với thế giới của đất nước.

Thị trường ngoại tệ tại các nước phát triển

Nước nào cũng có thị trường riêng của mình, nhưng đồng bạc của họ, theo báo cáo của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS), hoàn toàn bị khống chế bởi thị trường thế giới, tập trung ở London (30,0 %), New York (16 %), Tokyo (10 %), Singapore (7 %), Hong Kong và Thụy Sĩ (6 %). Nếu cộng toàn bộ số tiền bán và mua lại là 200 % thì tiền Mỹ chiếm gần 90 %. Không như thị trường chứng khoán, ở hầu hết các nước phát triển cao, đây là thị trường hoàn toàn tự do, không bị kiểm soát, không phải báo cáo, không có tổ chức chính thức, được điều động bởi giới trung gian (*brokers*) chiếm 36 % thị trường, trong đó mua bán tự động thông qua máy tính chiếm 30 %. Ai mua ai bán là thông tin bí mật của người trung gian. Số ngoại tệ trao đổi trung bình là 1 300 tỷ USD một ngày (theo điều tra của BIS, 1995), trong số này nhằm vào mục đích thương mại chỉ khoảng 12 %.

Sự hoành hành của tư bản ngắn hạn trong dòng chảy tư bản thông qua thị trường ngoại tệ đã tạo khó khăn cho nhiều nước kể cả các nước phát triển lớn và mạnh như Mỹ cũng không có khả năng dự trữ ngoại tệ để quyết định giá. Một giải pháp nhằm giảm mức chu chuyển của vốn ngắn hạn được nhiều người nói đến nhất là thuế Tobin (*Tobin tax*), do nhà kinh tế có giải Nobel James Tobin đưa ra năm 1972, đánh thuế trên lượng chu chuyển tất cả các cuộc mua bán ngoại tệ. Thí dụ với thuế là 0,2 % thì thuế lên tới 48 % một năm nếu số ngoại tệ đó chu chuyển mỗi ngày một lần trong năm, là 10 % nếu chu chuyển hàng tuần, và 2,4 % nếu chu chuyển hàng tháng. Việc thực hiện chỉ hiệu quả nếu như được toàn thế giới áp dụng. Một hội nghị chuyên gia quốc tế đã được tổ chức năm 1996, được nhiều chuyên gia đầu ngành kể cả cựu chủ tịch Ngân hàng Thế giới B. Conable, Jacques Delors, cựu chủ tịch Hội đồng Âu châu, G. Evans, cựu bộ trưởng ngoại giao Úc đồng tình. Một phần số thuế thu được có thể sử dụng tài trợ các tổ chức quốc tế. Điều này chắc chỉ là viễn mơ, vì sẽ gặp sự chống đối của Mỹ: họ không đại gì để các tổ chức quốc tế độc lập tài chính. Thuế Tobin sẽ được bàn tiếp và sẽ không đi đến đâu, nhưng một loại thuế tương tự nhằm kiểm soát dòng chảy có thể áp dụng trong một nước mà tôi đã trình bày ở trên là kiểu thuế đã áp dụng hiệu quả ở Chilê. Biện pháp thuế lại hữu hiệu hơn biện pháp hành chính vì không những không tốn kém mà còn thu thêm cho ngân sách, và có thể xoá bỏ hay áp dụng khi cần thiết rất nhanh chóng.

Thị trường ngoại tệ tại các nước đang phát triển

Hầu hết các nước đang phát triển đều thiết lập thị trường ngoại tệ có tổ chức, thường là thị trường liên ngân hàng, có

thể có sự tham dự của các công ty môi giới chọn lọc. Từ Chilê, Nam Hàn, Trung Quốc đến Việt Nam hiện nay, cách tổ chức cũng trên nền một mô hình cơ bản. Thị trường này thường trực thuộc ngân hàng trung ương. Phải là thành viên môi giới, dù là ngân hàng hay không phải ngân hàng, mới được mua bán trên thị trường này và phải tuân thủ qui luật của thị trường. Những người mua bán phải thông qua môi giới chính thức. Tuy vậy, có nước còn cho phép thêm hình thức mua bán trực tiếp ngoài thị trường. Mỗi lần mua bán phải nộp phí do thị trường định sẵn để tài trợ hoạt động của thị trường và người môi giới. Thường thì Ngân hàng Trung ương quyết định tỷ giá tham khảo (*reference rate*) có thể thay đổi trong một biên độ định sẵn. Mua bán có thể hoàn toàn thông qua hệ thống tự động, người mua không cần biết người bán, giá sẽ thay đổi trong biên độ cho phép tùy theo cung cầu. Dĩ nhiên là cơ quan thị trường biết ai mua ai bán.

Đây là khung chung, nhưng các nước chấp nhận thị trường tự do thay đổi tỷ giá tham khảo hàng ngày như Chilê, Nam Hàn.

Các nước chưa muốn có thị trường tự do như Trung Quốc, Việt Nam coi giá tham khảo là hối suất chính thức, chỉ thay đổi khi nền kinh tế đã mất cân đối đến mức không thể bảo vệ được tỷ giá chính thức.

Dù là để tự do hay qui định giá, ngân hàng trung ương là thành viên của thị trường, ảnh hưởng đến giá bằng cách sử dụng dự trữ ngoại tệ của mình. Tuy nhiên, khi giá chính thức trở nên vô lý, tâm lý đầu cơ tăng cao, mua bán trên thị trường chính thức sẽ không còn đáng kể.

Sự khác biệt giữa thị trường liên ngân hàng giữa Việt Nam và Trung Quốc là điều cần chú ý. Trung Quốc áp dụng một số đặc điểm sau :

- Ngân hàng nước ngoài chỉ được bán ngoại tệ chứ không được mua.
- Tất cả doanh nghiệp (trừ công ty đầu tư nước ngoài) phải bán lại 70 % số thu ngoại tệ cho ngân hàng nhà nước theo giá chính thức, số còn lại được giữ và có thể trao đổi trên thị trường chính thức khi cần. Cách làm này nhà nước nắm được một nguồn ngoại tệ quan trọng, nhưng đồng thời doanh nghiệp vẫn có ngoại tệ để tham gia thị trường. Vì tỷ lệ bán lại quá lớn, ngân hàng trung ương trở thành người bán lớn nhất của thị trường, kiểm soát được giá cả theo ý muốn.
- Các doanh nghiệp mua ngoại tệ phải nộp bằng chứng nhu cầu thanh toán hợp pháp được nhà nước qui định cho môi giới chính thức, thường là ngân hàng. Môi giới có trách nhiệm kiểm tra và lưu giữ, ngân hàng nhà nước chỉ làm nhiệm vụ kiểm tra khi cần. Biện pháp này nhằm tránh việc người mua phải đi xin giấy phép mua ngoại tệ vừa gây tốn kém vừa tạo cơ hội tham nhũng.

Về thị trường ngoại tệ tự do ở Việt Nam

So sánh với Trung Quốc, ta thấy Việt Nam trước đây tự do hơn vì ngoại tệ không phải bán lại cho ngân hàng nhà nước. Điều này tạo cơ hội cho tích giữ đầu cơ trong thời gian qua, khi mọi người đều thấy là tỷ giá đồng Việt Nam quá cao và làm cạn kiệt nguồn cung. Để phản ứng lại, chỉ thị 37 và công văn chi tiết của NHNN lại đi một bước quá đà là đòi

hỏi doanh nghiệp bán hết, như vậy là xoá sổ thị trường liên ngân hàng trên thực tế vì sẽ chỉ còn 1 người bán. Công văn lại bội tín với dân, xoá sổ tài khoản ngoại tệ cá nhân với mục đích thu hồi ngoại tệ trong dân. Tuy nhiên biện pháp này sẽ được coi là cần thiết và hữu hiệu nếu nó nhằm mở đường cho việc phá giá đồng bạc một lần và tạo thị trường tự do liên ngân hàng và nếu nhà nước thực hiện được quyền lực của mình. Nhưng đây chỉ là biện pháp tình thế, vá vúi. Hiện nay, nhà nước hoặc chấp nhận để thị trường quyết định giá, hoặc tự quyết giá chính xác và phá giá một lần. Biện pháp vá vúi hiện nay dựa trên một hệ thống hành chính kiểm soát nhu cầu ngoại tệ, trong khi giá vẫn vô lý không cho phép nền kinh tế cân đối lại nhằm tránh khủng hoảng, và dĩ nhiên tâm lý đầu cơ sẽ dần chọc thủng hệ thống hành chính trên.

Theo tôi, không thể không thiết lập một thị trường tự do về ngoại tệ nhưng có can thiệp tích cực và kiểm soát chặt chẽ của nhà nước. Mô hình thích hợp nhất là kết hợp một số nét đặc trưng của Chilê và Trung Quốc. Vẫn là thị trường liên ngân hàng, nhưng giá chuẩn có thể thay đổi hàng ngày (trên cơ sở theo sát tương quan giá cả giữa Việt Nam và các nước đối tác trong thương mại), doanh nghiệp phải bán lại một phần ngoại tệ (có thể chỉ cần tới 40 %) cho ngân hàng trung ương theo giá chuẩn. Để loại trừ thành phần đầu cơ, cũng như Trung Quốc, đòi hỏi người mua phải nộp cho ngân hàng môi giới tài liệu chứng tỏ nhu cầu thanh toán phù hợp với chính sách nhà nước lúc đó. Nhà nước tránh việc xét duyệt, nhưng sẽ kiểm tra khi cần. Trách nhiệm về đối trá sẽ chủ yếu là người mua. Ngân hàng chỉ trách nhiệm nếu có thông đồng làm giả sổ sách. Nếu thị trường được tự động hoá hoàn toàn như ở Trung Quốc thì việc theo dõi kiểm tra sẽ rất dễ dàng. Thị trường tự do có kiểm soát chặt chẽ này sẽ từ từ thông thoáng hơn như xoá bỏ hạn chế về nhu cầu mua, xoá bỏ tỷ lệ phải bán lại cho ngân hàng trung ương.

Thị trường tự do như trên, như đã phân tích, không nhất thiết là sẽ tạo ra được một tỷ giá đồng Việt Nam phù hợp với tình hình kinh tế, nhất là khi để dòng chảy tư bản ngắn hạn pháp phòng thiếu kiểm soát. Kinh nghiệm của Chilê là kinh nghiệm quý báu và khá hữu hiệu về kiểm soát dòng chảy tư bản pháp phòng. Chính thị trường tự do kiểu Chilê sẽ tạo cho việc áp dụng dễ dàng thuế nhằm ngăn chặn mức độ dòng chảy khi cần thiết mà không cần các biện pháp hành chính phản thị trường. Vấn đề chính là ngân hàng nhà nước có kịp thời nắm thông tin hay không.

Vũ Quang Việt

Tài liệu tham khảo :

- *The Tobin Tax, Coping with Financial Volatility*, do Mahbub ul Haq, Inge Kaul và Isabelle Brunberg chủ biên, Oxford University Press, 1996 (giải pháp Chilê cũng được thảo luận trong quyển sách này trong bài *Managing capital inflows in Latin America* của M.R. Agosin và R. French Davis).
- *Capital Flows to Emerging Market Economies*, Institute for International Finance (IMF), 1998, trên internet, <http://www.iif.com>.
- *Monetary and Exchange System Reform in China*, IMF, 1996.
- *International Capital Mobility and Exchange Rate Volatility*, trong *International Payments Imbalances in the 1980s* do Norman Fieleke chủ biên, Federal Reserve Bank of Boston, 1988.

HỒ SƠ

Tướng TRẦN ĐỘ gửi thư cho lãnh đạo ĐCS sau chiến dịch công kích của báo Nhân Dân

Ngày 29 tháng 3 năm 1998

Kính gửi :

Và các đồng chí trong Thường vụ Bộ chính trị

Tôi đã cân nhắc lâu ngày, không muốn viết thư cho các đồng chí. Tôi muốn các đồng chí dành được nhiều thời gian suy nghĩ và quan tâm tới những vấn đề chung của đất nước.

Bản thân tôi cũng tự thể nghiệm thấy : Từ ngày nghỉ việc đến giờ, điều kiện để nghĩ về đất nước có nhiều hơn, đặc biệt là về thời gian.

Nhưng những thông tin tôi cung cấp cho các đồng chí sau đây có liên quan đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo hàng ngày của các đồng chí, và khả năng kiểm soát tình hình của các đồng chí.

Nó là như thế này : Có thể nói hình như tôi hiện nay đang bị bao vây bởi một kế hoạch công kích nhiều mặt, tổn thương đến cuộc sống thanh thân hằng ngày của cả gia đình tôi và tổn thương đến danh dự của tôi.

1) Trong tháng vừa qua, có một chiến dịch “ Tổng công kích ” của báo chí đối với những ý kiến của tôi. Tuy sự công kích không nói rõ tên tôi và những người đọc trung bình không hiểu rõ những điều mà các báo nói là “ có người ”, “ có người có ý kiến là... ” là lấy ở đâu ra, nó ở tài liệu nào ? Sự trích dẫn có trung thực không ?

Tôi xin có những nhận xét của tôi trong *Phụ lục I* gửi kèm theo đây.

Tôi theo dõi được gần 10 bài ở báo *Nhân Dân*, gần 10 bài ở báo *Quân đội Nhân dân* và một bài ở báo *Sài Gòn Giải phóng*.

Tôi biết được vài ba tên tác giả, còn nói chung, tên những người viết làm cho người đọc đều phải tự hỏi : Không biết đó là những người có thật hay là những tên giả ???

Có một số ít bài tác giả có lập luận, có lý luận, có thái độ tranh luận đúng đắn, khiêm tốn và như vậy tốt lắm, hay lắm.

Nhưng đáng tiếc phần lớn các bài không có lập luận mà chỉ có sự nhắc lại các khẩu hiệu đã quá cũ kỹ, chèn vào những lời vu cáo, xuyên tạc, quy chụp (xin xem *Phụ lục I*).

Đây là một cuộc “ đấu đá ” không có ý nghĩa lý luận và tư tưởng. Nó thực sự hạ thấp uy tín của Đảng đến mức thảm hại. Nó thật vô nghĩa !

2) Trong tháng 3, con dâu út của tôi ở Quận Tân Bình, bị gọi đến công an thẩm vấn hàng nhiều chục ngày, mất cả làm ăn, ảnh hưởng đến cuộc sống, mức sống và sự nuôi con cái.

Con trai lớn của tôi là Đại tá, làm việc ở Công ty Điện tử Tin học thuộc Bộ Quốc phòng trong thành phố Hồ Chí Minh. Cháu đang làm việc có kết quả về một sản phẩm thông tin cho quân đội thì lại bị trục trặc về đầu tư và khen thưởng !?

Nhà tôi ở Hà Nội thường xuyên có cán bộ an ninh mặc thường phục giám sát. Một số khách của tôi ra vào bị theo dõi và tra hỏi : Vào làm gì ? Ra mang theo cái gì ?? Nhiều người trong nhà tôi sống trong tâm trạng sợ hãi : Bị bao vây, bị đe dọa, khủng bố. Gia đình tôi mất yên ổn. Các con tôi ở Thành phố Hồ Chí Minh buồn phiền và oán trách tôi.

3) Các đài phương Tây đưa ra một tin : Trần Độ bị khai trừ. Và họ nói rõ : có tin Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã ký quyết định “ trục xuất ” Trần Độ. Và họ bình luận thêm : Nhà nước Việt Nam đã tuyên bố coi việc các vị lão thành và trí thức góp ý là *chuyện rất bình thường*. Thế mà lại có tin về ông Trần Độ thế này, thì là *tin rất không bình thường*. Tin này là tin bịa hay là KHÓI của một ngọn LỬA nào ?

Tôi được nhiều người thông báo cho biết ở nhiều phường có tổ chức nói chuyện thời sự, mời cán bộ ở một số cơ quan Trung ương về nói và các cán bộ này đều có nói một tin trong mục tình hình địch như sau : “ *Đang có một nhóm chống Đảng* ”. Nhóm này có các tên : Trần Độ, Trần Quỳnh, Lê Hồng Hà và Nguyễn Trung Thành. Thật là một sự chấp ghép cực kỳ lạ lùng, lố bịch.

Đó là chưa kể trong các cuộc họp có sự nói chuyện, các diễn giả cũng tùy tiện vu cáo, xuyên tạc. Việc này đã xảy ra nhiều lần năm 1996, sau bản kiến nghị năm 1995 của tôi !?

☪

Tôi tin là các đồng chí không biết những thông tin này. Tôi biết những thông tin này hoàn toàn không phải do tôi đi tìm nó ở đâu cả, mà có những việc tự nhiên tôi tiếp xúc : Các bài báo, nhân viên an ninh đụng đến gia đình tôi, giám sát nhà ở của tôi.

Tôi hoàn toàn không oán trách và buồn phiền về những ý kiến bác bỏ ý kiến của tôi. Quan trọng là những ý kiến đó phải được phát biểu một cách trung thực, công bằng và tử tế, lễ phép. Còn tình hình như các bài báo vừa qua, đặc biệt là báo *Nhân Dân* thì không thể chấp nhận được. Tôi lấy làm xấu hổ và buồn phiền cho “ Tiếng nói của Đảng và diễn đàn của Nhân dân ” của chúng ta.

Tôi tóm tắt thông báo cho các đồng chí những thông tin như trên. Những thông tin đó đang làm vấn đề không khí chính trị của đất nước. Nó là tiền đề cho tình hình không ổn định. Mà điều đó không phải là do có ý kiến, kiến nghị của chúng tôi. Nếu các đồng chí quan tâm tới tình hình và kiểm soát được tình hình thì các đồng chí nên có một hình thức nào đó, thông báo chính thức bác bỏ những loại tin thất thiệt, để giữ sự trong sáng của Đảng và của xã hội.

Cảm ơn các đồng chí.

Kính chào,

Trần Độ

(xem khung trang 15)

PHỤ LỤC I

Một vài nhận xét về “ chiến dịch phê phán ” trên báo chí vừa qua

1. Đợt các bài báo trong tháng 3, chủ yếu ở báo *Nhân dân, Quân đội Nhân dân và Sài Gòn Giải phóng*, ai cũng thấy có “ một chiến dịch ” tổng công kích vào một số quan điểm tư tưởng bị coi là sai trái, là một đợt “ đánh ”, “ đấu đá ” rộng lớn, phối hợp nhịp nhàng, huy động lực lượng khá lớn. Đợt đánh này có mấy đặc điểm :

a) Người bị đánh không được nhắc đến tên tuổi mà chỉ được chỉ ra một cách mơ hồ : “ có người ”, “ người ta... ”, “ họ ”.

b) Những nội dung đem ra đánh không được nói rõ xuất xứ, của ai, ở văn bản nào. Đầu đuôi cái văn bản đó ra sao ? Nếu ai không tiếp xúc được với văn bản thì không thể biết nhưng đều có thể tạo nên một dư luận cực xấu cho người bị công kích. Một phương pháp không được văn minh !

c) Thế là đánh mà không cho cãi, bịt mồm đối phương mà đánh. Chỉ xác định một chân lý, một lẽ phải duy nhất đúng, không bàn, không cãi.

d) Nếu gọi là tranh cãi thì tranh cãi này là tranh cãi “ địch ta ”. Không phải là tranh cãi “ tử tế ” để tìm chân lý.

Một tác giả ở báo *Sài Gòn Giải phóng* (chủ thích của ĐĐ : tức là ông Trần Trọng Tân, xem ĐĐ số 73) khẳng định ngay từ đầu bài là “ nói với các lực lượng chống XHCN ”, nghĩa là ngay từ đầu tác giả đã khẳng định “ nói chuyện với địch ”, đã cố tình đẩy người bị tranh cãi về phía địch ! Có phải ý của Đảng không ? và Đảng đây là ai ?

2. Cuộc công kích đã gây nên một không khí đối nghịch mà không muốn đối thoại, do đó làm nổi bật hai thứ ngôn ngữ khác nhau, không thể dịch được thay nhau, tôi gọi nó là ngôn ngữ A và ngôn ngữ B.

a) Khi ngôn ngữ A nói là “ cùng Đảng bàn bạc về tình hình đất nước, tìm đường tốt hơn để tiến lên ”, thì ngôn ngữ B dịch ra là “ tìm cách phá vỡ cơ sở tư tưởng của Đảng, phủ nhận đường lối của Đảng, chống lại quan điểm của Đảng, mưu đồ phá vỡ cơ sở tổ chức của Đảng ”.

b) Khi ngôn ngữ A “ nhìn thẳng vào sự thực ”, phân tích “ những mặt khuyết điểm, tiêu cực của tình hình ” thì ngôn ngữ B cho là “ thổi phồng khuyết điểm, phủ nhận thành tích cách mạng, mưu đồ phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận Đảng ”, “ vạch áo cho người xem lưng ”. Thế là lưng có nhiều cái xấu, không dám cho ai xem à ? Khẩu hiệu “ nhìn thẳng vào sự thật ” là của ai đưa ra ? Ngôn ngữ B cứ tự mâu thuẫn, không thoát ra được.

c) Ngôn ngữ A nêu vấn đề “ Đối mới Đảng, để Đảng mạnh hơn, lãnh đạo tốt hơn ” thì ngôn ngữ B lại dịch ra là “ Họ muốn chính quyền tách khỏi sự lãnh đạo về nhân sự của Đảng để họ có thể thay bằng nhân sự của họ... ” ???

d) Ngôn ngữ B còn nêu lên “ một thủ đoạn nhân danh dân tộc để đi ngược với lợi ích dân tộc, nhân danh tôn trọng quyền dân để đi ngược với lợi ích của dân ”. Ngôn ngữ B nói điều này với ai ? Ai là người có thể nhân danh dân tộc và nhân danh nhân dân ?? thậm chí nhân danh cả Đảng ???

e) Ngôn ngữ A nêu vấn đề “ phải thực hiện dân chủ theo Hiến pháp 92 ” thì ngôn ngữ B cho là : “ Việt Nam đã dân chủ lắm rồi. Đảng đã có hàng loạt chủ trương để bảo đảm dân chủ cho dân rồi. Đảng phải lãnh đạo tuyệt đối để bảo đảm tự do dân chủ. Ai đòi dân chủ là chống lại Đảng, chống lại nhân dân ”.

Đối với ngôn ngữ B, những ý kiến sau đây cũng là đòi dân chủ có hại cho Đảng chẳng ?

“ Trong nhiều năm qua, chúng ta đã nói nhiều đến khẩu hiệu : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Tuy nhiên, nhìn chung, quyền dân chủ của nhân dân còn bị vi phạm, tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn còn phổ biến? Phương châm trên chưa được cụ thể hoá thành pháp luật, chằm đi vào cuộc sống ”¹. Và câu sau này : “ Tạo điều kiện cho mọi người dân ở mọi miền đất nước, trong mọi thành phần kinh tế chủ động tham gia vào quá trình phát triển kinh tế, quản lý xã hội ”¹.

Lại có thêm câu nữa thế này :

“ Thực hiện đầy đủ, dứt khoát, không chừa do dự phương châm “ dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra ”, dân là bao gồm cả nhà báo, nhà khoa học, nhà chính trị, quân sự, là tất cả mọi công dân sống trên đất nước Việt Nam ”².

Những điều phê phán thiếu dân chủ và kêu gọi dân chủ như trên, đối với cái ngôn ngữ B, nó là cái gì ?? cũng phủ nhận thành tích dân chủ của Đảng, cũng không phải là tư tưởng của Đảng hay sao ??

g) Ngôn ngữ B còn sợ rằng : “ Họ cho tán phát rộng rãi, phải chăng để tạo thành một thế lực chính trị độc lập chống lại con đường đúng đắn mà dân ta đã chọn ”.

Thật là mâu thuẫn : “ Dân ta đã chọn một con đường ”, vậy mà chỉ cần có ai đó đọc một tài liệu nào đó lại thành “ thế lực chính trị đối lập ” được ??? Thế thì ai là dân ta và dân ta là ai ???

Ngôn ngữ B còn cảnh báo rằng “ Đang có một trò trong tung ngoài húng khá nhịp nhàng ” !?... Thế là dân ta đây những thù trong giặc ngoài phối hợp nhịp nhàng !?

h) Ngôn ngữ B còn tìm thấy ở đâu đó có ý kiến đòi rằng : “ Tự do ngôn luận là phải có mỗi tỉnh một tờ báo tư nhân ”. Buồn cười thật, không biết có kẻ nào ngu dốt đến mức đòi tự do ngôn luận lại có kế hoạch chỉ đạo một cách bao cấp đến thế ?

i) Tóm lại, đối với ngôn ngữ B thì bất cứ có ý kiến nào khác (chỉ khác thôi, bất kể giống hay không giống “ ý kiến Đảng ”) đều là “ có ý xấu ”, “ tạo điều kiện cho địch lợi dụng ”, đều là “ phối hợp với địch để làm hại Đảng, hại dân ”. Còn bất cứ nói bậy thế nào cũng là “ đấu tranh chống địch ” và “ bảo vệ Đảng ”.

Cần phải làm rõ loại ngôn ngữ đó không phải là tiếng nói chính thức của Đảng.

(1) Lê Khả Phiêu, báo *Quân đội Nhân dân*, ngày 20.3.98.

(2) Lê Đức Anh, báo *Nhân Dân*, ngày 20.3.98.

PHỤ LỤC II

Những vấn đề lý luận và thực tiễn nảy sinh trong tình hình đất nước hiện nay

Qua đợt “ tổng công kích ” của các báo mấy tuần qua, ta thấy có những vấn đề lý luận cần làm rõ một cách khách quan, trung thực.

Tôi thấy nên tổ chức thảo luận công khai trên các báo 7 vấn đề lớn sau đây. Phương châm là nên khuyến khích sự phát biểu chính kiến đúng đắn, trừ tiết các hiện tượng giáo điều, truy chụp, vu cáo v.v...

1. Độc lập dân tộc nhất thiết phải đi đôi với định hướng xã hội chủ nghĩa ?

a. Ta đã thực hiện “ xây dựng xã hội chủ nghĩa trên toàn quốc ” và thực hiện mười năm (1975-85) đã xảy ra như thế nào ?

b. Không nên cho rằng đã yêu nước thì phải yêu XHCN. Các cụ Nguyễn Thái Học, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu... đã biết có chủ nghĩa xã hội đâu mà yêu. Lẽ nào các cụ không phải là những nhà yêu nước ?

c. Ở trên thế giới có mấy nước định hướng XHCN. Những nước không định hướng XHCN (có hàng trăm) thì không độc lập sao ???

2. Nội dung của “ định hướng xã hội chủ nghĩa ” là hướng về đâu ? Có phải là :

a. Hướng về kinh tế quốc doanh là chủ đạo ?

b. Hướng về kinh tế kế hoạch tập trung từ trên và chỉ có “ sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể ” ?

c. Hướng về chế độ bao cấp toàn diện ?

d. Hướng về “ điều tiết để bảo đảm công bằng xã hội ” và “ quan tâm các chính sách xã hội để bênh vực nhân dân lao động ”, “ đẩy mạnh các hoạt động từ thiện xã hội ”.

Nên phủ định điểm a, b, c. Nên khẳng định điểm d ?

3. Những thành tựu to lớn về kinh tế trong mười năm qua là do :

– những yếu tố “ đổi mới ” : kinh tế nhiều thành phần và mở cửa...

– hay nhờ yếu tố : “ định hướng xã hội chủ nghĩa ”, “ quốc doanh chủ đạo ” ?

4. Tinh thần các chính sách nên như thế nào ?

– Về kinh tế : Lấy mục tiêu phát triển đất nước mà then chốt là phát triển sức sản xuất, là mục tiêu cơ bản cao nhất, phát huy mạnh mẽ nội lực (bao gồm tiềm năng mọi mặt và trí tuệ) để bảo đảm độc lập về kinh tế. Tiếp tục quan tâm đến các chính sách xã hội (đặc biệt giáo dục, y tế).

– Về đối ngoại : Thực hiện tốt sự hoà nhập, “ coi tất cả mọi người là bạn ”, có tinh thần tự trọng và tự lập. Cần điều chỉnh lại cách nhận định “ thù địch ”.

– Về văn hoá văn nghệ : Đặc biệt coi trọng chính sách tự do sáng tạo, chú trọng văn học. Khi có một tờ báo phỏng vấn các nhà văn “ ấn tượng về văn học năm 1997 ”, một nhà văn

đã trả lời : ấn tượng của tôi là “ không có ấn tượng nào cả ”. Đó là câu trả lời thông minh để nói lên rất đúng tình trạng văn học của ta hiện nay. Muốn thế phải xét chính sách tự do báo chí và tự do xuất bản. Cần thay đổi tư duy : Chỉ coi toàn bộ văn hoá văn nghệ là công cụ tuyên truyền chính sách của Đảng. Cần thực hiện nghiêm túc tư duy văn hoá văn nghệ là nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Nó cần là tiếng nói, thể hiện tâm hồn và nguyện vọng của nhân dân. Hai tinh thần “ coi là công cụ ” và “ coi là nhu cầu thiết yếu ” về căn bản khác hẳn nhau.

5. Đảng ta đã lãnh đạo thành công cuộc cách mạng tháng Tám 1945 và hai cuộc kháng chiến thắng lợi. Đó là 50 năm đấu tranh cách mạng và chiến tranh. Nay sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên xây dựng đất nước, ta đã có một chính quyền, một bộ máy nhà nước hùng mạnh. Vậy Đảng ta có cần và nên đổi mới hay không ? Về nếu cần đổi mới thì nên đổi mới như thế nào ?

– Về vị trí và vai trò của Đảng trong xã hội và trong hệ thống chính trị

– Về phương thức lãnh đạo.

– Về hệ thống lý luận và tư tưởng.

– Về nguyên tắc và hệ thống tổ chức. Phải trả lời hợp lý và đúng đắn câu hỏi : Đảng là ai ?

– Về chức năng, nhiệm vụ các loại đảng viên.

6. Cần tìm nguồn gốc (nguyên nhân sâu) của bệnh quan liêu, tham nhũng. Tại sao chống mãi, thực hiện mọi biện pháp mà không chống được ? Nên đi sâu vào vụ Tamexco sẽ có nhiều câu trả lời chính xác. Dự luận cho rằng : Xứ Tamexco tức là xứ Đảng.

7. Một vấn đề phụ : Thảo luận công khai các vấn đề trên có ảnh hưởng xấu đến uy tín lãnh đạo của Đảng không ? Hay ngược lại nó củng cố và nâng cao sự tín nhiệm vào Đảng ?

Báo chí có còn là của Đảng ?

Thủ tướng Phan Văn Khải (xem ĐD số 72) xem “ tài trí kinh doanh ” và “ tiềm năng khoa học - công nghệ ” là những nội lực “ hàng đầu ” của đất nước. Ở những mức độ khác nhau, cả hai đều chỉ có thể phát huy đầy đủ khi trí tuệ và nhân phẩm con người được tôn trọng. Làm sao có thể coi là đảng và chính quyền tôn trọng những giá trị đó khi trên mặt báo chí chính thức chỉ nhan nhản có mặt những ngôn ngữ mà tướng Trần Độ đã nhẹ nhàng chỉ ra tính chất “ không được văn minh ” cho lắm ?

Cả tổng bí thư Lê Khả Phiêu và gần đây hơn, uỷ viên BCT TƯ đáng Phạm Thế Duyệt khi tới thăm ông Trần Độ đều tỏ ý hoan nghênh những ý kiến đóng góp của ông, và ông Phạm Thế Duyệt còn nói rõ rằng BCT không có chủ trương đợt “ đánh ” ông trên báo chí.

Vậy báo chí ấy có còn là của đảng ?

Hay vẫn chỉ là những trò không văn minh quen thuộc ?

H.V.

Đặng Tiến

THẦN THỎ VÕ PHIẾN

(tiếp theo kỳ trước)

Võ Phiến là nhà văn của những phiêu pha. Những bất hạnh nhỏ nhoi, những nguồn vui vật vãnh, là những “ảo ảnh” trong “phù thế”. Con người trong tác phẩm Võ Phiến, nói chung vừa là nạn nhân của thời cuộc vừa chối từ lịch sử. Điều then chốt là ở đây. Nói là mâu thuẫn cũng được, nói là hệ luận cũng xong. Dùng chữ lớn lao, gọi anh là phi sử quan, phi biện chứng, nói cho gọn, gọi anh là “chống cộng”, đều được. Thiếu thời, Võ Phiến sống với bà nội và tâm sự “chỉ khi nào gần bà tôi, tôi mới thấy lịch sử là mệnh mông” (14a). Lịch sử, ở đây, là những chuyện cụ thể về dòng họ, làng nước do bà kể. Đời bà cụ loanh quanh với những hũ mắm cua chua mà giá trị chẳng thua gì một thư viện gồm mấy vạn cuốn sách quý, hoặc một kho tàng đồ cổ vô giá (14b). Nhìn một cách nào đó (dĩ nhiên là sai) thì Võ Phiến không phải là tác giả “trí thức”, không vận dụng vào tác phẩm tri thức và lý luận trừu tượng. Lịch sử là một khái niệm trừu tượng, mà người ta có thể đem ra thảo luận ngược xuôi, nhưng viên đạn ghim vào đùi Bốn Thôi (14c) là một thực tế không có gì đáng bàn luận.

Về sau này, nhất là từ khi xa rời đất nước từ 1975, Võ Phiến có khoảng cách, nhìn đất nước xa hơn, trong không gian và thời gian, rồi trích dẫn ca dao đất nước :

Ngồi rồi vắc thuốc đi đo

Đo từ núi Sở đo lên chùa Thầy (15)

Anh không còn chăm chú vào Bồ dịch Giếng Vuông của tuổi thơ nữa. Và đặc biệt trong **Thơ Thần**, Võ Phiến đã để trí tưởng lang thang “lạc đường vào triết lý”.

Thơ và văn xuôi khác nhau ở chỗ này chăng ?

Ôm be rệu nồng nhớ bầu sữa mẹ

Nỗi nhớ đi xa hơn nữa, lần lên quá cõi trăm năm :

Nhớ biết bao cái thuở êm đềm

Thuở đạo lý chưa phân chia lành dữ.

... Và con người, ôi, rất mực thơ ngây

Chưa cảm xúc, e chùng chưa cảm giác.

1993, tr.66

Ký ức lần theo thượng nguồn, đến thời Homo Erectus :

Hai triệu năm rồi đứng mỗi lưng

Nhìn quanh lạc lõng giữa mông lưng.

1994, tr.87

Lối suy tưởng xa xăm này, chúng ta chỉ mới gặp gần đây ở Võ Phiến, đặc biệt là sau những lần mổ tim. Trước kia, không thấy anh băn khoăn về nguồn gốc con người và vũ trụ, thậm chí có thể xem anh là nhà văn “phản siêu hình” thỉnh thoảng chế giễu triết gia và triết học (15) thường xuyên từng dòng từng chữ truy tìm những “chi tiết ngớ ngẩn. Ta không ngờ lỗ chân lông lại to đến bậc đó... những đường nứt nẻ trên

môi... sợi gân xanh trên trán... những gân máu đỏ ở khoé mắt...” (14d). Chỉ sau này, ta mới gặp cảnh : “Trên đỉnh cao giữa lục địa, ông giẫm chân lên những vỏ sò vỏ ốc đã chết từ 250 triệu năm xưa. Dưới mắt ông, phơi bày ra cả một lớp đất già đến hai tỷ năm... Chưa bao giờ mình được sát kê cái Vinh Cửu các Vô Cùng đến thế” (Quê, sđd, tr.77). Nhưng từ Grand Canyon, đỉnh cao lục địa, tầm nhìn lại quay về nội giới, về “mảnh đất quê hương, tại các di chỉ Hoà Bình... Thế rồi Quỳnh Văn, Đa Bút... Cho đến các di chỉ Phùng Nguyên (...) Những hài cốt nằm ngửa quay về biển. Mãi sau này người chết mới quay về núi” (sđd, tr.90-91). Ôi cái tâm sự về chiều sao mà não nùng, thê thiết. Tháng Tư năm 1975 khi lìa xa đất nước, Võ Phiến làm một bài thơ vắn vắn có ba câu dang dở :

Ra đi tuổi chẵn năm mươi

Năm mươi tuổi nữa, nào nơi ta về

Ngàn năm mây trắng lê thê

(tr.30)

Ba câu này, vì một tình cờ, đã nằm trong sổ tay của tôi, do Võ Phiến ghi vào. Và cũng tình cờ mà tôi còn giữ, để bây giờ “tưởng chừng như nghe thấy các đấng tổ tiên (...) trong những mộ sâu và chật cứng bên kia Thái Bình Dương hướng về phía bên này mà gửi đi những tiếng hú dài (...) Thật là ghê rợn khủng khiếp đối với kẻ không về được” (Quê, sđd, tr.90-91).

Khách quan hơn mà nhìn, và nói chung thì thơ Võ Phiến không ảm đạm như vậy ; ngược lại thường là trần gian hạnh phúc. Võ Phiến là người có khả năng quan niệm và cảm thụ hạnh phúc, có hảo ý chia sẻ hạnh phúc với đời, và bén nhạy lúc nhận diện niềm vui ở kẻ khác, tuy rằng ở văn xuôi, anh thường đùa cợt hay độ lượng trước những niềm vui đó. Trái lại, trong thơ, Võ Phiến như khoan dung với chính mình.

Hạnh phúc với Võ Phiến là sự hoà đồng, hoà hợp giữa con người và vũ trụ, tóm tắt trong một câu thơ

Trên mảnh vườn xưa muôn vật một linh hồn

Con người lắng nghe, và có khả năng thấu hiểu những trăn trở của không gian, những chuyển mình mong manh nhất :

Một ngôi nhà

Hôm bắt đầu cuộc sống chúng ta

Em nhớ chú ? Cái đêm dài kỳ lạ.

Gió định đến, chợt ngập ngừng, rút lui êm ả

Suốt một đêm cây lá nén hơi

Tàu chuối toan trở mình, nghĩ lại bèn thôi

Trời gần sáng mới có mưa rón rén

Vũ trụ có những sinh hoạt tinh thần, mà con người “đọc” được : *định đến, chợt, ngập ngừng, nén hơi, toan trở mình, rón rén...* tác giả nắm bắt được những ý nghĩ thầm kín của thiên nhiên. Và ngược chiều, cỏ cây cũng thấu đáo niềm bí mật của con người :

Giọt nước đọng giữa mỗi lòng bụi cỏ

Cứ nhấp nháy tình ranh

Con người và vũ trụ thậm chí còn đồng lõa trong những tình cảm bất chính : thơ Võ Phiến hay ở chỗ ranh mãnh, tinh quái ; cho là kinh nghiệm của văn xuôi đi nữa, thì vẫn là một sinh thú cho người đọc. Quan niệm hạnh phúc đôi khi rất đơn sơ :

Võ Phiến

TẠ TỬ THÂN XÁC

Ta đến từ đâu, đâu biết được
 Đến đây được biết có Minh thôi
 Gặp nhau từ thuở ban sơ ấy
 Quấn quít nhau không một phút rời.
 Tiên thân dù có dù không có
 Ta có Minh khi ta có đời
 Có Minh, ta có luôn trời đất
 Đã tuyệt vời chưa Thân Xác ơi
 Một hộp trà thơm, dăm cánh bướm
 Là ơn đời mắt với vành môi.
 Ngắm ra nước biếc cùng mây trắng
 Cùng núi cùng sông trái khắp nơi
 Nghìn triệu âm thanh muôn vạn sắc
 Xác thân vũ trụ đầy mà thôi
 Xác thân kề cận cùng thân xác
 Vũ trụ cùng ta đôi xứng đôi
 Vây nhau một trận cho tới tả
 Cho lẫn lộn đá lẫn mê đời
 Trăm năm một kiếp lâu chi mấy
 Mà dẫn mà đo tiến lại lui
 Là sắc là không, hình tướng ấy
 Dấu cho hư ảnh cũng là vui.
 Thân Xác tha hồ bao nhiếc móc

Mỗi phân da thịt một linh hồn
 Có ai ngửa cổ cười sung sướng
 Cổ trắng ngần, ôi... muốn chết luôn
 Có ai hất tóc qua vai ấy
 Mà đây sao xuyên cả tâm hồn
 Bằng quơ một nụ cười ai nở
 Làm ai ngồi đứng mãi bồn chồn
 Ôi gót chân son từng bước đó
 Ôi búp tay quỳnh ngón ngón thon
 Nón nà một khối : toà hoan lạc
 Nước lấy nguồn vui, hôn lại hôn.
 Ấm hơi Thân Xác từng quên cả
 Hư vô lạnh lẽo bước càn khôn.
 Sáu mươi năm lẻ trên trần giới
 Ta luôn có Minh, Minh có ta
 Rồi đây cách biệt — muốn đời biệt —
 Bỏ tai bỏ mắt ta đi xa
 Ta đi xa tít ngoài nhân thế
 Ta gửi Minh nơi lòng đất già
 Hình hài không có, đời không có
 Ta có gì chẳng để gọi ta ?
 Rồi ta sẽ nhớ về mây nước
 Nhớ trời đầy bướm đất đầy hoa
 Nhớ con suối lượn con chim hót
 Nhớ giọt sương mai ánh nắng tà.
 — Lang thang đâu đó ngoài vô tận
 Một mảnh linh hồn nhớ thịt da.

10-1986

TÀN NIÊN TÂM SỰ

Tết này lang thang vừa bốn Tết
 Năm tàn ngoái cổ ngóng quê hương
 Vẫn nghe súng nổ không ngừng nghỉ
 Vẫn thấy người trôi khắp đại dương
 Trong tù lớp lớp âm thầm gục
 Ngoài tù xơ xác cái... vinh quang

Sương khói thời gian mờ mịt toả
 Ngóng về xứ sở buồn ơi buồn
 Người đi phiêu dạt mòn thân thể
 Kề ở tàn theo phận nước non

Nghêu ngao ngoài cõi mong khuây khoả
 Biết rồi dân tộc đi về đâu
 Máu tuôn ướt đầm nửa thế kỷ
 Lệ chảy dài quanh vòng địa cầu
 Giọt lăn theo bố ngoài muôn dặm
 Giọt gửi về con cách bốn châu.

Ngày theo mấy cánh hải âu
 Đêm về mưa ướt giấc sầu miên man
 Năm năm mỗi Tết năm tàn
 Đời không đợi Tết vỡ vàng từ lâu.

Santa Monica, cuối 1978

Quả có thế, cùng biết nhau, biết cả
 Tôi với em, với gà vịt, với ngôi nhà
 Tuồng chừng như một thịt một da...

Sự hoà hợp hoà đồng ấy đưa đến một câu thơ xuất sắc :

Nhà quanh vắng, lũ ruồi buồn nặng xé

và một kết luận tuyệt vọng tuyệt trần :

Em ơi, đất đá xưa đã trút cạn linh hồn

1992, tr.55-57

Lịch sử loài người, tiến bộ khoa học, là quá trình bạo lực, lấn chiếm, chế ngự thiên nhiên. Nói chung, Võ Phiến không tin vào khoa học và lịch sử để mưu cầu hạnh phúc : đây là một tư tưởng thường xuyên, từ trẻ để già, từ một xóm quê xơ xác Bình Định Giếng Vương cho đến Los Angeles đỉnh cao kỹ thuật. Trong *Thư Nhà*, 1982, *Chuyện Bốn Thôi*, anh đã viết ngao ngán : “ thú chân chữa lành bằng thuốc Dagénan vẫn không bằng thú chân chữa bằng dầu rái ” (14e). Chúng ta không ai lạc hậu đến mức đi so sánh hiệu lực của dầu rái với Dagénan, nhưng chuyện của chúng ta nằm ở chỗ khác : ở những bàn chân, những vết chân và những bước chân, thậm chí những “ tiếng guốc... ngần ngại dò la từng nhíp đập của một con tim ” (*Truyện Thật Ngán*, sdd, tr. 108).

Hạnh phúc là niềm vui mong manh lưu lại vài hình ảnh êm đềm trong ký ức. Mong manh, nó e ngại thời gian và ngại

ngừng trước lịch sử và khoa học, những bước chân giục giã thời gian. Võ Phiến muốn lẩn trốn thời gian để gìn giữ tuổi thơ. Anh luyến tiếc thời Đường thời Tống mà anh chưa bao giờ sống, chẳng qua là để mình tự nhớ mình. Một bài thơ hay, làm từ 1947, cổ điển, tài hoa và uyên bác :

Người xưa song bước với Thời Gian
 ... Bước chân bình thản đi về mộ
 Thôi có thù chi với tháng ngày
 Tôi biết thời xưa từng có hạc
 Có chàng Lý Bạch thả ra thơ
 ... Khuya khuya say ngủ bên sân trúc
 Vực tỉnh vầng trăng khuyết ngán ngơ.
 ... Thanh thoi buổi trước có nhiều tiên
 Giữa trần du ngoạn Liễu Tôn Nguyên,
 Nam hành biệt đệ — Vi Thừa Khánh
 Đạm đạm tràng giang, dạ khách phiền
 ... Phong lưu thiên hạ đều nghe tiếng
 Nhớ thuở “ hồng nhan ” Mạnh Hạo Nhiên
 — Cuộc đời rộng rãi như hơi gió
 Sống để làm sao ! Vốn thánh thoi
 Giọng của các người diêm tinh quá
 Trong như thu thủy thoảng như hơi
 — Gió bay tờ sách — tôi ghen tiếc
 Ôi các nhà thơ của một thời.

1947, tr.26

đã xa : “ À. Thế à ? À, à, à ” Quạ kêu xa nữa : “ À, à... Á, á, á ” Quạ xa thêm nữa “ Á, á, á...”

Thôi, hết. »

1994, tr.89

Về một cái dấu nặng trong hoang tưởng mà phải dài dòng, vì như tôi đã nói trong đoạn đầu “ *chữ nghĩa Võ Phiến buộc ta phải đề phòng cho lắm* ”.

Thật ra, ngôn ngữ Võ Phiến, nói chung, không quá quái và anh cũng không đòi hỏi người đọc phải quay quắt như vậy.

Cùng trong đề tài hạnh phúc phiêu pha của trần gian, anh có những bài thật hay và đơn giản như *Tạ từ thân xác* :

*Ta đến từ đâu, đâu biết được
Đến đây được biết có Minh thôi
Gặp nhau từ thuở ban sơ ấy
Quần quít nhau không một phút rời.
Tiền thân dù có, dù không có
Ta có Minh khi ta có đời
Có Minh, ta có luôn trời đất
Đã tuyệt vời chưa Thân Xác ơi (...)
Rời đây cách biệt — muôn đời biệt —
Bỏ tai bỏ mắt ta đi xa
Ta đi xa tít ngoài nhân thế
Ta gửi Minh nơi lòng đất già
Hình hài không có, đời không có
Ta có gì chẳng để gọi ta ? (...)
— Lang thang đâu đó ngoài vô tận
Một mảnh linh hồn nhỏ thật da.*

1986, tr.36, 37, 38

Nguồn vui hoà tan trong lời thơ, hoá giải thân phận sau khi hoà giải với hình hài. Người đọc vui lây vì thấy Võ Phiến không còn lo “ *né lẫn roi bên này, tránh viên đạn bên kia* ”, và ngược lại an vui trông cảnh tạm dung, người tạm trú.

Văn chương, nghệ thuật là những bàn tay, vô hình hay cụ thể, đã dẫn dắt Võ Phiến lần la, thơ thần ven bờ bi kịch. Nhân vật, những đứa con tinh thần của Võ Phiến, thường xuyên sống bi kịch. Họ tìm cách đào vong, cách này hay cách khác nhưng ít khi thoát khỏi nanh vuốt của số mệnh mang tên là Lịch sử. Trong những bi kịch Việt Nam, Lịch sử còn tàn nhẫn hơn Thần Linh trong huyền thoại La Hy. Vì Lịch sử vừa là thực chất vừa là huyền thoại : đánh người đánh cả hai tay. Thần Linh chỉ có quyền uy và bạo lực, Lịch sử còn nhân danh công lý và đạo lý. Trê Tào Hoá chỉ mới đành đành, Già Lịch Sử cay nghiệt, không bao giờ lo lắng.

Sống lìa xa quê hương là một bất hạnh. Nhưng nhờ luật bù trừ, nỗi bất hạnh lớn đó, thỉnh thoảng có mang ít nhiều an ủi. Xa vùng sấm sét, con người thỉnh thoảng nhìn về, bắt gặp một khoảng trời xanh, có khi điểm vài ánh sao li ti. Xa xứ, đường như cái nhìn Võ Phiến rộng rãi, bao dung hơn, nhất là với thời gian

*Vũ trụ vận hành êm ả thành thời
Chuyện gì rồi cũng bỏ qua thôi.*

1993, tr.69

Giải thoát nhờ huyền học phương đông, Võ Phiến còn sống lại nguồn vui hồn nhiên của dân gian Việt Nam, như lời ca dao :

NGUYỄN SA (1932-1998)

Nhà thơ Nguyễn Sa đã từ trần ngày 17.4.1998 tại Garden Grove, California, thọ 67 tuổi.

Tên thật là Trần Bích Lan, ông dạy triết học ở Chu Văn An (Sài Gòn) rồi làm hiệu trưởng tư thục Văn Học. Những bài thơ đầu xuất hiện năm 1956 trên tạp chí Sáng Tạo. Đã xuất bản *Thơ Nguyễn Sa* (3 tập), 4 truyện dài, 2 tập truyện ngắn và một số sách biên khảo, giáo khoa.

Từ tháng 4.75, sang Mỹ, Pháp, rồi định cư ở Mỹ. Ra báo *Phụ nữ Việt Nam, Dân chúng, Đời và kinh doanh* (Trung tâm băng nhạc Đời).

*Cái kiến mây ở trong nhà
Tao đóng cửa lại mây ra đường nào...*

Lối nhìn, lối nói phúng thế theo kiểu dân gian — hay Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến... xưa kia — ta vẫn gặp trong văn xuôi Võ Phiến. Nhưng lối châm biếm thường cay chua, thậm chí còn độc ác. Trong *Thơ Thần*, lời đùa vui đối với bản thân có tính cách hoà giải, phóng túng, bằng hữu, như bài *Đáp bạn Chu Ly*, về thân phận người di tản :

*Thư bạn nhắc qua thời lả lướt
Đọc xong thơ dài nghe thâm thuật
... Mỗi người miễn cưỡng một Kinh Kha
Sông nào sông nấy sông Dịch tuốt
... Tiếng cười cái liếc thoát trao nhau
Nhất khứ, thôi rồi bao mộng ước
Thôi rồi cười liếc nửa mà chi
— Kinh Kha lắm lùi nhanh chân bước
Kéo lê kiếm bạc đi vào hư vô.*

1993, tr.59-60

Bài thơ cũng như bài *Đọc thơ Đường* đã dẫn hay một cách “ chuyên nghiệp ”, không thuộc vào dòng “ *thơ thần* ” như Võ Phiến tự nhận về sau... Võ Phiến có tài làm thơ và sớm thành tựu về thơ, nhưng anh đã chọn văn xuôi làm bút pháp, âu cũng là một chọn lựa căn cơ và chính đáng. Vì văn xuôi rộng đường đi hơn, hợp với xã hội Việt Nam hơn, có quần chúng đông đảo và lâu bền hơn. Ngoài ra, ta có thể làm thơ khi viết văn xuôi — truyện ngắn, tùy bút, thậm chí phê bình — khi đó văn xuôi sẽ được nâng cấp. Ngược lại thì không xong : viết văn xuôi khi làm thơ ngang phè, prosaïque, thơ bị xuống cấp. Nguyễn Hồng làm thơ hay, nhưng sự nghiệp đồ sộ của ông là văn xuôi. Ngược lại, Xuân Diệu viết truyện hay, nhưng chủ yếu là nhà thơ về mặt sáng tác. Tuy nhiên, làm thơ khi luống tuổi để cô đúc một số cảm xúc, tư tưởng là một việc chính đáng. Mai Thảo cũng vậy, về già chỉ làm thơ. Trên tạp chí *Thơ số mới* nhất, Thanh Tâm Tuyền có tiết lộ là Mai Thảo 1955 bước vào văn học với một bài thơ xuất sắc *Cúi đầu* ký bút hiệu Nhị (18) nhưng sau đó dồn nghị lực vào văn xuôi. Và đặc sắc trong văn xuôi Mai Thảo là chất thơ. Điều này vẫn đúng đối với nhiều nhà văn phương Tây. Tại Pháp, trong kỳ thi tuyển giáo viên trung học (CAPES) năm nay (3-1998) thí sinh phải bình giải một đoạn văn của Michel Butor, đại ý như sau :

“ Thời sinh viên, cũng như nhiều người, tôi làm vô số thơ. Không phải để giải trí hay luyện nghề ; mà để gửi gắm cả cuộc đời vào đó. Bỗng nhiên, từ ngày bắt đầu cuốn truyện đầu tiên, suốt nhiều năm tôi không hề cầm bút làm thơ, vì muốn dồn vào truyện đang viết tất cả nguồn thơ ; và nếu tôi chọn bước vào tiểu thuyết, cũng vì tôi đã gặp trong cách hành văn này nhiều khó khăn và mâu thuẫn khi đọc các nhà văn lớn. Tôi đã cảm thấy trong đó một chất thơ (charge poétique, lượng thơ) kỳ diệu. Vậy tiểu thuyết, trong những hình thức cao quý nhất có khả năng giải tỏa những khó khăn nói trên, và thừa kế gia tài của thơ trước kia ” (19).

Nói chuyện dông dài về thơ - truyện Võ Phiến, sang cả Nguyên Hồng, Mai Thảo, là cũng muốn mượn cơ hội nêu lên một vấn đề lý thuyết phổ thông, cơ bản và hiện đại.

Nhưng trong thực tiễn sáng tạo, hiện tượng ấy đã xảy ra ra sao ?

Mới đây, Võ Phiến đã kể lại một kinh nghiệm — không nhất thiết của bản thân — trong một tùy bút có tính hoạt kê *Ngày của chúa* (1990) : một người cao hứng, làm thơ ca ngợi ngày chủ nhật, nhưng được dăm câu thì cụt hứng :

“ *Chàng ngắc ngứ, như con gà nuốt phải dây thun. Chàng loay hoay, như gà mắc phải tóc. Thần bút lúng túng quá, làm chàng rối cả trí. Sau cùng đành quẳng cả thần bút thôi. Chàng vội vàng, không thể cứ một bước mỗi vương vít lẳng nhăng vào văn này điệu kia. Thôi hãy cứ văn xuôi mà xô vậy. Chàng như một người đang cầm đũa gà, ăn chén bít báp, bỗng gặp món đặc ý, cao hứng quá, quẳng cả đũa, dùng năm ngón tay mà bốc, bốc lên mồm gặm nhồm nhoàm. Dùng tay như kẻ ăn chân gà, cánh gà ”. Ngoài những vương vít văn điệu, còn lúng túng vì “ một lẽ nữa là cái thứ thơ (...). Trong ý nghĩ của chàng, ngày chủ nhật của Chúa như chiếc ống thổi lửa (...) — Ngày của chúa như ống thổi lửa ? Kể ra, chàng không được phép nảy ra một cái “ tú thơ ” lỗ bịch như thế, lếu láo như thế ” (20).*

“ *Cái ống thổi lửa — nói cho ngay — nó quả chưa có dịp đi vào thơ văn. Nó chưa “ đi vào ” đâu cả ”. Trong **Hồng Đức quốc âm thi tập** có thơ về cái bếp, ông táo, cái rế nhưng không thấy ống thổi lửa. Nhưng là tú thơ, nó có lỗ bịch, lếu láo không ? Võ Phiến đã chứng minh là không, trong một đoạn văn xuôi đầy ắp chất thơ : “ Trước kia ở làng quê không nhà nào là không có cái ống thổi lửa. Đó chỉ là một ống tre khô, ngắn hơn gang tay, nhỏ hơn cườm tay, một ông tre trống rỗng không có mắt. Người ta kê miệng vào một đầu ống, đầu ống kia chĩa vào đầu bếp mà thổi. Thổi như thế, bao nhiêu hơi dồn thẳng vào bếp, không bị tản mạn lung tung, do đó than bùng ra lửa, lửa mau bùng lớn ngọn ” (20).*

Trong sự thưởng ngoạn (quê mùa) của tôi, đây là một đoạn văn xuôi đặc sắc đạt dào thi tính. Một chất thơ mật thiết, đến từ cuộc đời làm bằng những tương quan cụ thể giữa trần gian : ống tre, cườm tay, miệng, hơi thổi truyền hơi thổi con người vào đời sống thiên nhiên “ *than bùng ra lửa, lửa bùng lớn ngọn* ”. Ngọn lửa, ánh sáng và hơi ấm, là sự sống bùng lên từ hơi thổi — thường là hơi thổi của một người đàn bà, phả sức sống vào cảnh khô củi chết, vào tro tàn than lạnh :

Lòng ta nay, tro tàn bếp lạnh

1993, tr. 78.

Một hình tượng như vậy không thi vị, thậm chí không thiêng liêng sao ? Ấy thế mà cái ống thổi lửa thân mật thân thiết đã bị lãng quên trong một xô ký ức không được một tia sáng lịch sử văn hoá nào soi tới. Phải đợi Võ Phiến nhắc lại ta mới sống lại trong lòng bàn tay, ở đầu hơi thổi một thoáng dịu dàng, ấm áp đã xa xăm. Võ Phiến là thi sĩ trong văn xuôi, thi sĩ của trần gian. Là thi sĩ. Đọc và nghiên cứu về thơ trong nhiều năm, tôi đã gặp nhiều định nghĩa, hùng hồn và uyên bác. Riêng với Võ Phiến, tôi dám hạ bút : “ *Thơ là ống thổi lửa* ” mà không sợ mấy chữ “ lỗ bịch, lếu láo ” anh đã dùng. Đòi là ống thổi lửa. Triết lý chẳng ?

☞

Thơ Thần, thi tập của Võ Phiến, không phải là biến cố văn học. Tác giả không muốn vậy, chỉ xem như là một bó cỏ gửi đến bạn bè. Bên ngoài tình cổ cụ, tôi đặc biệt lưu ý đến giá trị văn học của tập thơ. Trước tiên, nó đúc kết kinh nghiệm một đời văn, về mặt xúc cảm, tâm tình, suy nghĩ và hành văn. Một đời văn dồi dào, súc tích, đa dạng. Và chìm nổi. Tác phẩm Võ Phiến, ngay từ đầu, đã mang nhiều đặc tính dân tộc — nhưng ở cục bộ : thân phận con người, cá nhân và địa phương. Trong **Thơ Thần**, tình tự dân tộc rộng hơn, xuề xoà, xởi lởi. Một thứ minh triết chân quê. Một triết thành. Làm nhớ một Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến lúc lui về sống trong làng.

Tưởng không giấu được ai : tôi viết về Võ Phiến vì chút tình riêng. Không phải là chuyện văn nghệ. Chỉ vì văn nghệ, tôi không đọc như vậy, không thấy và không viết như đang viết. Giữa con người với nhau dường như có cái gì quý hơn, sâu hơn, bền hơn văn chương.

Mở đầu tập tùy bút **Thư Nhà** (1962), Võ Phiến viết : “ *Dầu sao khi mình chết mà con cháu có làm tới quận công sao bằng đang sống mà gặp được sự chung tình. Sự chung tình vô giá càng ngày càng khan hiếm đó, tôi chắc chắn có thể tìm được ở đây ”.*

Ồ đây, là ở đây :

ĐẶNG TIẾN

18.4.1998

(14) **Thư Nhà**, Thời Mới, Saigon 1962, lần lượt : (a) tr. 134, (b) 130, (c) 145, (d) 35, (e) 106.

(15) *Chim và rấn*, trong **Truyện ngắn II**, Văn Nghệ, California, 1987, tr 295.

(16) **Lại thư gửi bạn**, Người Việt, California, 1979, tr 7.

(17) Jean Starobinsky, **Les mots sous les mots**, Gallimard, Paris, 1971.

(18) Tạp chí **Thơ** số 12, 1998, tr.7. Mai Thảo tên thật là Nguyễn Đăng Quý sinh 8.6.1927 tại Nam Định, mất ngày 10.1.1998 tại California. Tác phẩm cuối là tập thơ **Ta thấy hình ta những miếu đền**, nhà xuất bản Văn Khoa, California, 1989.

(19) **Répertoire II**, Minuit, Paris 1964, tr. 7, dẫn theo đề thi CAPES.

(20) **Sống và Viết**, nxb Văn Mới, California, 1996, tr. 33-34-35.

Ai giết Lê Lai ?

Nguyễn Du

Hầu hết những người được đi học, bao miệng hơn thì có thể nói rằng tất cả những người được đi học, đều biết chuyện “ Lê Lai liều mình cứu chúa ”. Chuyện như sau :

Năm 1418, tại đất Lam Sơn, Lê Lợi và 18 người bạn tâm huyết khởi nghĩa chống quân Minh. Năm sau, nghĩa quân bị quân Minh vây ở núi Chí Linh.

“ Quan nhà Minh biết rằng Chí Linh là chỗ Bình Định Vương (Lê Lợi) lui tới, bèn đem binh đến vây đánh. Vương bị vây nguy cấp lắm, mới hỏi các tướng rằng : Có ai làm được như người Kỉ Tín ngày trước chịu chết thay cho vua Hán Cao không ? Bấy giờ có ông Lê Lai liều mình vì nước, xin mặc thay áo ngự bào, cuội voi ra trận đánh nhau với giặc. Quân nhà Minh tưởng là Bình Định Vương thật, xúm nhau lại vây đánh, **bắt được giết đi** rồi rút quân về Tây Đô.

“ Vương nhờ có ông Lê Lai chịu **bỏ mình cứu chúa**, mới trốn thoát được nạn lớn... ” (Trần Trọng Kim : Việt Nam sử lược, Nxb Miền Nam, Hoa Kỳ, tập 1, tr. 219).

Trong sách **Lịch triều hiến chương loại chí**, phần Nhân vật chí, Phan Huy Chú (Nxb Sử học, Hà Nội, 1960, tr. 266) kể tên một số công thần nhà Lê :

“ Công thần đầu nhà Lê nguyên số là 93 người, không thể chép hết được (...). Họ đều là bậc anh tài giúp vua, gặp hội phong vân trở hết trí dũng, đều là có công đầu mở nước cả (...). Còn như Lê Thạch làm tiên phong thường thắng, **Lê Lai vì nước bỏ mình**. Lê Triện, Lê Lễ bày mưu lạ phá giặc, đều là tướng tài giỏi, có tiếng một thời tiếc rằng chết vì việc nước, công nghiệp chưa trọn (...) ”.

Phan Huy Chú ghi thêm về Lê Lai :

“ Ông người thôn Dưng Tú, huyện Lương Giang [Thanh Hoá] : Lúc mới khởi binh, bị tướng Minh vây ngặt, vua hỏi các tướng, bàn xem [có ai] đổi áo đánh lừa giặc, như việc Kỉ Tín ngày xưa. Ông xin đi. Bèn mặc áo bào, đem quân xông vào hàng trận của giặc, đánh đến đuối sức, **bị bắt**. Vua nhân dịp trốn thoát ”.

Ở đoạn trên Phan Huy Chú viết “ Lê Lai vì nước bỏ mình ”, xuống dưới lại viết “ đánh đến đuối sức, bị bắt ”. Phải chăng vì thế mà đã khiến các thế hệ sau hiểu lầm ? Nếu Lê Lai chỉ bị bắt thì hành động “ vì nước bỏ mình ” của ông phải được hiểu là “ vì nước bỏ chuyện riêng tư của mình ”, chứ không phải là “ chết vì nước ”.

Hoàng Đạo Thúy (**Đi thăm đất nước**, Nxb Văn Hoá, Hà Nội, 1978, tr.302) viết còn rõ hơn Trần Trọng Kim :

“ Thiệu Hoá là quê của nhiều tướng Lê : Lê Lai, **tướng đã chết thay vua Lê**, ở Dưng Tú, 5 km bắc Lam Sơn (...) ”

Lịch sử Việt Nam (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 244) kể lại “ hành động hy sinh cao cả và liêm liệt của

người anh hùng Lê Lai ” như sau :

“ Năm 1419, nghĩa quân bị bao vây lần thứ hai ở núi Chí Linh. Vòng vây của kẻ thù ngày càng khép chặt và lương thực của nghĩa quân đã hết sạch hơn mười ngày. Trước tình thế đó, tướng Lê Lai xin cải trang làm Lê Lợi, dẫn 500 quân cầm tử ra đột phá vòng vây để đánh lạc hướng quân thù. quân Minh tập trung lại bao vây để **bắt sống Lê Lai** và tiêu diệt đội quân cầm tử. Nhờ đó cuộc khởi nghĩa thoát khỏi một cơn hiểm nghèo.

“ Lê Lai là người làng Dưng Tú (...). Cả gia đình Lê Lai gồm 2 anh em và 3 người con trai đều tham gia cuộc khởi nghĩa và 4 người đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu. Hành động **xả thân vì nước** của Lê Lai đã trở thành một hình tượng anh hùng không bao giờ phai mờ trong ký ức của dân tộc ta ”.

Đọc đoạn sử này ta hiểu rằng gia đình Lê Lai có 5 người theo cuộc khởi nghĩa, và 4 người đã hy sinh trong chiến đấu. Còn một người sống sót, đó chính là Lê Lai, bị quân Minh bắt sống.

Lời văn tuy không rõ ràng, dứt khoát, nhưng đọc kĩ thì cũng hiểu được.

Sách **Đại Việt sử ký toàn thư** của Ngô Sĩ Liên (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, tập 3, tr. 5 - 78) không chép chuyện “ Lê Lai liều mình cứu chúa ”.

Sự thực ra sao ? Quân Minh có giết Lê Lai không ? Chắc chỉ có Nguyễn Trãi, một người trong cuộc, một nhân chứng của cuộc khởi nghĩa Lam sơn, mới đem lại cho chúng ta câu trả lời đúng nhất.

Sách **Lam Sơn thực lục** của Nguyễn Trãi (Nguyễn Trãi toàn tập, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976) được chính Lê Lợi đề tựa, kể rằng (tr. 50) :

“ Bấy giờ quân ta mới thắng nhỏ, mà thế giặc lại đang lớn mạnh, vua liền vời các tướng lại nói rằng :

– Ai có thể mặc áo hoàng bào thay ta đem 500 quân và 2 thớt voi đi đánh thành Tây Đô, thấy giặc ra đánh thì tự xưng “ ta là chúa Lam Sơn ”, để cho giặc bắt được, cho ta có thể ẩn nấu nghỉ binh, thu nhặt binh sĩ mưu cử sự về sau ?

Các tướng đều không dám nhận lời. Chỉ có Lê Lai nói :

– Thần nguyện đổi lấy áo bào. Ngày sau bệ hạ thành đế nghiệp, có được thiên hạ, nhớ đến công thần mà cho con cháu muôn đời của thần được chịu ơn nước. Đó là điều thần mong ước.

Vua vái trời mà khẩn rằng :

– Lê Lai có công đổi áo, sau này trăm cùng con cháu trăm và các tướng tá công thần cùng con cháu họ, nếu không nhớ đến công ấy, thì xin điện cỏ này hoá thành rừng núi, ẩn báu hoá ra cục đồng, gương thần hoá ra dao thương.

Vua khẩn xong, Lê Lai liền đem quân đến công trại giặc khiêu chiến. Giặc cậy binh mạnh xông ra đánh, Lê Lai cuội ngựa phi vào trận giặc, nói rằng :

– Ta là chúa Lam Sơn đây !

Giặc liền vây và bắt trói đem vào trong thành xử bằng cực hình khác hẳn các hình phạt thường dùng. ”

Nguyễn Trãi cho biết là Lê Lai bị quân Minh bắt sống, trói đem vào thành Tây Đô và bị tra tấn dã man.

Như vậy, chúng ta thấy rằng những ai viết rằng Lê Lai bị

quân Minh “ bắt được giết đi ” hay là Lê Lai “ chết thay vua Lê ”, “ Lê Lai vì nước bỏ mình ”, Lê Lai có “ hành động cao cả và lắm liệt, xả thân vì nước ” là viết không đúng sự thật hoặc vô tình để người đọc hiểu lầm.

Đại Việt sử ký toàn thư chép :

Tháng giêng năm 1427, “ ngày 13, bọn Lê Lưu, Lê Bôi ngày đêm đánh gấp thành Khâu Ôn, người Minh tự liệu không chống được, bỏ thành trốn đi đêm.

“ *Giết tư mã Lê Lai, tịch thu gia sản, vì Lai cậy có công đánh giặc, nói ra những lời ngạo mạn nên bị giết* ”.

Rõ ràng là Lê Lai bị “ phe ta ” giết. Lê Lợi hạ lệnh giết Lê Lai năm 1427, một năm trước khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi và lên ngôi hoàng đế.

Chi tiết quan trọng này không thấy các sách khác chép lại. Hoàn cảnh của Nguyễn Trãi không cho phép ông viết lúc Lê Lợi còn sống. Điều đó dễ hiểu. Ngô Sĩ Liên, một sử thần nhà Lê, đã chép lại cho hậu thế một sự kiện lịch sử. Ngô Sĩ Liên đã giữ đúng tác phong của một sử gia nghiêm túc. Thật đáng ca ngợi. Không hiểu tại sao các sử gia đời sau lại quên chi tiết này ?

Lê Lai bị Lê Lợi giết năm 1427, có nghĩa là ông phải được trở về với nghĩa quân Lam sơn trước năm 1427. Năm nào ? **Lam Sơn thực lục** chép rằng (s.d.d. tr; 59) :

Năm 1425, tháng 5 “ vua bèn chia hai nghìn tinh binh, hai thớt voi, sai bốn cháu ngoại là Lê Lễ, Lê Sát, Lê Bị, Lê Triện, Lê Nhân Chú suốt ngày đi ra đánh úp thành Tây Đô. Giặc đóng cửa chống giữ. Quân ta đánh vỡ, bắt được đấng giặc rất nhiều, chém hơn năm trăm đầu. Phạm nhân dân ở gần thành giặc, may may không xâm phạm ”.

Trong bài *Phú núi Chí Linh*, Nguyễn Trãi cũng nhắc lại chiến công này (s.d.d., tr. 86) :

(...) *Chu Kiệt bỏ cũi, Hoàng Thành phơi thây
Đất Nghệ An chiếm lại, Tây Đô thu nhanh về tay
Gạo nước đón rước
Người theo đầy đường (...)*

Chu Kiệt bị bắt, Hoàng Thành bị chém ở Bồ Ải năm 1424. Nghĩa quân Lam sơn chiếm thu Nghệ An, Tây Đô năm 1425.

Ta có thể phỏng đoán rằng Lê Lai được giải cứu khỏi thành Tây Đô trong dịp này, tức là năm 1425. Trở về với nghĩa quân, Lê Lai được Lê Lợi phong chức tư mã vì ngày trước có công giúp Lê Lợi. Lê Lợi giữ đúng lời thề năm xưa.

Từ tháng 5 năm 1425 đến tháng giêng 1427, kể từ lúc được cứu đến lúc bị giết, trong vòng gần 2 năm, có thể Lê Lai đã tham dự vài trận đánh quân Minh. Nhưng trong tất cả các trận đánh, sử không bao giờ nhắc đến tên Lê Lai. Điều đó cũng cho phép ta nghĩ rằng Lê Lai không phải là tướng lãnh chỉ huy, không giữ vai trò quan trọng nào. Thế mà ông lại tự cho rằng mình “ có công đánh giặc, nói ra những lời ngạo mạn. nên bị giết ”.

Sau này Lê Lợi còn giết thêm một tư mã nữa . Năm 1432 “ mùa xuân, tháng giêng, sai thân vương Tư Tề đem quân đi đánh châu Mường Lễ. Đèo Mạnh Vương là con tù trưởng Đèo Cát Hãn ra hàng, cho ở Đông Kinh, lập làm tư mã, rồi năm sau giết chết ”.

Ngày nay chúng ta có thể thắc mắc tự hỏi tại sao quân Minh không giết Lê Lai ? Đọc **Lam sơn thực lục** và **Quân trung từ mệnh tập** của Nguyễn Trãi và **Đại Việt sử ký toàn thư** của Ngô Sĩ Liên thì thấy rằng dường như cả hai bên, quân Minh và nghĩa quân Lam sơn đã “ thoả thuận ngầm ” với nhau rằng lúc lâm trận thì chém giết thẳng tay, nhưng tù binh bắt được thì không giết. Chỉ giết tù binh nào chống đối, mưu phản.

Năm 1418 quân Minh bắt vợ con Lê Lợi. Năm 1428 Lê Lợi xin trả lại con gái. Năm 1427, “ *Bí (Lê Bí) bị giặc bắt được. Sau giặc về nước, lấy lễ đưa Bí trở lại* ”.

Lê Lễ bị bắt. “ *Lễ không chịu khuất, bị giết chết* ”.

Quân Lam Sơn bắt được Cầm Bành. “ *Bành đã đầu hàng, chỗ xâm phạm một tí gì, đều tha tội cả, không giết một người. Sau Cầm Bành mưu phản, vua sai giết chết* ”.

Thôi Tụ, Hoàng Phúc, Thái Phúc... bị bắt nhưng không ai bị giết.

Nếu Lê Lai không chống đối, mưu phản, thì quân Minh không giết ông, chỉ giữ làm con tin.

Chúng ta có thể tóm tắt chuyện “ Lê Lai liều mình cứu chúa ” như sau :

Năm 1419, nghĩa quân Lam Sơn bị vây ở núi Chí Linh. Lê Lợi tìm người thay mình ra đánh quân Minh. Lê Lai tình nguyện và có “ mặc cả ” với Lê Lợi. Lê Lợi thề sẽ nhớ công của Lê Lai.

Lê Lai mặc áo bào xông ra trận, bị quân Minh bắt sống, trói đưa vào thành Tây Đô tra tấn.

Năm 1425, nghĩa quân đánh thành Tây Đô, cứu được Lê Lai. Lê Lai được thăng chức tư mã, tham dự vài trận đánh. Thành tích quân sự không đáng kể.

Lê Lai cậy có công, hay nói lời ngạo mạn, bị Lê Lợi giết năm 1427.

Ngô Sĩ Liên nhận xét về vua Lê Lợi như sau :

“ *Vua hăng hái dấy nghĩa binh đánh dẹp giặc Minh, 10 năm mà thiên hạ đại định. Đến khi lên ngôi, định luật lệ, chế lễ nhạc mở khoa thi, đặt cấm vệ, dụng quan chức, lập phủ huyện, thu sách vở, mở học hiệu. Có thể gọi là có mưu lớn sáng nghiệp. Song đa nghi hay giết, đó là chỗ kém* ”.

☆☆

Trong một buổi gặp gỡ bạn bè, tôi nửa đùa nửa thật đặt câu hỏi “ Ai giết Lê Lai ? ”, thì lập tức gặp phản ứng :

– *Giểu đở ! Vô duyên !*

– *Biết rồi ! Khổ lắm ! Hỏi mãi !*

– *Mẹ kiếp ! mỗi ngày nào còn mài rách cả đũng quần, thế mà bây giờ để cho “ bò cười ” quấy rầy, quên cả chuyện “ Lê Lai liều mình cứu chúa ”.*

Có bạn còn nhắc khéo tôi rằng ở Sài Gòn, đại lộ Lê Lợi và đường Lê Lai cùng “ nằm gai nếm mật ”, suýt đụng đầu nhau tại bùng binh chợ Bến Thành. Ngoài Hà Nội, hai đường nằm hai bên Hồ Gươm như cùng tưởng nhớ tới thanh gươm thần cứu nước ngày nào.

Vâng, trang sử còn đẹp hơn nữa nếu như Lê Lợi không giết Lê Lai.

Nguyễn Dư (16.4.98)

Nói chuyện Lê Lai, mà Lê Lai nào ?

Nguyễn Thắng

Nghề đọc sách cũng lắm công phu. Anh bạn Nguyễn Du kể ra đã không ít công phu lần giở sách xưa. Khêu ra một sự kiện có ghi chép rành rành trong bộ chính sử **Đại Việt sử ký toàn thư** (từ đây gọi là Toàn thư) :

Năm 1427 “ *Giết tư mã Lê Lai, tịch thu gia sản, vì Lai cậy có công đánh giặc, nói ra những lời ngạo mạn nên bị giết* ”. Mà Toàn Thư lại chẳng có ghi chép gì về chuyện Lê Lai liêu minh chết thay Lê Lợi trong những năm đầu khởi nghĩa (1418 - 1419) bị quân Minh vây khốn ở núi Chí Linh. Vậy, không phải là quân Minh, mà chính Lê Lợi giết Lê Lai, vào năm 1427. Nghi án lịch sử tày đình mà không một ai thấy trước anh ?

Và anh đề nghị một kịch bản để lý giải chuyện này. Phải nói ngay rằng anh trích dẫn tư liệu lịch sử cẩn thận để dựng nên kịch bản. Thế mới lý thú.

Vậy, ta phải tin Nguyễn Du về chuyện Lê Lai ?

Xin khoan nói chuyện tin hay không tin. Trước hết chúng ta bình tâm đọc lại sử. Bắt đầu bằng những tư liệu quan trọng anh Dư sử dụng : **Lam Sơn thực lục** của Nguyễn Trãi, đồng chí tù buổi ban sơ với Lê Lợi, Lê Lai, tên có trong danh sách 19 người hội thề Lũng Nhai ; **Lịch triều hiến chương loại chí** (từ đây gọi là Lịch triều) của Phan Huy Chú, một nhà bách khoa, một sử gia nghiêm túc và Toàn thư nói trên.

Có một Lê Lai nhân vật quan trọng trong những ngày đầu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Lê Lai này đứng hàng thứ hai ngay sau Lê Lợi trong danh sách những người hội thề ở Lũng Nhai ; gia đình ông là gia đình hào trưởng, phụ đạo thôn Dựng Tú (Thanh Hoá).

Khi quân Minh vây chặt núi Chí Linh, chuyện Lê Lai giả xưng là Bình Định vương Lê Lợi để lừa giặc, xông vào trận, bị bắt sống tại trận tiền, Lê Lợi nhân đó trốn thoát, được Nguyễn Trãi kể khá chi tiết trong Lam Sơn thực lục ; Phan Huy Chú chép trong Lịch triều. Anh bạn Nguyễn Du không phủ nhận chuyện này.

Nhưng anh cho là sau khi bị bắt sống, Lê Lai không hề bị quân Minh giết chết mà chỉ giam giữ ở Tây Đô. Đó là điểm khởi đầu cho kịch bản của anh, dựa vào câu của Nguyễn Trãi “ *Giặc liền vây và bắt trời đem vào trong thành xử bằng cực hình khác hẳn các hình phạt thường dùng* ”.

Anh diễn dịch “ xử bằng cực hình ” ra **tra tấn dã man**. Và từ đó không ngần ngại mà phủ nhận nghĩa từ ngữ “ vì nước bỏ mình ” của Phan Huy Chú là “ chết vì nước ”. Cho rằng phải hiểu nó là “ vì việc nước mà bỏ chuyện riêng tư của mình ”.

Anh quên đi rằng các nhà viết sử như Nguyễn Trãi, như Phan Huy Chú cần nhắc từng chữ trước khi viết ra. Không thể tùy tiện mà diễn dịch ra sao cũng được.

Trước hết là từ “ cực hình ”. Luật pháp xưa có “ hình ” và có “ luật ”. Hình là các hình phạt được quy định trong văn bản gọi là “ hình thư ”. Có năm loại (ngũ hình) : xuy hình là đánh bằng roi, trượng hình là đánh bằng gậy, đồ hình là đầy làm khổ dịch, lưu hình là đầy phát vãng và tử hình là giết chết. Tử hình có ba bậc : một là **giảo** (thắt cổ) và **trảm** (chém đầu) ; hai là **chiêu** (chém bêu đầu), ba là **lăng trì** nghĩa là chặt tay chân, xẻo thịt, làm cho chết dần.

Ngoài lăng trì còn **chiêu liệt** nghĩa là phân thây xé xác, hai loại hình phạt dùng từ thời xa xưa, nhưng ngoài pháp luật, để xử những tội quy là ác nghịch cực nặng. Đến đời Nguyễn, lăng trì mới được ghi vào hình thư, còn **chiêu liệt** vẫn để ngoài. (Muốn biết rõ thêm vấn đề xin bạn xem phần Ngũ hình trong Hình luật chí, Lịch triều hiến chương loại chí, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tập II, tr. 305 - 306).

Vậy, phải hiểu “ *xử bằng cực hình khác hẳn các hình phạt thường dùng* ” là giết chết bằng những hình phạt không có ghi trong hình thư, ác độc có lẽ còn hơn là lăng trì.

Vậy, từ ngữ “ bỏ mình vì nước ”, trong trường hợp Lê Lai này phải hiểu là “ chết vì nước ”. Bị bắt sống ở trận tiền và bị giết sau đó hai việc không có gì là mâu thuẫn với nhau. Còn một nơi khác chép Lê Lai “ bỏ mình vì nước ” mà khung cảnh từ ngữ buộc ta phải hiểu là chết vì nước. Đó là truyện Lê Niệm (Lịch triều hiến chương loại chí, nhân vật chí, s.d.d. Tập I, tr. 332 - 333) :

“ *Ông (Lê Niệm) người thôn Dựng Tú, huyện Lương Giang [Thanh Hoá], cháu Lê Lai. Cha ông là Lê Lâm theo vua đi đánh giặc Ngô có công, sau đi đánh Ai Lao làm tiên phong trúng chông sắt chết được tặng thiếu úy.* ”

Khi Lạng Sơn vương Nghi Dân giết Lê Nhân Tông (1459) mà chiếm ngôi vua, Lê Niệm đang làm xa kỵ vệ coi tất cả việc quân, ông cùng các đại thần Nguyễn Xí, Đinh Liệt, bàn mưu đem cấm binh giết đảng nghịch, bỏ Nghi Dân đón Lê Thánh Tông lên ngôi. Vì công đó ông được phong Suy trung bảo chính công thần, làm nhập nội tư mã tham dự triều chính. Bài chế văn trong dịp ấy có câu : “ (...) *Huống chi một nhà trung nghĩa, thương ông người, cha người vì nước bỏ mình (...)* ”. Chế văn là lời của vua, đây là Lê Thánh Tông. Cha Lê Niệm bị chết trận, đặt song song Lê Lâm (cha) với Lê Lai (ông) thì chỉ có thể hiểu “ vì nước bỏ mình ” là cả hai đều “ chết vì nước ”. Đồng thời chế văn này cũng khẳng định rằng các vua triều Lê nối tiếp nhau đời đời ghi nhận công đức Lê Lai hy sinh chết thay Lê Lợi.

Ấy là chưa kể đến các tư liệu khác mà bạn Nguyễn Du không nhắc tới. Theo lời dặn của Lê Lợi con cháu nhà Lê sau này bao giờ cũng làm giỗ Lê Lai vào ngày hôm trước ngày giỗ của Lê Lợi (22 tháng 8 âm lịch), vì vậy trong dân gian có câu “ *Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi* ”. Các bộ Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, Việt sử Thông giám Cương mục đều chép việc Lê Lai hy sinh. Và còn gia phả họ Lê Lai mới tìm ra sau này.

Thế là, phải gượng ép ngữ nghĩa và bỏ rơi không kể đến

nhiều tư liệu quan trọng thì mới dựng được lên việc Lê Lai người thôn Dựng Tú bị giặc bắt trong những năm đầu khởi nghĩa Lam Sơn nhưng không bị quân Minh giết hại.

Kịch bản đến đó nào đã hết đâu, còn phải cho Lê Lai trở về với nghĩa quân Lam Sơn trước năm 1427. Và bạn Nguyễn Du lại vội dẫn Lam Sơn thực lục để cho là nghĩa quân hạ thành Tây Đô vào năm 1425, giải thoát cho Lê Lai bị giam cầm ở đó.

Chuyện hoàn toàn trái ngược với lịch sử. Vì theo mọi tư liệu, kể từ Lam Sơn thực lục kể đi, quân Minh giữ được thành Tây Đô cho mãi đến sau khi Liễu Thăng bị giết. Và phải đến 1427, khi Vương Thông rút quân về Trung quốc thì quân ta mở vây cho quân Minh thủ thành Tây Đô theo toàn quân về nước.

Vậy sao bạn Nguyễn Du lại diễn giải như vậy. Xem lại, bạn Du trích dẫn đúng. Nhưng phải chăng vì chăm chăm cho Lê Lai được về với nghĩa quân bạn đã hiểu sai Nguyễn Trãi đi ? Mà sai rất xa.

Tháng 5 năm 1425, nghĩa quân thắng trận, bạn vội hiểu là thành Tây Đô đã bị hạ. Nhưng nào có phải thế thật đâu. Mới bị bố vây thôi ! Quân Minh bị đánh vỡ khi ấy là quân ngoài thành, chúng rút vào thành đóng cửa chống giữ. Vì thế mà quân ta “ không may xâm phạm nhân dân ở gần thành giặc ” nào phải là nhân dân trong thành ?

Bạn chưa tin, xin lật tới vài trang nữa, Nguyễn Trãi ghi rõ : Năm Bính ngọ (1426), “ Trong một thời gian ngắn mấy thành (Đieu Diêu, Thị Cầu, Xương Giang, Khâu Ôn) đều vỡ. chỉ có Đông Đô, Tây Đô, Cổ Lộng, Chí Linh là 4 thành chưa hạ được mà thôi ” (Lam Sơn thực lục, Nguyễn Trãi toàn tập, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1976, tr.64).

Chẳng phải sức nghĩa quân khi ấy không hạ nổi một thành Tây Đô. Nhưng chiến lược của Lê Lợi xem “ Đánh thành là hạ sách ; ta đánh vào thành vững hàng tháng hàng năm không hạ nổi [làm cho] quân ta sức mệt khí nản. Nếu viện binh của giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị giặc đánh. đó là con đường nguy ! Sao bằng nuôi dưỡng sức quân giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viện binh bị phá thì thành tất phải hàng. Làm một việc mà được cả hai, đó mới là kế vạn toàn vậy ” (Toàn thư, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tập III, Kỷ nhà Lê, q.10, tr.42-43).

Phá viện binh giặc, chiến lược ấy buộc phải tiêu diệt nhanh chóng những thành còn bị quân Minh chiếm đóng trên đường viện quân từ Trung Quốc kéo qua, ta thấy các thành Tam Giang trên đường Vân Nam vào đất ta, Khâu Ôn, Xương Giang, Thị Cầu, Đieu Diêu trên đường Quảng Tây đi Đông Đô bị hạ. Nói là nhanh chóng, nhưng thành Xương Giang bị công kích 9 tháng trường, chỉ phá vỡ được có 10 ngày trước khi quân Liễu Thăng kéo tới biên giới. Còn các thành Đông Đô, Tây Đô, Cổ Lộng, Chí Linh, không nằm trên đường chiến lược, là những ốc đảo chơ vơ giữa những vùng rộng lớn nghĩa quân làm chủ thì chỉ bị bao vây thôi.

Quả nhiên Liễu Thăng bị giết, viện binh bị phá, quân Minh giữ các thành còn lại không hy vọng vào đâu được nữa. Và năm Đinh Mùi (1427), “ Ngày 16 tháng chạp, tướng giặc Vương Thông, Mã Anh, Lý An, Trần Trí, nội quan Sơn Thọ,

Mã Kỳ, Phương Chính, Đặc Khiêm cùng bọn chỉ huy giữ thành Tây Đô là Hà Trung, giữ thành Chí Linh là Cao Tường đưa hết số nguy quan lớn nhỏ cùng những nhà dân nước ta bị bắt hiếp vào thành trả lại cho ta và xin được đem quân về Bắc ” (Lam Sơn thực lục, đ.d. tr. 68).

Toàn Thư cũng chép ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi (1427) Lê Lợi “ sai đồng tri Nguyễn Mãn và đội trung Nguyễn Lôi mang thư đến thành Tây Đô và Cổ Lộng bảo bỏ vây, vì có hai thành chưa hạ được ” (Toàn thư, s.d.d., Tập III, tr. 48).

Có một Lê Lai hy sinh chịu chết trong những năm mới khởi nghĩa, và từ buổi ban đầu đến khi quân ta giải vây cho tướng Hà Trung đem quân Minh về nước, nghĩa quân không hề chiếm thành Tây Đô. Nhiều sử liệu xác minh cho hai sự kiện ấy.

Tuy nhiên, chuyện có một Lê Lai bị Lê Lợi sai đem giết đi vẫn còn nguyên đó. Lý giải làm sao ?

Tiền ẩn đằng sau lý luận của ông bạn Nguyễn Du là giả thuyết chỉ có một Lê Lai duy nhất, và vì vậy phải moi bằng cớ, uốn dữ kiện chứng minh cho được là Lê Lai còn sống đến 1427. Bạn không nghĩ tới khả năng có nhiều Lê Lai.

Có chẳng một Lê Lai người thôn Dựng Tú bị quân Minh giết khoảng những năm 1418 - 1419 và một Lê Lai khác bị Lê Lợi giết năm 1427 ?

Lam Sơn thực lục tục biên chép cả việc Lê Lai hy sinh cứu Lê Lợi và việc Lê Lai bị giết năm 1427. Vậy là mặc nhiên nhận có hai Lê Lai. Có một bản Lam Sơn thực lục tục biên được sao năm 1942 chép Nguyễn Thận người sách Mục Sơn, sau được ban họ Lê tên là Lai. Một tấm bia Phan Huy Lê tìm thấy ở Mục Sơn năm 1962 do con cháu họ Lê soạn năm Tự Đức thứ 3 (1850) chép thủy tổ táng ở nơi ấy vốn họ Nguyễn người Khoái Châu huý là Lai, tự là An được ban họ Lê ; theo văn bia này thì Lê Lai này chết năm 1437 “ đã lấy thân thay (Lê) Thái Tổ trong cơn nguy hiểm, gần chết mà sống lại ”. Mặt sau bia có sắc phong thần cho Lê Văn An đề năm Cảnh Hưng 40 (1779) được con cháu khắc vào năm 1851. So lại chức tước được phong ghi ở mặt trước tấm bia thì Lê Lai này chính là Lê Văn An. Lại thêm một Lê Lai nữa cứu mạng Lê Lợi nhưng không bị chết, đặt ra câu hỏi Lê Lợi được cứu mạng mấy lần ?

Mới loanh quanh vùng Thanh Hoá mà đã gặp Lê Lai người Dựng Tú, Lê Lai - Nguyễn Thận người Mục Sơn và Lê Lai - Lê Văn An táng ở Mục Sơn. Thêm tài liệu ở Đăng Cao, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ Tĩnh cho biết Nguyễn Bá Lai tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, có công được ban quốc tính cũng gọi là Lê Lai.

Dường như thời đầu nhà Lê khi nói đến Lê Lai thì phải nói rõ là Lê Lai nào.

Nguyễn Thắng (23.4.98)

Xin nhắc các bạn lưu tâm đến thời khởi nghĩa Lam Sơn rằng nhiều vấn đề lịch sử lý thú trong đó có vấn đề đặt ra quanh chuyện Lê Lai đã được hai nhà sử học Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn phân tích trong **Khởi nghĩa Lam Sơn** (in lần thứ ba, có sửa chữa, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977 ; riêng về Lê Lai xin xem tr.153 - 158).

Triển lãm hội họa trong khung cảnh Mùa Xuân Việt Nam :

Từ Chợ Âm phủ của Trần Trọng Vũ đến Hồi sinh của Trương Tân

Văn Ngọc

Chợ Âm phủ, cái tên nghe mới hấp dẫn làm sao ! Cả cái truyền thuyết Chợ Âm phủ nơi người sống và người chết được gặp nhau vào đêm giao thừa, cũng thật là đẹp ! Vậy mà hồi còn ở bên nhà, tôi chưa bao giờ được nghe nói đến. Mãi đến khi được xem phim *Bao giờ cho đến tháng Mười* của Đặng Nhật Minh tôi mới biết. Cảnh người vợ trẻ đi tìm chồng (chết trận) ở Chợ Âm phủ đã ghi lại trong trí tôi một ấn tượng sâu sắc. Cái Chợ Âm phủ của nhà đạo diễn thật ra cũng chỉ là một cái phong mờ ảo : vài túp lều quán trong đêm tối trên một con đê, và những bóng người qua lại, thế thôi, nhưng sự tương phản của nó với hình ảnh ngược lại rất rõ nét của hai nhân vật chính, người vợ trẻ và vong hồn người chồng chết trận đi tìm nhau (hụt) trong cái dòng người sống và người chết ấy, đã tạo nên một không khí khá siêu thực. Đặng Nhật Minh đã khai thác tính chất quái đản của truyền thuyết, để lồng vào kịch bản của mình vào đúng chỗ, đúng lúc, nhiều hơn là bỏ công xây dựng một hình ảnh tưởng tượng về Chợ Âm phủ.

Cũng dựa trên cùng một truyền thuyết ấy, nhưng *Chợ Âm phủ* của Trần Trọng Vũ khác hẳn, bởi nó không có cốt truyện, và gần như không có kịch bản. Đồng thời, nó cũng cụ thể hơn : nó bó buộc phải thể hiện bằng những cái gì mà con mắt nhìn thấy được, tay sờ mó được. Ngôn ngữ của một họa sĩ không thể nào là một ngôn ngữ không nhìn thấy được, ngay cả khi nó trừu tượng (*abstrait*) nhất, hoặc phi hình thể (*informel*) nhất. Nó không thể giống như ngôn ngữ của một nhà điện ảnh, hay một nhà văn.

Trên thực tế, *Chợ Âm phủ* của anh chỉ có thể là một không gian bày biện (*installation*), một không gian tạo hình. Cả cái tầng hầm của Trung tâm Văn hoá Âu Á đã được biến thành một không gian bày biện. Phải nói ngay rằng, cái hầm này tự nó đã là một kỳ quan rồi ! Bạn đi xuống đó cũng như thể đi xuống âm phủ ! Nó đưa bạn đi sâu vào lòng đất, qua những hang động, góc ngách, những địa đạo quanh co, và chỉ một người đi lọt !

Đọc đường thỉnh thoảng bạn lại gặp một chiếc đèn dầu xinh xinh đặt ở ngay dưới đất, ánh sáng yếu ớt rọi lên những bức chân dung, bài vị của những người đã qua đời, treo ở hai bên. Ở đây, người chết ở đâu không biết, nhưng người sống thì cứ phải nối đuôi nhau mò mẫm trong bóng tối, thỉnh thoảng lại phải nhường lối cho những người đi ngược chiều. Trong mỗi góc ngách, hang động đều có những không gian bày biện theo phong cách của Trần Trọng Vũ, luôn luôn được tính chất đùa nghịch, hài hước. Nhiều đồ hàng mã đã được đưa từ Việt Nam qua, song rất tiếc là kích thước hơi nhỏ, và dưới ánh đèn tù mù người ta không thấy hết được cái

đẹp của chúng.

Không biết cái người hình nhân của Trương Tân ở tầng trệt có thuộc về Chợ Âm phủ không, nhưng đây là một tác phẩm mới của anh, thể hiện một cơ thể đàn ông, được giải phẫu và trình bày một cách khá táo bạo với những phương tiện tối thiểu, trong không gian ba chiều. Người ta nhận thấy ở đây một ngôn ngữ tạo hình có khả năng diễn đạt ý tưởng một cách khá cụ thể, và hấp dẫn.

Những bức họa vẽ trên giấy dó của Nguyễn Văn Cường, một trong nhóm ba họa sĩ trẻ mới nổi ở Hà Nội (hai người kia là Nguyễn Minh Thành và Nguyễn Quang Huy), cũng gây được sự chú ý của người xem, đặc biệt nhờ ở ngôn ngữ diễn đạt giàu tính năng động, và khá trực tiếp. Kết hợp với ngôn ngữ nói, nó có khả năng diễn đạt cao. Tuy nhiên ngôn ngữ này không phải là một cái gì mới mẻ trong hội họa phương Tây. Nó đã nảy sinh cùng với phong trào Pop Art, từ bối cảnh xã hội của các nước Anh và Mỹ vào những năm 60, đồng thời, từ một phản ứng đối với những trào lưu nghệ thuật thuần túy thẩm mỹ ngay trước đó (*Post-painterly Abstraction* / Hậu trừu tượng). Đó là ngôn ngữ của Andy Warhol, Jim Dine, Rosenquist, Penck, Keith Haring, v.v... Đó cũng là ngôn ngữ của những tấm áp phích những ngày Tháng Năm 68 ở Paris, của Bức tường Berlin, của các nghệ sĩ *graffiti*.

Đương nhiên, ngôn ngữ nào cũng đều mang cái dấu ấn riêng biệt của mỗi họa sĩ, mỗi con người, thuộc một môi trường xã hội, một nền văn hoá nhất định. Vấn đề chính, theo tôi, vẫn là những ý tưởng (về nghệ thuật, về cuộc đời, về xã hội, v.v...) mà nó chuyên chở và truyền đạt được cho người khác.

Triển lãm *Renaissances* (Hồi sinh) của Trương Tân

ở Galerie *Les Singuliers*

Qua triển lãm này, người ta khám phá ra một Trương Tân hoàn toàn mới mẻ, với những chất liệu và màu sắc tươi sáng. Trên một số tác phẩm, anh đã sử dụng chất liệu vàng và bạc kết hợp với sơn mài trên vải. Đây là một dấu hiệu cho phép



Bùi Minh Quốc

Tôi gửi thơ tôi vào ngọn gió cao nguyên

Tôi gửi thơ tôi vào ngọn gió cao nguyên
Mặc bao kẻ bầm gan vì một lời ngay thật
Gió cứ thổi điệu vờn này chân chất
Bọn giả hình lừa đảo chó hồng yên

Tôi gửi thơ tôi vào ngọn gió cao nguyên
Thong dong thơ bay khắp mọi miền
Đến với muôn lòng yêu lẽ phải
Lòng mở với lòng, thơ kết duyên.

Đà Lạt 1997

Đao phủ ngời thiên

Đao phủ giọng thật mềm :
Chuyện đã qua rồi, thôi cho qua mãi mãi
Xối lại làm chi những điều oan trái
Người chết cũng chết rồi, hãy để họ nằm yên
Mắt lim dim, đao phủ ngời thiên...

1995

Gửi một nhà thơ đàn anh

Tưởng bạn nghìn dặm thơ
Hóa vòng vo nhảy nhót
Trong cái lồng rất to
Tự đan bằng tiếng hát.

1997

Lại ngẫm về hạnh phúc

Ta đang sống đây những năm tháng đọa đày
Đâu giữa ban ngày bốn bề cửa chồn vờn cú quạ
Ngọn lửa thơ anh thấp giữa miền băng giá
Chỉ mắt em nhìn cho biển lặng trời yên

Chỉ mắt em nhìn cho biển lặng trời yên
Đôi mắt thừa nào hỏi anh về hạnh phúc
Câu hỏi muôn trùng chênh vênh thiên đường địa ngục
Câu hỏi mang mang thế thái nhân tình

Anh từng lao vào chốn thập tử nhất sinh
Mà cảm nhận như mình đang hạnh phúc
Hồn phơi phới bay về một chân trời hòa mục
Và tử thần khi ấy cũng chào thua

Thong dong bước đời vướng đụn cỏ triều vua
Cả mạng lưới bùng nhùng ù lì vô cảm
Mọi thứ gian manh mọi trò đều cáo gáy
Thong dong bước đời thanh thản lương tâm

Trong lao lung hạnh phúc lại uơm màu
Hạnh phúc là gì, giữa cảnh đọa đày anh vụt hiểu
Khi soi trong mắt em, trong mắt em hiền dịu
Hạnh phúc là thanh thản lương tâm

Hạnh phúc là thanh thản lương tâm
Hạnh phúc là thanh thản lương tâm.

1997

khẳng định : Trương Tân không phải không chú trọng đến khía cạnh thẩm mỹ trong các tác phẩm của anh. Nhưng đây cũng có thể chỉ là một sự hoà hoãn nào đó, cũng như nó có thể chỉ có tính chất giai đoạn.

Trên thực tế, ngôn ngữ hội hoạ của Trương Tân là một ngôn ngữ đấu tranh, nó trần trụi như những nhân vật mà anh vẽ (về mặt này, cho đến nay, dứt khoát không thấy có một sự hoà hoãn nào cả). Nó thể hiện một sự quyết liệt trong tâm trạng của tác giả, tuy nhiên những gì vẽ trên tranh không nhất thiết truyền đạt được hết những ý nghĩ của tác giả cho người xem. Người ta thường bảo hội hoạ mang nhiều nhân tố chủ quan là ở chỗ đó.

Trương Tân không thể nào không biết đến cái ngôn ngữ của Andy Warhol, của Jean-Michel Basquiat, và của phong trào Pop Art, nói chung, cũng như của nghệ thuật Graffiti, nhưng chắc hẳn anh đã chỉ muốn sử dụng nó như một phương tiện để nói lên những ý tưởng của mình một cách hiệu quả, đồng thời nhập vào một dòng nghệ thuật mà anh cho rằng vẫn còn khả năng thuyết phục.

Nhưng chính ngay cái ngôn ngữ đó giờ đây cũng đang thay đổi trên tranh của Trương Tân. Mới ngày nào người ta còn thấy những tác phẩm của anh đượm phong cách Graffiti (triển lãm ở Saint-Brieuc, 1997), thì nay, với đợt tranh sơn

mài trên vải khổ nhỏ (30x40 cm), mang những cái tên : *Vive Artiste, Valeur, Icône, Aujourd'hui, Après 1901*, v.v... người ta thấy rõ ràng có một sự đổi khác trong quan niệm về bố cục chung của mỗi bức tranh, cũng như về hình thức trình bày. Đây gần như là những ký hiệu, nhưng không khô khan như những ký hiệu của tranh áp phích, như trên tác phẩm mang tên *Fleuve rouge* đã được trưng bày ở Saint-Brieuc, chẳng hạn.

Ít ra, đây cũng là một trong những hình thức diễn đạt mới của Trương Tân.

Nhưng tôi cho rằng sở trường của anh vẫn là những bức hoạ khổ lớn, giàu tính năng động, giàu nhịp điệu và không có trục đối xứng.

Tại Galerie *Les Singuliers*, trong một gian phòng nằm cách cửa hàng nhìn ra phố một cái sân, người ta có thể tìm xem một vài tác phẩm vẽ trên khổ lớn (215x260 cm) khá đạt : *Nous, Pollution*, v.v... Cũng như, lên tầng lầu, người ta sẽ được thấy một không gian bày biện khá huy hoàng mang tên *Renaissance* (Hồi sinh), đó cũng là cái tên chung (thêm chữ s) đầy ý nghĩa, mà tác giả đặt cho toàn bộ cuộc triển lãm này.

Văn Ngọc

Nàng!

truyện ngắn

Thiên Nam

Chiều trung du. Nắng vàng như mật. Những ngọn đồi lúp xúp chạy hút tầm mắt. Xa kia là hồ Đại Lải. Những đôi hoa sim, những đôi hoa mua. Nàng rủ tôi : ở lại một hôm nữa, ngày mai chúng mình đi thăm hồ Đại Lải, hầu hít hà một chút hơi văn chương. Nàng học văn mà. Nhưng tôi quyết dứt tình vương. Tôi là lớp trưởng của cái lớp đang cận ngày nhận danh hiệu *tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa*. Không thể nghỉ học vô lí do được. Tôi đọc thấy nổi thất vọng khôn cùng ở trong mắt nàng. Nhưng tôi đã quyết — cái quyết tàn nhẫn nam nhi. Nàng chở tôi ra ga bằng chiếc xe đạp *Phượng hoàng* đã cũ, nhưng còn tốt. Khốn nỗi, tôi lại là đứa lùn. Chạy bám theo xe mãi mà không nhảy lên trên cái póc-ba-ga được. Nàng ý tứ : “ Để mình về đổi xe — cái xe này tồi quá, cũng đang định kỳ lương tôi sẽ thêm vào mua cái *Đi-a-măng* của Đức ”. Tôi chạnh lòng nghĩ : “ Mình chỉ mong có được cái *Nam long* khung giấy bồi ” và bậm môi nhảy ngồi lên sau nàng. Tay lái nàng hơi loạng choạng tí xíu. Rồi tiếng líp xe vang lên đều đều ro ro trên con đường ngoằn ngoèo xuống dốc.

Tiếng loa phóng thanh trong nhà ga vang vang : “ Vì trục trặc kỹ thuật, tàu từ Phú Thọ về bị chậm ba tiếng ”. Mắt nàng ánh lên một thoáng vui. Nàng gửi xe vào bãi gửi. Mắt hai hào. Tôi bảo : sao không dắt xe theo, đỡ tốn tiền gửi. Nàng chỉ cười. Chúng tôi đi xuống mé chân đồi. Khác với ngày thường, hôm nay nàng *đi xi-vin* : thay cho bộ quân phục gọn gẽ thường ngày là chiếc áo phin trắng nõn nà và chiếc quần vải phíp đen loại tốt. Đường đầy cỏ may. Trời không thương nàng. Đến cái hôm nhỏ dưới chân đồi, chúng tôi ngồi xuống cùng nhặt cỏ may vương ở quần. Của ai người ấy nhặt. Tôi mặc chiếc quần bộ đội đã bạc màu với hai miếng vá tự vá ở mông (đời lính là cả một trường đại học — thật đấy !) và hai miếng vá phòng ngừa thật đẹp ở đầu gối. Vừa nhặt, nàng vừa khẽ khàng đọc một bài thơ của Bằng Việt mà tôi quên mất tên, chỉ còn nhớ câu cuối :

Màu nắng ấy và màu mây thuở ấy
Đến bây giờ vẫn giữ để trao nhau

Trời ơi ! Sao nhà thơ người ta giỏi nói hộ lòng người khác đến vậy. Tôi nhìn hút vào mắt nàng. Trong ấy có cả một chân trời kỷ niệm.

Thuở ấy... Thuở ấy tôi là một thằng bé con đa sầu đa tình — hay dùng từ đẹp hơn một chút là : lãng mạn. Tôi nhớ, từ khi học lớp ba cho đến hết lớp mười, tôi ngón không biết cơ man nào là sách. Vô được thứ gì đọc thứ ấy : từ tờ báo *Nhân dân* cho đến cái đơn thuốc bắc, từ cuốn

Lý thuyết lượng tử cho đến mấy tờ truyền đơn tâm lí chiến, từ mười ba tập *Tam quốc diễn nghĩa* cho đến bài báo *Bọn Nhân văn giai phẩm bị vạch mặt trước toà án du luận*, từ tiểu thuyết *Chuông nguyện hồn ai* cho đến sách hướng dẫn dùng thuốc điều kinh. Lỗi là ở ông anh tôi tha về nhà lảm thứ quá. Cũng là lỗi của chiến tranh khiến tôi có quá nhiều thì giờ và an toàn trốn việc trong những căn hầm trú ẩn mỗi lần có báo động phòng không. Vì thế, nói các bạn đừng cho tôi là hợm hĩnh, nhưng mấy năm học cấp ba tôi tự thấy tôi giỏi văn hơn nàng. Và hình như nàng cũng thấy như vậy. Lớp học của chúng tôi thực sự là những căn hầm. Những căn hầm vững chãi, được đào cất công phu, với mái lán ụ đất và đường giao thông hào chi chít. Những lớp học trong hầm ấy hoàn toàn do chúng tôi tự làm. Đấy chính là kỷ niệm : những chuyến vào rừng dài ngày lấy gỗ, dựng lán đánh tranh nửa trong rừng, đào hầm đắp ụ, khoét lỗ ở vách ụ đất làm chỗ để đèn đầu khi học ban đêm, cấy cỏ lên ụ đất để nguy trang..., hoàn toàn là công sức của chúng tôi — những đứa trẻ mười bốn, mười lăm, chai sạn với chiến tranh mà không kém phần lãng mạn. Hồi ấy bạn Mạnh Nam của tôi có bài thơ *Tình yêu lao động* nổi tiếng cả trường, đến mức bất cứ học sinh nào cũng có thể đọc lên câu : *Mây ôm chặt lưng đèo Tháp bút*. Còn tôi, tôi để ý đến nàng. Nàng giỏi giang hơn tôi. Nàng thường giúp tôi bỏ lại bỏ nửa xộc xệch, sửa lại cái tranh nửa đánh lỗi. Nàng chỉ cho tôi cách dong bó nửa xuống dốc thế nào cho an toàn. Nàng chưa bao giờ gọi tôi bằng anh — bởi nàng hơn tôi nửa tuổi. Những lúc đi rừng, trông nàng oách lắm : chân quấn mo cau rừng, ngang lưng thắt gọn ghẽ chiếc bao dao, đầu chít khăn mỏ rìu, hệt như một bác thợ rừng chính thống. Cuối năm lớp chín tôi bắt đầu tỏ tình với nàng. Cứ hai tuần một lần, tôi rời lán trường ra bưu điện huyện cách đấy năm cây số để gửi thư cho nàng. Phải yêu lắm thì mới làm được như vậy. Tôi không nói chuyện cuộc bộ năm cây số — với lũ trẻ xó rừng như chúng tôi, đấy là chuyện vặt. Vấn đề là tiền : làm sao kiếm ra được một hào hai xu để mua một con tem trong vòng hai tuần. Tôi xoay đủ kiểu : đi hót phân trâu bán cho hợp tác xã, đi bắt cá khe đi câu cá sông đem bán cho bác gác keng trường. Những lúc bí quá thì... xin nàng một con tem. Tôi thường bỏ thư vào thùng ngày chủ nhật. Hoàn toàn bí mật. Và suốt tuần sau dò tôi ngồi trong lớp theo dõi nàng. Tôi cố xoay xoả với chúng bạn để được ngồi chỗ hợp ý, nghĩa là chỗ phía sau nàng, cách vài dãy bàn và chếch một chút, để mỗi khi ngồi ngắm và theo dõi nàng thì thầy giáo ngỡ là tôi đang nhìn ra đồi núi, đồng ruộng phía ngoài cửa lán hầm. Thư tôi là thư nặc danh (tôi không ưa từ này, dù rằng nó hợp), thường là mấy câu thơ băng quơ. Mấy tuần đầu nàng không có biểu hiện gì. Về sau tôi thấy thỉnh thoảng nàng lại ném cái nhìn dò xét về phía mấy bạn trai lớn dạc ở trong lớp, đặc biệt là Mạnh Nam. Tôi khoái chí lắm. Rồi bỗng một hôm, sau khi có keng báo yên, trên đường trở về lớp, nàng đột ngột chặn tôi lại ở một ngách hào vắng và nói rành rọt : “ Mình không thích Thiên Nam gọi mình bằng nàng. Nghe nó tiểu tư sản lắm ”. Rồi nàng bỏ đi. Bữa đó tôi bỏ dở buổi học, về lán nằm suy. Tại sao lại lộ được nhỉ ? Suy đi tính lại chỉ tại con tem thôi. Số là hôm trước không còn cách nào để xoay ra tiền mua tem, tôi hỏi xin tem nàng. Nàng bảo : “ Chỉ có tem chết thôi ”. Tôi nói : “ Cũng được, để mình cho vào bộ sưu tập

vậy ". Giờ giải lao, tôi lấy thuốc đánh răng tẩy cái dấu bưu điện trên con tem chết, nằng bắt gặp mới giảng giải : " Không biết chơi tem rồi, tem chơi là phải có dấu bưu điện, chàng ngọc ạ ". Biết là dễ bị lộ, nhưng tôi vẫn dùng con tem tẩy dấu ấy dán lên thư gửi nằng. Sau bữa ấy thế là chấm dứt : chấm dứt những nỗi lo tiền mua tem, chấm dứt những dòng thư mở đầu bằng câu thân thuộc : Nằng thân yêu. Nhưng những bài thơ tặng nằng vẫn lặng lẽ ra đời.

Lên lớp mười, tôi vẫn cố thu xếp được chỗ ngồi như cũ. Tôi và nằng gặp nhau thường ngưng ngưng. Chuyện trò chỉ vài câu nhát gừng. Còn hai tháng nữa đến kì thi tốt nghiệp phổ thông, bỗng nằng thông báo nằng đã xin được vào bộ đội. Trường quyết định cấp bằng tốt nghiệp trước hạn cho nằng và các bạn trai cùng nhập ngũ lần ấy. Hôm tiễn nằng, tôi hái một chùm sim chín sau đồi, một bài thơ, gói vào trong chiếc khăn tay, lặng lẽ đưa nằng. Năm ấy tôi thi đại học khối C. Hình như đủ điểm vào trường, nhưng không được gọi. Tôi nhờ ông anh họ tôi là một giáo sư nổi tiếng, chạy chọt hỏi ở phòng giáo vụ, thì được trả lời bằng một lời khuyên : " Cậu ấy nên thi vào các khoa tự nhiên ". Sáu tháng sau kì thi tốt nghiệp phổ thông, khi tôi đang tải đạn ở cao nguyên Xiêng Khoảng thì nhận được thư nằng gửi từ chiến trường B2 ra. Nằng vẫn không gọi tôi bằng anh. Nằng kể về công việc y tá của mình. Nằng khoe là nằng đang theo học một lớp quân y sĩ, kiêm làm chủ bút tờ báo tường của quân y viện. Giọng thư nằng vui lắm. Nằng dí dỏm chép dở dang câu thơ của Phạm Tiến Duật :

*Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường sơn Đông.....*

Cuối thư nằng viết như thể tình cờ nhớ ra : " À, chùm sim hôm nào mình vẫn còn dấu ở đáy ba lô. Cả bài thơ nữa — cái bài thơ lãng mạn nhuộm màu tiểu tư sản với chữ *nằng* đáng ghét của Nam mình vẫn giữ ".

Ai ngờ từ đấy mất tin nhau. Hết chiến tranh tôi xuất ngũ với quân hàm trung sĩ. Trước đó, khi có dịp, tôi đã kịp làm theo lời khuyên của ông giáo vụ nọ : gác mộng văn chương, thi vào ngành tự nhiên. Và đổ. Điểm cao hẳn hoi. Có giấy gọi vào đại học. Vào học ngành tự nhiên, tôi ôm mộng giật giải Nô ben về khoa học. Thế là, về cái phần văn chương thì, nói như Nguyễn Bình " *huong đồng gió nội (đã) voi đi ít nhiều* ". Tôi là bộ đội xuất ngũ về địa phương mới được đi học nên không có lương, chỉ có sinh hoạt phí. Hai mươi một đồng. Hơn các bạn ở phổ thông lên ba đồng, tương đương mười bữa ăn phở sáng (nếu thích xài sang). Nhưng tính tôi vốn lười tiện. Tiền dôi ra tôi dành để mua sách học tiếng Nga, sắm sanh từ điển và đặt báo *Văn nghệ Quân đội* — một thứ sở thích hơi xa xỉ so với cái hầu bao của tôi lúc ấy. Ăn sáng thì tôi dùng tem lương thực (mà cậu quân nhu dúi cho khá nhiều trước khi xuất ngũ) đi đổi bánh mì, thường là ở quầy bánh mì Ngã tư sở. Sáu bảy năm trời đã qua, tôi từng trải những *khối tình to*, những *khối tình con*. Thấy đều thi vị, thấy đều lãng mạn. Trong đời sống thường nhật của tôi nằng đã không còn chỗ. Bỗng vào năm học thứ ba, một buổi chiều mùa đông mưa phùn, khi tôi đang đứng co ro xếp hàng chờ mua bánh mì ở Ngã tư sở, thì một kẻ ăn mặc rất chi là tiểu tư sản, đeo kính đen, phanh két chiếc *mô kích* sáng choang ngay trước mũi

tôi. Tôi chưa kịp sôi máu lính lên thì đã vội reo mừng : Mạnh Nam. Hẳn, thằng bạn thân cùng tên của tôi giờ đã là *cây địch văn học Nga hiện đại số một của một tờ báo văn học nổi tiếng*. Đọc thấy tên hẳn nhiều trên báo, nhưng do mặc cảm, tôi không tìm gặp hẳn. Tình cờ nhận ra tôi, hẳn mang đến cho tôi hai món quà quý : Một ông thầy sẵn sàng giúp học tiếng Nga bất cứ lúc nào và ... tin tức về nằng.

Đêm hôm ấy tôi viết thư gửi nằng ngay. Lần đầu sau bao nhiêu năm, tôi hơi ngập ngừng, nhưng rốt cuộc vẫn khởi đầu bức thư bằng câu thân thuộc : *Nằng thân yêu*. Mấy tuần liền tôi như chìm trong kỉ niệm : Kỉ niệm về quê hương nghèo đói mà đẹp mê hồn, về những bữa hót phân, mót sắn, về núi rừng lán trại, và về nằng — mỗi tình đầu thuở thiếu niên. Thế rồi, đợt nghỉ dài ngày Ba mươi tháng tư — Mồng một tháng năm năm ấy, tôi quyết định đến thăm nằng. Chiều hăm chín tháng tư, tôi vay thằng bạn hai đồng, khăn gói ra ga Hàng Cỏ, ngược tàu lên Vĩnh Yên. Tôi tìm về với nằng hay tìm về với những kỉ niệm xưa của chính mình ? Đến giờ, tôi vẫn thường tự hỏi mình như vậy mỗi khi nhớ về cuộc gặp năm xưa.

Ở sân ga, thoát đầu tôi không nhận ra nằng. Và, hình như nằng cũng không nhận ra tôi. Trước lúc gặp lại nằng, ngồi trên tàu tôi đã tưởng tượng ra bao nhiêu thứ. Nằng học văn khoa, đại học sư phạm — vậy là nằng sẽ bù cho tôi về giấc mộng văn chương không thành. Trong trí tưởng của tôi, nằng chưa bao giờ là không xinh. Không rõ trong trí tưởng của nằng trước đó hình ảnh của tôi ra sao. Nhưng rõ ràng khi đã đích thực nhận ra nhau trên sân ga nhồn nháo, tôi đọc thấy trong mắt nằng một thoáng thất vọng. Một thoáng thôi. Tôi cũng thấy trống trải vô chừng. Nằng vận quân phục sĩ quan. Tôi mặc đồ lính cũ sờn, ba lô con cóc xẹp lép, rách nhiều chỗ. Sau cái thoáng ngỡ ngàng là mừng vui ra mặt. Nằng vẫn không gọi tôi bằng anh. Ở Kí túc xá nằng được ở một mình một phòng. Phòng nằng tiện nghi đầy đủ : một cái bếp điện may xo đúp, ba cái xoong, một cái chảo, một ống đũa và thìa. Dao thớt, rổ rá, đủ cả. Ở góc phòng là một cái kệ hai ngăn đầy ắp gạo và mì sợi. Bữa tối hôm ấy nằng đãi tôi món cá rán và đậu phụ om cà chua. Tôi ăn ngon lành. Sung túc quá — tôi tự nhủ. Đọc được ý tôi, nằng phân bua : " Mình là sĩ quan chuyển ngành, được hưởng nguyên lương, mỗi tháng hơn dót Nam hai mươi tư đồng ". Tôi chữa : " Hai sáu đồng ". Nằng đỏ mặt, vì biết tôi nhắc đến khoản *tiền vải màn* (1).

Tối hôm ấy, nằng rủ tôi ra đồi sim sau trường đi dạo. Trời chi chít sao. Chúng tôi không cầm tay nhau. Cũng chẳng bao giờ đi sát gần nhau. Chuyện trò như com nguội. Chủ yếu là do tôi. Tôi thất vọng khi nhận ra nằng không như, thậm chí cách quá xa những gì trong hồi ức. Sự hụt hẫng làm tôi mất hứng chuyện trò. Mãi rồi chuyện cũng vào luồng khi chúng tôi nói đến văn chương. Tôi không ngờ vốn am hiểu văn chương của nằng vượt tôi nhiều đến vậy. Nằng biết rất nhiều giai thoại về cá nhà văn nổi tiếng, nhiều bài thơ tôi chưa được nghe bao giờ. Tối hôm ấy lần đầu tiên tôi được biết về một Thâm Tâm, một Vũ Hoàng Chương, một Thạch Lam, một Trần Dạ Từ, một Hoàng Mộng Giang, một Hồ Dzếnh.

Về với văn chương, tôi lại tìm được hình bóng của nàng xưa. Khuya, sương xuống lạnh. Những cành mua, những cành sim ướt đầm sương đêm trên đường về. Nàng chủ động dắt tay tôi. Tôi để yên tay trong tay nàng, vô cảm. Tay nàng khô gầy và thô ráp.

Về đến phòng, tôi choáng váng vì bất ngờ. Cửa mở ra. Dưới ánh đèn dầu hiện ra ngồn ngồn nào bao tải gạo, nào bịch tôm khô, nào túi su hào, nào hũ mỡ nước. Lại còn cả một bu dây gà choai đang cắn nhau chí chọé. Giữa cái đám hỗn độn ấy là một ông bộ đội, người bám dây bụi đường. Càng ngạc nhiên hơn là ông ta biết tên tôi, và chủ động đứng dậy tiến đến bắt tay tôi rất chặt. Chúng tôi được gửi sang ngủ ở phòng nam sinh viên. Qua câu chuyện với ông *tình địch*, tôi mới biết nàng đã yêu tôi đắm thắm hơn tôi tưởng nhiều. Trong những năm chiến tranh, tôi là niềm hoài vọng, là chỗ dựa tinh thần của nàng. Sáu bảy năm trời, nàng từ chối mọi sự tỏ tình, tận tụy phục vụ nơi chiến trường ác liệt, hai lần bị bom vùi, một lần bị sốt rét ác tính. Tôi là mối tình lãng mạn thiêng liêng của nàng ư? Cái gánh này quả nặng quá sức tôi.

Sáng hôm sau, khi tôi tỉnh dậy thì ông bộ đội và chiếc xe đạp đầy bụi đường của ông đã biến mất. gương mặt nàng thoảng buồn. Nàng giục tôi ra giếng tắm rửa. Nàng lục tung ba lô tôi, xem xét kĩ từng cái quần cái áo. Chỗ nào sờn rách, nàng mạng, vá lại. Cái nào cũ nát quá nàng vứt đi. Nàng chăm chút cho tôi như chăm một đứa em. Lúc ngồi ăn trưa, tôi hỏi nàng tại sao lại bỏ lỡ cơ hội lớn đường vậy của cuộc đời: Nàng thi vào đại học đạt điểm số rất cao, được gọi đi học nước ngoài, vậy mà nàng từ chối. Tôi bảo nàng: “Đi Tây là niềm ước vọng lớn của mình đấy. Sao bạn đại thế, lại không đi?”. Nàng cười buồn: “Mình không ham Tây. Học văn Việt, mình không thể lại học ở Tây. Mà sao người Việt mình lại chuộng Tây, trọng Tây thế nhỉ? Chúng kiến những cuộc tiếp xúc của bất cứ ai với Tây mình cũng thấy toát lên một tinh thần nhược tiểu. Khi nhận được giấy gọi đi Tây mình cũng bần khoản lắm chứ. Nhưng ngắm kĩ, ta sống có phải chỉ vì vật chất thôi đâu. Đi Tây chắc chắn là sướng về vật chất, nhưng sẽ khổ về tinh thần. Hôn nữa, mình lúc ấy là cô gái hai mươi tư tuổi. Đi Tây sáu bảy năm nữa mới về, ai rước cho!”. Chao ôi, câu nói trần trụi quá, lạnh lẽo quá.

Hôm đôi mọc đầy những cây bạch đàn, thân lốm đốm bạc. Tôi nằm trên thảm lá bạch đàn khô, gối đầu lên ba lô, băng qua nhìn trời. Nàng ngồi bên tôi im lặng. Gió xạc xào trên cao. Chiều mát rượi. Gió mon man như lời ru. Nàng lại khê khàng đọc thơ Bằng Việt — những vần thơ gọi một khung trời Nga xa xăm. Tôi cảm nhận được chút thoảng tiếc nuối cơ hội đi Tây trong âm hưởng giọng đọc thơ của nàng. Cái không gian Nga của Pautôpxki trong hồn thơ Bằng Việt khiến tôi hình dung hôm đôi bạch đàn này ra rừng bạch dương, và đâu đây trong gió, thoảng tiếng dương cầm. Tôi tâm sự với nàng về điều suy tưởng đó. Nàng bỗng phá lên cười: “Liệu chừng mê Tây quá mà mất gốc đấy. Người có khiếu thơ như Nam thì phải cố mà giữ lấy chất Việt của mình”. Xa xa vẳng lại tiếng còi tàu hú vào ga. Nàng quay nhìn vào mắt tôi với ánh mắt buồn da diết.

Đưa người, ta không đưa qua sông

*Sao có tiếng sóng ở trong lòng
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong*

Hồn thơ Thâm Tâm và giọng đọc của nàng trong buổi chiều tiễn biệt ấy đuổi theo tôi suốt một chặng đường, cho đến tận ngày nay, khi tôi đang lưu lạc ở một chân trời Tây đích thực.

Ngày đi Tây, trong hành trang khiêm tốn của tôi, ngoài cuốn lí lịch cán bộ, giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế, nửa cân vòng xương, năm cái ki mô nô, hai tệp bánh da nem, hai gói lạc, một gói mộc nhĩ, còn có một gói nhỏ bọc giấy xi-măng — tôi cố mang theo cái mà tôi cho là bùa thiêng để giữ mình không phai chất Việt.

Ở đây, ô tô chạy đến chóng mặt. Chiếc mẹt xê của chúng tôi lao vun vút trong dòng xe cuộn cuộn chảy trên lòng đường nhựa nhẵn thín. Cầm lái là thằng Ton, hai tu tuổi, sang Tây hồi mười bảy. Hắn còn trẻ, nên rất *máu* đua tốc độ, không chịu cho xe nào vượt mình. Thỉnh thoảng hắn lại hét lên: “A, thằng toyota ồm dách này, dám vượt ông hả? Ông cho mày biết thế nào là lễ độ”. Hoặc: “Mẹt xê ba trăm hả, khó nhằn đây”. Rồi Phrang-phước Mai lúc tám giờ sáng mà mười rưỡi chúng tôi đã ghé *quán Cộn* (2) ở Ép-phước rồi. Ton đãi chúng tôi món tôm nướng, lẩu thập cẩm và dê tái. Hắn bảo: “Quán này có món vịt Bắc Kinh rất chuẩn, nhưng hôm nay đầu tháng, mình là dân buôn, phải kiêng. Có kiêng có lành, ha ha!”. Cô hầu bàn người Việt còn rất trẻ, nghe tiếng Ton cười liền tiến lại phía bàn chúng tôi, tà áo dài màu tím Huế thướt tha: “Dạo này *kìa xếp* (3) thế nào anh Ton? Cả cái đất *Ốt* (4) này người ta bảo anh giàu quá trẻ đấy”. Ton cười hề hề: “Giàu gì đâu không biết, nhưng một mảnh tình rách vạt vai còn chưa có đây”. “Thế chị *Hường* xinh nhất *Béc lin* thì là mảnh gì vậy? Còn chị *Thắm* ở *Ha lơ*, chị *Nhung* ở *Tờ rét*, chị *Kiều* ở *Kem nít* chắc toàn là những rẻo voan lành cả chứ?”. “Bậy nào, bậy nào, em đừng nói vậy anh lại ế vợ chồng chơ ra bây giờ. Các chị ấy chỉ đơn thuần là *kun đên* (5) thôi. Quê anh ở tận *Hoi* heo hút cơ mà”. Tôi và bạn đồng hành ù cả tai khi hai người nói chuyện với nhau, bởi họ đèm nhiều từ bản xứ quá. Mà tiếng Đức, thú thật chúng tôi không thạo. Bữa ăn hết ngàn hai *đê* (6). Ton đặt tiền vào đĩa, dưới cái hoá đơn. Xong hắn đứng lên, sửa lại cà vạt và dùng ngón tay trở ngoác gọi cô hầu bàn lại. Hắn rút tờ một trăm *đê*, tay kia nâng bàn tay cô gái lên, tay này đập đánh đét tờ trăm *đê* vào đấy và cao giọng: “Tiền *tờ rinh kết* (7) cho người đẹp đây”. Chúng tôi theo Ton ra xe.

Ton dẫn chúng tôi đến các *gờ rớt han đên* (tức các khu bán đồ) (8) của người Việt. Quần áo ê hề. Chỉ thấy người bán, không thấy người mua. Ton giải thích: ở đây nhộn nhịp về chiều tối, lúc ấy những người bán lẻ từ các chợ mới về lấy hàng. Khung cảnh các khu bán đồ này gọi ta nhớ đến một đoạn nào đấy của phố phường Hà Nội. Nghĩa là quần áo, dày dép... chen lẫn với phở, cơm, bún ốc, bún riêu, trứng vịt. Các chị nhà hàng loẹt quẹt dép lê. Ngôn ngữ vỉa hè Hà Nội cập nhật, có khác chẳng là những từ Đức đã được Việt hoá đèm

thêm vào trong từng câu trao đổi. Rất nhiều quỳ gọi Ton là chủ hàng. Tôi hỏi : “ Mày lên triệu phú chưa mày ? ”. Ton cười. Anh bạn tôi chêm vào : “ Đùng hạ thấp nó. Ton bây giờ đã được liệt vào hàng chục triệu phú tiền *đê* rồi đấy ”.

Chặng từ Ép-phuốc về Đre-xden, Ton chạy từ tốn hơn, phần vì đường xấu hơn, phần vì hấn mãi chuyện. Theo Ton kể, hấn là con giám đốc một tổng công ty ở Hà Nội. Đang học dở năm cuối phổ thông, nhân có đợt xuất khẩu lao động sang Đức, hấn nghe lời cha, bỏ học, đi Tây. Ton tâm sự : “ Thân phận cu li khổ lắm các anh ạ. Chúng em thuê ấy một cỗ hai tròng : tròng đội trưởng phiên dịch và tròng đốc công tây. Minh sức yếu mà chúng bắt làm mức bằng thẳng tây khoẻ như con trâu đực. Em làm bên xây dựng. Có lần bị ngã từ giàn giáo cao mười mét xuống đất. Suýt toi mạng. May chỉ bị gãy tay. Thời ấy em hận *ông bô* nhà em lắm, ông ấy xui em đi làm khổ sai. Nay ngẫm lại, hoá ra ông sáng suốt. Xin lỗi hai anh, lấu chữ mà làm gì. Như em đây, văn hoá thấp, tiếng không thạo (tôi hơi ngạc nhiên), vậy mà vẫn làm được ông chủ. Lên từ đôi tiền và bán thuốc lá đây. Còn mấy ông đốc tờ đôm nhà ta giờ đi làm thuê cho bọn em không xong ”.

Đến Đre-xden, Ton dẫn chúng tôi vào một khu nhà ga hoang phế. Không gian tĩnh lặng. Cỏ dại um tùm. Đây đó rải rác những cây lê, cây táo dại, quả trĩu cành, quả chín quả xanh rụng đầy quanh gốc cây. Ton cho xe chậm rãi bò theo con đường đất nhỏ, rải xỉ than, tiến về phía một ngôi nhà nhỏ cô đơn, tường vôi lở lói. Từ ống khói nhô trên nóc nhà, uể oải lượn một làn hơi xám bạc. Tôi những tưởng sẽ được nghe tiếng chiếc chuông nhỏ vang lên keng keng, và tiếng kêu meo meo của chú mèo Ac kíp như trong chuyện *Tuyết* mơ màng của Pautôpxki. Nhưng đến cách ngôi nhà chừng mười mét, Ton rời con đường nhỏ, rúc xe vào một lùm cỏ cao ngập đầu người. Hấn nói như ra lệnh : “ Các anh ngồi đây chờ, em vào thăm ông đốc tờ của em một chút ”. Rồi hấn chui khỏi xe, sửa lại cà vạt, chậm rãi tiến về phía ngôi nhà. Thời gian chậm chạp trôi qua. Chừng nửa giờ sau, tiếng hấn vang lên : “ *Đãng kờ suên* (9), *thời chuyết* (10) anh nhè ”. Qua những kẽ hở lay động giữa đám cây cỏ sau kính cửa xe, tôi thấy một người đàn ông dong dỏng, đeo kính cận, đang tiễn Ton ra cửa. Người ấy nói với theo : “ Chủ nhật tối, mày nhớ cho bà già nhà mày xuống đây chơi nhè. Bà ấy mê ngôi nhà của tao lắm đấy. Yên chí, tao không cuỗm mất đâu ”. Tiếng thẳng Ton : “ Ô kê, ô kê ! ”. Hấn tiễn tới mở cửa xe, nhờ tôi cầm hộ tập giấy : “ Toàn là *zát* (11) nhập hàng của em cả đấy. Nhờ ông đốc tờ đôm khai hộ. Khốn nạn, hết hạn chưa bảo vệ, trường nó cắt lương, đuổi nhà. Em phải thuê cho ngôi nhà hoang này, kiếm việc cho làm để có cái ăn mà *ngâm cứu* tiếp ”.

Xế chiều. Chúng tôi rời Đre-xden về Hoi. Ra khỏi thành phố chừng mười phút, Ton rẽ vào con đường bé hơn, chạy ngoằn ngoèo giữa một vùng đồi điệp trùng. Đường bé nhưng vắng xe. Ton vừa lái xe vừa huýt sáo miệng, ra chừng mãn nguyện. Anh bạn tôi nằm hấn ra ghế sau, ngủ. Còn tôi thì bồi hồi với cảnh sắc lướt qua ngoài cửa xe. Con đường lượn trên lưng chừng các dải đồi. Từ trên cao trông rõ những lồng thung dong đầy nắng vàng ươm. Rải rác đó đây vài xóm nhỏ, mỗi xóm qui tụ chừng mười nóc nhà, mái ngói đỏ sẫm thấp

thoáng sau những vòm cây ăn quả xanh tươi. Cảnh sắc tạo nên cảm giác thật yên bình. Cao hứng, tôi đọc to một đoạn thơ cũ của mình. Ton nói, không nhìn vào tôi : “ Anh giống bà già nhà em, thơ phú đến nẫu ruột ”. Tôi thuận miệng : “ Mày để bà già ở nhà một mình ở thị trấn Hoi heo hút bà có kêu buồn không ? ”. “ Buồn gì anh. Mụ đứng bán hàng cho em ở cái *ki ốt* ngoài trung tâm, bận tối mũi, thời gian đâu mà buồn ”. “ Còn thơ ? ”. “ À, đời cũng có lúc rồi chứ anh. Bà thường đọc thơ lúc chỉ có một mình. Hoặc chỉ đọc cho tự mụ nghe thôi ”. Tôi buột miệng hỏi : “ Vùng quê mày người ta gọi mẹ bằng mụ à ? ”. Ton cười, không ra lắc, không ra ừ.

Đến Hoi, chiều đã muộn. Ton cho xe về thẳng nhà. Đến đầu con phố nhỏ, nhìn thấy chiếc xe công an đỗ ngay trước ngôi nhà cao tầng nơi có căn hộ hấn ở, Ton phanh dặt xe lại. Rồi hấn lại cho xe đi và cười ngượng ngùng : “ Em vẫn không dứt được phản xạ sợ công an mang từ thời buồn thuốc ”. Trên đường vào nhà, khi đi ngang qua chiếc xe công an, Ton vẫn thắc mắc : “ *Chúng* vào đây làm gì nhỉ ? ”. Một bà người sau suốt một ngày đi đường, chúng tôi chỉ mong chóng vào nhà mà ngã lưng một lát. Nhưng khi vừa bước ra khỏi cửa thang máy, ba đứa chúng tôi liền bị ông hàng xóm dang tay chặn lại. Ông ta vừa chỉ vào cánh cửa mở toang của căn hộ Ton ở, vừa nói liến thoắng một tràng dài tiếng Đức. Hình như ông ta dùng thổ ngữ hay sao ấy, mà thấy thẳng Ton lúng túng có vẻ không hiểu. Hấn quay sang chúng tôi giải thích : “ Lão ta bảo có ba người Việt đang đánh nhau với công an ở trong nhà em ”. Đứng là từ nhà thẳng Ton có vắng ra tiếng lịch kịch thật. Rồi một người công an hiện ra ở cửa. Anh ta không hề để ý đến chúng tôi, mà lúi húi dùng vật gì đó rà theo thành cửa và ổ khoá. Ông hàng xóm tiến đến nói gì đấy với anh ta. Anh ta quay ra vẫy Ton vào nhà. Một lát sau, từ trong nhà vắng ra tiếng phụ nữ khóc hu hu. Rồi tiếng Ton quát : “ Chúng nó lấy mất bao nhiêu ? ”. Tiếng trả lời lí nhí không nghe lọt. Tiếng thẳng Ton : “ Ta đã bảo chiều dọn hàng sớm, rồi mang tiền bỏ nhà bằng cho người ta cơ mà. Thế là đi đời một ngày *um zát* (12) ”. Tiếng khóc càng to hơn. Chừng nửa tiếng sau, Ton đi ra : “ Ba thằng *cộng* rình lúc bà ấy vừa về, đang mở cửa, chúng xô mụ luôn vào nhà. Trói chân, trói tay, rồi đánh, bắt khai tiền để đầu. Chúng lục tung hết mọi thứ, bới thùng rác rất kĩ, rạch tung hết đệm giường, đệm ghế. Chỉ vét được nghìn tư, chúng cứ giở sổ bán hàng ra vắn mãi tiền *um zát* mấy ngày trước để đầu. Bảo đã gửi nhà băng, chúng nó không tin, đánh bà ấy đau lắm, sung hết mặt, hết người ”. Vì công an còn tìm lấy dấu tay thủ phạm và chờ phiên dịch đến để lấy lời khai bà già nên Ton dẫn chúng tôi xuống xe ngồi. Vừa đi hấn vừa lâu bầu : “ Còn may là chúng không giết, chỉ lấy bằng dính dán mồm lại, rồi đóng cửa bỏ đi ”.

Chừng mười một giờ khuya, Ton xuống dẫn chúng tôi lên nhà. Đồ đạc vẫn ngổn ngang khắp nơi. Tuy vậy, một mâm cơm khiêm tốn đã đợi sẵn ở phòng ngoài. Chúng tôi ăn ngấu nghiến. Bữa cơm chỉ có hai món là cá rán và đậu phụ om cà chua, mà tôi tưởng như chưa có bữa cơm nào ngon hơn. Ton ngồi tiếp chúng tôi. Bà già đã ăn trước cùng hấn, rồi đắp chăn nằm ở chiếc giường đôi kê trong căn phòng nhỏ. Chúng tôi ăn, còn Ton thì kể lại diễn biến cuộc *đập hộp*. Đến lúc Ton kết luận : “ Em mất nghìn tư ”. Từ trong phòng trong lại vọng

ra tiếng sụt sùi. Rồi giọng phụ nữ nức nở, cái giọng khiến tôi rất dỗi tò mò : “ Em còn chưa kể với anh là chúng đập vỡ con lợn lấy hết tiền xu tiết kiệm cả năm của em ”. Tiếng nức nở vẫn không thôi. Ton trấn an : “ Chúng không giết là may, lại còn tiếc mãi mấy đồng xu lẻ ”. “ Xu lẻ nhưng mà gần đầy lợn. Có dễ đến vài trăm. Chúng nó cướp mất tiền sách bút của con em ”. Không nén nổi tò mò, tôi chồm lên, khiến hai anh bạn đồng thanh hốt hoảng : “ Sao, con gì cắn hả ? ”. Nhận ra mình vô lí, tôi vờ sờ đệm ghế : “ Hình như cái tấm ”.

Com nước xong, đã quá mỗi mệt, chúng tôi vội sửa soạn đi ngủ. Phòng ngoài kê hai cái giường cá nhân, một cái ghế bành vừa là giường. Anh bạn tôi nhanh nhẩu trải ga, chăn đệm đủ cho cả ba chỗ. Chúng tôi đã ai yên chỗ nấy mà thằng Ton vẫn đánh trần vận xà lòn ngồi hút thuốc. Lát sau, hẳn bảo tôi lúc nào ngủ thì tắt đèn, rồi mở cửa nháy vào phòng trong, làm anh bạn tôi há hốc mồm vì ngạc nhiên. Vừa mới lo mo ngủ, tiếng chuông ai gọi cửa làm tôi giật nảy người. Cả hai phòng vẫn yên ắng. Lại tiếng gọi cửa, lần này réo rất hon. Tiếng thằng Ton rất tỉnh : “ Anh Nam ra xem hộ ai gọi đấy ”. Tôi đi ra, nhòm vào lỗ cửa : “ Ton ơi, tay công an ban tối ”. “ Anh mở cho nó vào, rồi rút hộ em cái quần đùi với lại bộ quần áo dài để ở phòng ngoài í ”. Phòng trong đã bật đèn ngủ. Tôi miễn cưỡng đẩy cửa, rút quần áo vào cho Ton và không khỏi tò mò liếc lên phía đầu cái giường đôi. Thằng Ton đã nhòem nửa người ra khỏi chăn. Chếch phía sau là một gương mặt phụ nữ. Hình như cũng vì tò mò, chị ngước lên nhìn tôi rồi quay phắt mặt vào tường. Tôi kéo sập cửa lại như vừa bị xúc phạm. Hai mi mắt sưng húp, má mũi nhiều vết tím bầm nhói gọi niềm thương cảm. Cái quay mặt cửa sắc vào lòng tự ái. Tôi giận dữ quăng người xuống giường và kéo chăn trùm kín đầu. Mãi sau vẫn không thiếp đi được. Có cái gì đấy cứ gây khắc khoải. Cái gì ? Thật mơ hồ. Chẳng lẽ lại là ánh mắt người thiếu phụ xa lạ kia ư ? Tôi dần chìm vào giấc ngủ nặng nề cùng với nỗi băn khoăn.

Tôi tỉnh giấc khi anh bạn đồng hành nắm lấy vai tôi lắc mạnh. Mặt trời đã lên cao chừng vài ba con sào, rọi nắng tưng bừng căn phòng. Ton vẫn chưa dậy. Hai đứa chúng tôi ngồi ngáp vặt một lúc rồi tự động vào bếp đun nước pha cà phê. Hết cà phê, sang đến tuần trà thì Ton dậy. Xong phần thủ tục vệ sinh, hẳn nhập cuộc cùng chúng tôi. Khi biết bà già đang đi mua thức ăn, anh bạn tôi đùa Ton : “ Sau đập hộp, hoảng loạn thế mà vẫn mua mớ được à ? Tôi phục sức trẻ ”. Ton khoát tay : “ A chà, cho đỡ cần ”. Rồi hẳn phân bua : “ Thiên hạ cứ bảo em lắm bở, nhưng thực tế dăm bảy cô kia chỉ là trăng hoa văn nghệ tí thôi. Chúng còn trẻ, lại xinh, vừa là *kun đèn*. Dẫn sâu vào cho chúng rút ruột à ? Em chẳng dại. Chi bằng chọn bà già. Ăn chắc, mặc bền, đỡ tốn. Lại còn được hàm ơn. Thời buổi này, ngũ như mụ nhà này tự làm không đủ sống, đừng nói chi tiết kiệm thỉnh thoảng gửi về dăm trăm một ngàn nuôi bốn con vịt gười ở nhà ”. Anh bạn tôi tán đồng : “ Cũng là một kiểu hợp tác. Cái công thức phổ biến khắp Đông Âu này ”. Ton : “ Nói vậy nhưng mụ cũng khá tình cảm với em. Mỗi lần em về đều com ngon canh ngọt. Tắm rửa, sửa sang, trang điểm. Nhà cửa, giường chiếu lúc nào cũng sạch sẽ thơm tho. Mụ chăm chút chiều chuộng em lắm ”. Bạn tôi : “ Chuyện ! Vợ được tắm bở trẻ khoẻ, đẹp trai, giàu có, không chiều chuộng chỉ hoạ có người ngu. Mà

bà già nhà mày xem ra không phải hạng người ấy ”. Ton trầm ngâm như ông cụ : “ Không. Bà tình cảm thật. Cả thị trấn *Hoi* này chỉ có bà và một đôi nữa là *cộng*. Quanh năm ngày tháng cặm cụi bán hàng, chả có ai mà chuyện trò. Em về là bà mừng ra mặt. Những lúc *tàn cuộc* bà thích nằm bên, vừa vuốt ve ngực em, vừa trò chuyện. Bà có một quá khứ oai hùng vào sinh ra tử ở chiến trường. Từng là cấp dưỡng, rồi quân y sĩ. Hai lần bị bom vùi, một lần suýt chết vì sốt rét ác tính. Rồi được chuyển ngành về đi học, hưởng nguyên lương, đời sống khá sung túc. Ra trường là cưới chồng liền. Tá về hưu, bạn đồng ngũ cũ. Để liền tù tì bốn thị mệt. Cố thẳng cu mà không ăn giải. Đời sống sa sút, vợ chồng bần nhau xuất dương *cứu nhà*. Chồng nhiều tuổi quá, không đi được, đành thay vợ trông con. Bà bảo trước kia bà lãng mạn lắm, nhưng cho đến nay đã ngoài bốn mươi, bà chưa hề yêu ai với đầy đủ cả phần hồn và phần xác của chữ yêu... ”. “ Thì anh Ton sẽ là mối tình đầu của nàng ” — Anh bạn tôi đùa. “ Không, bà không yêu em, mà em cũng không yêu bà. Hoàn cảnh đưa đẩy ở với nhau thì làm chuyện con đực con cái và thương nhau thôi. Thỉnh thoảng bà còn giục em tìm vợ. Có lúc lại đùa hay là chờ lấy con gái đầu của mụ. Con bé năm nay mười sáu. Gửi ảnh sang trông xinh ra phết ”.

Mười hai giờ trưa. Bà già vẫn chưa về. Đói quá, chúng tôi xuống bếp tự biên tự diễn. Ba thằng xi xụp với nhau. Ton lâu bầu : “ Mặt sung mày tím thế mà đi la cà những đâu ”. Hai giờ chiều, sốt ruột và bực mình, Ton mặc quần áo, đánh xe đi tìm. Bốn giờ hẳn quay về chủ tục : “ Chả thấy con đĩ đâu cả. Tưởng sang nhà đôi *cộng* ở mé đôi bên kia, nhưng không phải ”. Tôi dè dặt : “ Hay hôm qua bị đánh đau nặng, nay đi đường bị choáng ngã ngất đâu đấy ”. Ton gạt phắt : “ Không có đâu. Bị đánh đau thật nhưng sức lực còn dồi dào. Đây là chuyện tinh thần. Thường ra, mỗi lúc em đi xa về là phải hai chầu. Đêm qua, sau khi tay công an về, em đôi chầu nữa, mụ không chịu, cứ đẩy em ra. Thái độ mụ kì quặc lắm. Đáng ra mụ phải nịnh em, vì ở nhà, chồng con mụ đang cần tiền để trả nốt khoản nợ mua căn nhà hoả hồng đang ở. Mụ này nhiều lúc ất ơ lắm. Hay lại nổi máu lãng mạn lên, mò xuống lão *đốc tờ*. Về đấy ôm nhau mà chết đói. Hai đứa cứ xuýt xoa với nhau là cái nhà hoang ấy giống cái nhà tuyết nhà tiểcgi đấy của tay nhà văn Nga Tốp ki hay khi gió gì ấy ”. Nổi tò mò lại cấu xé tôi : “ Này, thế bà ấy xuất xứ thế nào ? ”. “ Sang Đức làm đội trưởng đợt vét năm tám chín. Không thạo tiếng, lại không biết lươn lẹo nên chẳng xơ múi gì. Cơ hội đổi tiền bỏ qua. Không muốn buôn bán, chỉ chăm chăm tìm chỗ làm công ăn lương, nên mộng làm giàu đặt ra trước khi đi không thành. Con, chồng đặt nhiều kì vọng vào mụ, nay không thể về tay trắng. Thế là nấn ná ở lại kiếm thêm. Giờ lại sinh ra chán chồng, bảo là lấy vì thương hại chứ không yêu. Ô, mà không chán thì cũng nghĩa lí gì. Đạo đầu mụ bở bịch với tay *đốc tờ*. Sau hai đứa trụ không nổi mới chuyển sang em ”. Sốt ruột, tôi ngắt lời Ton : “ Trước khi đi Đức, bà ấy làm nghề gì ? ”. “ Giáo viên cấp hai. Học trung cấp sư phạm văn ra mà ”. “ Trung cấp hay đại học ? ”. “ Trung cấp. Mà ô hay, sao anh lại vặn em ? ”.

Tối muộn vẫn không thấy tăm hơi bà già đâu. Khoảng mười giờ sáng hôm sau, tình cờ ông *đốc tờ* gọi điện cho Ton. Hoá ra không có bà già ở đấy. Ton hoãn hốt chạy đến bệnh

viện thị trấn. Cũng không. Ton soát lại đồ đạc thì thấy quần áo tư trang bà già không còn. Bấy giờ hẳn mới để ý đến tờ giấy cài dưới cái đèn ngủ. Ton đưa cho chúng tôi đọc : “ *Anh Ton, đừng tìm em. Em xin anh chớ ngàn rưởi tiền lương hai tháng chưa nhận* ”. Nét chữ không gọi lên điều tôi mong đợi. Ton đoán : “ Mụ không tự tử. Người đi tự tử thì không cần tiền. Lại phải đi tìm con khác. Mà kiếm được đứa như mụ có dễ đâu. Chắc mụ sang Pháp. Mụ có người nhà ở bên ấy hứa tìm cho chỗ rửa bát thuê. Bao giờ thì mụ đạt được mục tiêu trăm vé dất lung để về với đám vịt gồi ? Mục thất ! ”.

Hai giờ chiều, Ton chở chúng tôi đi Dre-xden để lên tàu hồi hương. Ra khỏi địa phận Hoi chùng dăm cây số, xe chúng tôi phóng nhanh lướt qua một người phụ nữ Á đông đang đi bộ cùng chiều. Ton hét : “ Mụ già ”, rồi đạp mạnh chân phanh. Tiếng lốp xe rít trên mặt đường ghê rợn. Ba đứa bọn tôi nhẩy bổ ra. Người phụ nữ đã hốt hoảng chạy biến vào cánh rừng trải dài xuống thung lũng. Ton lao theo tìm. Chúng tôi chạy theo Ton. Rừng mịt mù xanh. Loay hoay tìm nửa tiếng đồng hồ. Người phụ nữ biến mất tăm. Chúng tôi dừng lại ở một hòm rừng thưa mọc rải rác những cây bạch dương non nơi lưng chừng đồi. Cả ba nằm lăn ra thăm lá mục thổ hồng học. “ Chắc không phải bà già ” — anh bạn tôi nhận định. “ Thế sao lại bỏ chạy ? ”. “ Thì người ta tưởng bị cướp chứ sao ”. Thằng Ton lại giở giọng ông cụ : “ Khốn nạn, mụ cố dành dụm lắm. Biết tính mụ thật thà, em cho mụ cuối mỗi ngày bán hàng, cứ có bao nhiêu tiền xu thì được quyền bỏ hết vào *lợn* làm tiền riêng. Bị cướp cả chỗ tiền *lợn*, mụ khóc như cha chết. Nhưng, mụ khóc nhiều nhất là do mất cái gói bọc giấy xi măng. Cái gói ấy mụ cất kỹ trong hộp đồ trang điểm. Lũ cướp đã mở ra xem, định vứt đi, nhưng đến phút chót chúng lại cho vào túi chúng. Vì thế nên mụ càng tiếc dữ. Mụ khóc âm thầm suốt chiều tối hôm ấy. Cả khuya, khi nằm bên em, mụ vẫn khóc ”. Anh bạn tôi tò mò : “ Cửa quý gì mà tiếc dữ vậy ? ”. “ Đã nói bà già lẳng mạn mà. Kỉ niệm đâu từ thời học phổ thông hay thời bộ đội gì ấy. Thấy bà có vẻ quý cái gói ấy, có lần em tò mò giở ra xem. Giời ơi, có gì đâu, mấy trái sim khô quất với một bài thơ đề là tặng nàng, chữ mực tím nhạt nhoè ”. Anh bạn tôi reo lên : “ Đúng là nàng như tổ nói hôm qua chưa ! ”.

Tôi lặng người. Tôi cũng có một chùm sim khô gói trong giấy xi măng. Nàng ư ? Lẽ nào lại là nàng ? Đâu rồi một nàng của tôi khí khái ? Đâu rồi những năm xưa trong trèo ? Nợ áo com không chùa một ai ư ? Sao số phận lại phũ phàng xô dạt tôi và nàng về cùng một phía, cái phía tối của cuộc

đời ? *Đi Tây* — thế là nàng cũng lại *đi Tây* ? Không ! Không ! Người đàn bà này không thể là nàng. Chùm sim kỉ niệm và chiếc khăn tay nàng đã đau đớn trả lại tôi vào buổi chiều chia li năm xưa rồi cơ mà. Nhưng, còn sự ra đi kì lạ của chị ? Và nữa, ánh mắt trong đêm gây cho tôi bao nỗi bồn chồn ? Trong cuộc sống đầy xáo trộn của người Việt dưới gầm trời Tây này, tiểu sử, tên họ không còn là tư liệu tin cậy nữa. Nàng ? Có phải nàng không ? Câu hỏi ấy còn đuổi theo tôi đến bao giờ ? Tôi gối đầu lên tay, nhìn xoáy lên trời cao. Trời trung du. Nắng vàng như mật. Những ngọn đồi lúp xúp chạy hút tầm mắt. Những đôi bạch dương, những đôi bạch dương...

Thiên Nam

Vác sa va, thu 1997

- (1) *vải màn* : vải lót vệ sinh hàng tháng của phụ nữ (chú thích của người đánh máy).
- (2) *cộng* : người Việt Nam (từ người Việt ở Đông Âu dùng để tự chỉ mình).
- (3) *kia xếp* : việc làm ăn (Geschäft).
- (4) *Ốt* : Đông Đức (Ost).
- (5) *kun đên* : khách hàng (Kunden).
- (6) *đê* : DM, đồng Mark của Đức.
- (7) *tờ rinh kết* : tiền puốc boa (Trinkgeld).
- (8) *gờ rôt han đên* : bán đồ, bán buôn (Grosshandel).
- (9) *Đăng kờ suên* : cảm ơn nhiều (danke schön).
- (10) *chuyt* : tạm biệt (Tschüs !).
- (11) *zát* : biểu thuế quan (Satz).
- (12) *um zát* : tiền bán hàng (doanh thu) của một ngày (Um-satz).

Một số địa danh (Đông Đức) :

- Béc lin* : Berlin
Dre-xden : Dresden
Ép-phuốc : Erfurt
Ha lo : Halle
Hoi : Hoyerswerda
Kem nit : Chemnitz (Karl Marx Stadt cũ)
Tờ rét : Trebsen

DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ ♦ Imprimé par nos soins ♦ Dépôt Légal : 178/91
 Commission Paritaire : AS 73324 ♦ Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)
 Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :

diendan_forum@hol.fr

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6,92237 Sulzbach-Rosenberg
 Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063
 địa chỉ điện tử : ldloc@polbox.com

Thế lệ mua báo : xin coi trang 47

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)

LƯU Ý BẠN ĐỌC

Từ nay địa chỉ điện tử của báo Diễn Đàn là :

diendan_forum@hol.fr

(trong số trước, chúng tôi ghi sai là ...hol.com, thay vì ...hol.fr)

Địa chỉ cũ (diendan_forum@compuserve.com) không còn giá trị, kể từ cuối tháng 5.98 này.

Ngoài ra, bạn đọc ở Ba Lan có thể liên lạc với đại lý của chúng tôi tại địa chỉ điện tử :

ldloc@polbox.com